*Ngày soạn: 13/ 1/ 2024*

**TIẾT 73, 74, 75 ÔN TẬP ĐỌC HIỂU TRUYỆN**

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU TRUYỆN “ LÃO HẠC”**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của văn bản truyện ngắn hiện đại. (thể loại, đề tài, nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện ngắn hiện đại ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

**-** Biết yêu quý con nguoi và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại văn bản truyện ngắn hiện đại.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu 1:** Củng cố tri thức nền về văn bản truyện ngắn hiện đại.   - Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.  - Nhận biết và phân tích được cốt truyện.  - Biết cách đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại.   * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi, yc hs trả lời:**  **+** Chủ đề của bài học và thể loại chính của các văn bản đọc hiểu?  + Kể tên các văn bản được học trong chủ đề?  + Dựa vào các tri thức đã học, em hãy cho biết để tìm hiểu một văn truyện ngắn hiện đại chúng ta cần quan tâm những yếu tố nào?  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *hoàn thành bảng kiếm theo mẫu.*   |  |  | | --- | --- | | **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | | **1.Cốt truyện**  **đơn tuyến** |  | | **2. Cốt truyện đa tuyến** |  |   **HS tiếp nhận nhiệm vụ**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV phát phiếu bài tập.  **-** HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành làm phiếu bài tập theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Đánh giá, động viên tinh thần hoạt động của HS.  BÀI TẬP HÌNH THÀNH KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU CHI TIẾT MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN NGẮN.  **BÀI 1** **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  *Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm trước nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ác liệt nhất. Ở đây, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy.*  ( Nguyễn Khải, Mùa lạc, Dẫn theo Truyện ngắn Nguyễn Khải, NXB Văn học 2013) Câu 1. Chỉ ra các  phương thức biểu đạt được sử dụng kết hợp trong đoạn văn bản trên. Câu 2. Nhà văn đã kể gì về nhân vật chị trong đoạn trích ? Câu 3. Em hiểu gì về cuộc sống và con người thời đó qua câu văn: “**Ở đây, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng**” Câu 4.  ***Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy.*** Em hiểu như thế nào về câu nói trên của nhà văn Nguyễn Khải? Gợi ý đáp án:  **Câu 1:**  Phương thức biểu đạt  được sử dụng kết hợp là: tự sự, miêu tả, biểu cảm. **Câu 2:**  + Chị có 2 quê hương: Hưng Yên và Hồng Cúm. + Chị từng có quá khứ bất hạnh, khổ đau và đã tìm được hạnh phúc trong hiện tại. **Câu 3:**  + Cuộc sống thời hậu chiến: gian khổ, thiếu thốn. + Con người vẫn biết vươn lên, vượt qua những khó khăn gian khổ để tìm được niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống. **Câu 4**: có thể thể hiện ý hiểu cá nhân của HS bằng gợi ý sau – Câu nói khảng định: trong cuộc sống con người cần có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; hạnh phúc sẽ đến nếu con người biết vươn lên. – Thái độ sống sẽ giúp mỗi người vượt qua hoàn cảnh của mình, phê phán lối sống bi quan, tuyệt vọng, không biết vươn lên.  Bài tập 2  Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn có tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lắm chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.  – Sắp đến chưa? Người đàn bà chợt hỏi. – Sắp. – Nhà có ai không? – Có một mình tôi mấy u. Thị tủm tỉm cười: – Đã một mình lại còn mấy u. Bé lắm đấy! Hắn bật cười – À nhỉ! Câu chuyện xem chừng đã thân thân. Hắn đi sát gần bên thị hơn, ngẫm nghĩ một lát, chợt hắn giơ cái chai con vẫn cầm lăm lăm một bên tay lên khoe: – Dầu tối thắp đây này. – Sang nhỉ. – Khá thôi. Hai hào đấy, đắt quá, cơ mà thôi chả cần. – Hoang nó vừa vừa chứ. Hắn chậc lưỡi: – Vợ mới vợ miếc cũng phải cho nó sảng sủa một tí chứ…  (Kim Lân, Vợ nhặt )  Câu 1. Nêu nội dung chính của đoạn trích. Câu 2. Tâm trạng của nhân vật Tràng được diễn tả trong đoạn trích như thế nào? Câu 3. Từ tâm trạng của nhân vật Tràng, anh/ chị hiểu về phẩm chất của người nông dân trong nạn đói năm 1945? Câu 4. Nhận xét về nghệ thuật truyện ngắn của Kim Lân qua đoạn trích trên. | 1. **Tri thức nền cần ghi nhớ:** 2. Chủ đề bài học: Chân dung cuộc sống.   2- Thể loại chính của các văn bản**: 2** tp truyện ngắn + 1 tp thơ kết nối chủ đề.  3- Các văn bản được học:  + Mắt sói ( Đa-ni-en Pen-nắc)  + Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long).  + Bếp lửa ( Bằng Việt)  -> Thể loại VB đọc chính:  **TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI** 1. Khái niệm truyện ngắn: Truyện ngắn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi. 2. Đặc trưng về nội dung và hình thức của truyện ngắn **2.1. Cốt truyện**  – Cốt truyện: là hệ thống sự kiện (biến cố) xảy ra trong đời sống của nhân vật. -Truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một vài biến cố, mặt nào đó của đời sống, các sự kiện tập trung trong một không gian, thời gian nhất định, nói như nhà văn Nguyễn Kiên:  Truyện ngắn thường chỉ phản ánh một khoảnh khắc, một mẩu nhỏ nào đó của cuộc sống. – Cốt truyện đóng vai trò rất quan trọng trong truyện ngắn: Một truyện ngắn hay phải có một cốt truyện kì lạ, hay nói cách khác nghệ thuật truyện ngắn đồng nghĩa với nghệ thuật sáng tạo cốt truyện(Gớt).   * **Cốt truyện đơn tuyến**   **-** Chỉ có một mạch sự kiện  - Sự kiện đơn giản.   * **Cốt truyện đa tuyến**   - Tồn tại ít nhất hai mạch sự kiện.  - Hệ thống sự kiện phức tạp, chồng chéo gắn với số phận các nhân vật chính.  **2.2 Tình huống truyện**  Mỗi tác phẩm truyện ngắn sẽ được xây dựng dựa trên một tình huống truyện nhất định. Tình huống truyện là sự việc chính hoặc hoàn cảnh bộc lộ được đặc điểm của nhân vật hoặc ý đồ của tác giả.  -Tình huống truyện là hoàn cảnh chứa xung đột được nhà văn tạo lập để triển khai cốt truyện. Tình huống truyện xét đến cùng là những sự kiện đặc biệt của đời sống trong đó chứa đựng những diễn biến, mâu thuẫn được nhà văn triệt để khai thác làm bật lên ý đồ nghệ thuật của mình. Trong truyện ngắn tình huống là “cái tình thế xảy ra truyện” để diễn tả “một khoảnh khắc mà trong đó sự sống hiện ra rất đậm đặc”, là cái khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người” (Nguyễn Minh Châu).  - Các loại tình huống: tình huống hành động (hướng tới hành động có tính chất bước ngoặt  của nhân vật); tình huống tâm lí (chủ yếu tác động đến tâm tư, tình cảm nhân vật hơn là đẩy họ vào tình thế phải lựa chọn hay quyết định những hành động thích ứng) ; tình huống nhận thức (mang đến nhận thức cho nhân vật, chủ yếu cắt nghĩa giây phút giác ngộ chân lí của nhân vật) – Tình huống truyện là cơ sở để cốt truyện phát triển một cách tự nhiên, hợp lí; góp phần thể hiện tư tưởng, tính cách của nhân vật, thể hiện chủ đề của tác phẩm. (gv nói thêm để hs được khắc sâu, mở rộng kiến thức).  **2.3. Kết cấu**  – Kết cấu là cách tổ chức tác phẩm: thể hiện ở phần mở đầu, kết thúc; sự lựa chọn, sắp xếp các chi tiết đời sống, sắp xếp các chương đoạn… 2.4. Nhân vật - Nhân vật là một yếu tố rất quan trọng trong truyện ngắn bởi không có câu chuyện nào được xây dựng mà không có nhân vật.  -Truyện ngắn hiện đại thường chú ý diễn biến nội tâm, tính cách đậm nét; tâm lí phù hợp với cá tính, lứa tuổi, giới tính…Truyện ngắn thường miêu tả tâm lí nhân vật qua bút pháp ngoại hiện (miêu tả qua hành vi, biểu hiện bên ngoài, qua đối thoại);  bút pháp trực tiếp (diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật bằng trần thuật  theo điểm nhìn của nhân vật, sử dụng thủ pháp độc thoại nội tâm…) – Qua nhân vật nhà văn thường thể hiện những tư tưởng, tình cảm, quan niệm về cuộc đời.   * Các phương diện chính để phân tích nhân vật: * Xuất thân/Lai lịch. * Ngoại hình. * Ngôn ngữ, cử chỉ, hành động. * Tính cách, phẩm chất. * Nghệ thuật xây dựng nhân vật.   => Vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.  **3. Chi tiết**  – Chi tiết là những tiểu tiết của tác phẩm có thể là về phong cảnh, môi trường, chân dung, cử chỉ, phản ứng nội tâm, hành vi, lời nói… – Chi tiết nghệ thuật đóng vai trò quan trọng trong truyện ngắn  yếu tố có ý nghĩa quan trọng bậc nhất của truyện ngắn là chi tiết có dung lượng lớn (Lí luận văn học). Không chỉ mang giá trị tạo hình, chi tiết còn mang sức khái quát lớn tô đậm tính cách nhân vật, thể hiện điểm nhìn, nghệ thuật kể chuyện của tác giả… tạo ra những tầng nghĩa sâu xa cho tác phẩm. Chi tiết cô đúc là bởi đây là những yếu tố nhỏ trong tác phẩm nhưng lại  mang sức chứa lớn về tư tưởng và cảm xúc. Những chi tiết đặc sắc, độc đáo thường làm nên những truyện ngắn có giá trị, hấp dẫn. Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn. – Để có được những chi tiết nghệ thuật hay nhà văn phải có sự tìm tòi, sáng tạo, phải có vốn sống thực tế phong phú. 4. Điểm nhìn và giọng điệu trần thuật:   * Điểm nhìn   – Điểm nhìn văn bản là phương thức phát ngôn, trình bày, miêu tả phù hợp với cách nhìn, cách cảm thụ thế giới của tác giả, chỉ vị trí để quan sát, cảm nhận, đánh giá. – Các loại điểm nhìn: điểm nhìn  của người trần  thuật (điểm nhìn bên ngoài) và của nhân vật (theo cá tính, địa vị tâm lí nhân vật); điểm nhìn không gian- thời gian (là vị trí của chủ thể trong không gian và thời gian, thể hiện ở phương hướng nhìn, khoảng cách nhìn, đặc điểm của khách thể được nhìn)   * Giọng kể (hay chính là giọng điệu):   Là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa, gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm. Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị đa dạng, nhiều sắc thái dựa trên một giọng điệu cơ bản chủ đạo.Giọng điệu trong tác phẩm là giọng riêng của tác giả nhưng mang nội dung khái quát nghệ thuật, phù hợp với đối tượng thể hiện.  (nv) 5. Cách đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn.   * Chú ý hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. ***Bởi việc tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác là cơ sở để cảm nhận các tầng lớp nội dung và ý nghĩa của truyện.*** Mỗi tác phẩm truyện ra đời trong một giai đoạn văn học đều gắn liền với bối cảnh xã hội mà nó ra đời. Hoàn cảnh xã hội ấy chi phối giá trị của các tác phẩm, là cơ sở để đánh giá, lí giải đặc điểm của tác phẩm…   – Tình huống truyện: để phân tích tình huống truyện cần tóm tắt tình huống, phân tích diễn biến của tình huống hoặc tính chất của tình huống, rút ra ý nghĩa của tình huống.  - Khi tìm hiểu nhân vật cần chú ý:  + Đặc điểm của nhân vật thể hiện chủ đề của tác phẩm:  chú ý số phận, phẩm chất tính cách nhân vật.  (Nhân vật chính là ai? Nhân vật đó được tác giả khắc họa trong hoàn cảnh nào? Ngoại hình, lời nói, hành động...)  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: việc xây dựng nhân vật thể hiện tài năng và phong cách nghệ thuật của nhà văn.  - Ngôn ngữ kể chuyện có gì đặc sắc.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.  - Từ văn bản truyện ngắn liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh để thấy được ý nghĩa của nó đối với cuộc sống, con người. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI QUA CÁC VĂN BẢN.**

* **Mục tiêu**: HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.HS nhận biết và phân tích được cốt truyện đa tuyến trong VB.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:** * **NV1:** Củng cố pp kĩ năng cho HS khi tiếp cận văn bản mới.   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lệnh:**  **-** Đọc truyện và kể tóm tắt phần được đọc.  - HS đọc và kể tóm tắt truyện.  - GV em hãy nhắc lại cách đọc hiểu một tp truyện ngắn ta cần chú ý bám sát vào những điều gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chuẩn bị câu trả lời và chia sẻ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày dự án, hs khác nhận xét và bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét thái độ làm việc và câu trả lời của hs.   * **Nhiệm vụ 2:** Rèn kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện ngắn cho HS qua pp tiếp cận đã được học.   **B1. Giao nhiệm vụ.**  - GV phát phiếu học tập.  - GV yêu cầu HS làm phiếu bài tập trắc nghiệm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thực hành trên các phiếu bài tập GV giao. * HS hoạt động theo hình thức hướng dẫn cụ thể của GV qua các dạng bài tập.   **B3. Báo cáo hoạt động:**   * HS trình bày kết quả sản phẩm trên phiếu bài tập của mình. * Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.   **B4. Đánh giá hoạt động, kết luận :**   * Gv nhận xét ý thức tham gia hoạt động của HS. * GV chữa bài của HS, chốt đáp án cụ thể. | 1. LUYỆN TẬP.   HS cần biết phải bám sát vào đặc trưng của  thể loại:  -Thể loại?  - Ngôi kể?  - Phương thực biểu đạt chính?  - Nhân vật chính?  - Tình huống truyện (hoàn cảnh)  - Tìm hiểu cốt truyện có gì đặc biệt?  - Ngôn ngữ truyện: lời kể, ngôn ngữ nhân vật. |

“ Lão Hạc” là truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám cảu Nam Cao, đăng lần đầu tiên trên báo Văn nghệ 1943.

Nhân vật trung tâm là Lão Hạc- một người nông dân cso hoàn cảnh éo le nghèo khổ có số phận bất hạnh nhưng lại có phẩm chất vô cùng cao đẹp.

**TÓM TẮT TRUYỆN NGẮN LÃO HẠC**

Lão Hạc là một người nông dân nghèo, sống cùng một con chó tên là Vàng. Lão cũng đã từng có vợ con, nhưng người con trai vì nghèo không có tiền lấy vợ nên đã bỏ xứ đi làm đồn điền cao su. Một mình lão phải tự lo liệu mưu sinh. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, phải dùng hết tiền tích góp để chạy chữa, nhà lão chẳng còn gì cả. Lão đành phải bán cậu Vàng - chú chó mà lão đã yêu thương như chính con trai mình. Lão mang hết số tiền bán chó gửi nhờ ông Giáo và nhờ ông Giáo coi hộ mảnh vườn. Những ngày sau, lão kiếm được gì thì ăn nấy. Có một hôm, người ta thấy lão xin Binh Tư một ít bả chó, nói dối là đánh bả con chó hay sang vườn để giết thịt ăn, nhưng thực chất đây là cách để lão kết thúc sinh mạng của mình. Cái chết của lão Hạc dữ dội và vật vã, chẳng ai hiểu vì sao lão chết ngoại trừ ông Giáo và Binh Tư.

**BI KỊCH CUỘC ĐỜI LÃO HẠC**

**LUYỆN ĐỀ TRẮC NGHIỆM**

**(Mục tiêu: HS thu thập thêm thông tin về tác giả, tác phẩm; kiểm tra được kiến thức mình đã biết và bổ sung thêm những thông tin chưa biết về tác giả và tác phẩm -> câu hỏi đa dạng không nhất thiết là cứ phải đúng yêu cầu các mức của việc ra đề thi)**

**Chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời cho những câu hỏi sau:**

**Câu 1:** **Truyện ngắn Lão Hạc của tác giả nào?**

1. Nguyễn Công Hoan B. Nam Cao
2. Nguyễn Tuân D.Thạch Lam

**Câu 2:** **Bút danh Nam Cao của nhà văn được lấy từ tên hai địa danh ở quê hương của tác giả là tổng Cao Đà, huyện Nam Vang.**

A. Đúng

B. Sai

**Câu 3:** **Nam Cao là một nhà văn hiện thực xuất sắc với các sáng tác về nội dung chủ yếu nào?**

A. Người nông dân nghèo đói bị vùi dập

B. Người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ

C. Cả A và B đều đúng

D. Không có phương án nào đúng.

**Câu 4:** **Nhà văn Nam Cao mất năm 36 tuổi, trong trường hợp nào?**

A. Bị bệnh B. Bị địch bắt giam và tra tấn dã man

C. Bị địch phục kích và hi sinh. D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 4:** **Tác phẩm Lão Hạc được viết theo thể loại nào?**

A. Truyện ngắn B. Truyện vừa

C. Truyện dài         D. Tiểu thuyết

**Câu 5:** **Truyện ngắn Lão Hạc sáng tác năm nào?**

1. 1920
2. 1943
3. 1945
4. 1950

**Câu 6:** **Ý nào nói đúng nhất nội dung của truyện Lão Hạc?**

A. Tác động của cái đói và miếng ăn đến đời sống con người

B. Phẩm chất cao quý của người nông dân

C. Số phận đau thương của người nông dân.

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 7: Trong tác phẩm Lão Hạc, con trai lão Hạc đi phu vì lí do gì?**

A. Vì muốn làm giàu.

B. Phẫn chí vì nghèo không lấy được vợ.

C. Vì không lấy được người mình yêu.

D. Vì nghèo túng quá.

**Câu 8:**  **Trong tác phẩm Lão Hạc, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?**

1. Vì lão sợ kẻ trộm đánh bả.
2. Vì nuôi chó sẽ phải ăn vào tiền của con.

C. Để lấy tiền gửi cho con.

D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.

**Câu 9:**  **Ý kiến nào nói đúng nhất nguyên nhân sâu xa khiến lão Hạc phải lựa chọn cái chết?**

A. Lão Hạc ân hận vì trót lừa cậu Vàng.

B. Lão Hạc rất thương con.

C. Lão Hạc ăn phải bả chó.

D. Lão Hạc không muốn làm liên lụy đến mọi người.

**Câu 10:** **Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa cái chết của lão Hạc?**

A. Thể hiện tính tự trọng và quyết tâm không rơi vào con đường tha hóa của một người nông dân.

B. Gián tiếp tố cáo xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.

C. Là bằng chứng cảm động về tình phụ tử mộc mạc, giản dị nhưng cao quý vô ngần.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 11: Ý nào nói đúng nhất nội dung của truyện Lão Hạc?**

A. Tác động của cái đói và miếng ăn đến đời sống con người

B. Phẩm chất cao quý của người nông dân

C. Số phận đau thương của người nông dân

D. Cả ba ý kiến trên đều đúng

**Câu 12: Ý kiến nào nói đúng nhất về nghệ thuật xây dựng nhân vật chính của nhà văn trong truyện ngắn Lão Hạc?**

A. Đặt nhân vật vào những tình huống trớ trêu để tự bộc lộ mình

B. Để cho các nhân vật khác nhận xét về nhân vật chính

C. Để nhân vật chính đối thoại với các nhân vật khác để bộc lộ mình

D. Kết hợp cả 3 ý kiến trên

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn không nỡ giận."

(Lão Hạc, Nam Cao)

**Câu 1**: Đoạn văn trên chủ yếu nói lên điều gì về con người ông giáo?

A. Có cái nhìn hẹp hòi đối với con người và cuộc sống nói chung.

B. Có một thái độ sống, một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo đối với con người.

C. Bênh vực, bao che đối với hành động từ chối giúp đỡ lão Hạc của vợ mình.

D. Thương hại đối với lão Hạc và những người như lão Hạc.

**Câu 2:**  Nhận xét nào nói đúng nhất về nhân vật ông giáo trong tác phẩm?

A. Là một người biết đồng cảm, chia sẻ nỗi buồn khổ của Lão Hạc

B. Là người đáng tin cậy để lão Hạc trao gửi niềm tin

C. Là con người có cách nhìn mới mẻ, sẻ chia, đồng cảm với lão Hạc nói riêng và người nông dân nói chung

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 3:** Dấu ba chấm (dấu chấm lửng) được nhắc lại nhiều lần trong đoạn văn sau có tác dụng gì:

" Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...”

(Lão Hạc, Nam Cao)

A. Ngụ ý rằng còn nhiều điều ông giáo chưa kể hết.

B. Làm dãn nhịp điệu câu văn.

C. Thể hiện sự ngập ngừng, ngỡ ngàng đau đớn trong lòng ông giáo.

D. Cả A, B, C đều đúng

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn đáp án đúng:**

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

- Cụ bán rồi?

- Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có truyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc…

(Lão Hạc – Nam Cao)

**Câu 1:** Từ nào thay thế được từ "đi đời" trong câu "Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!"?

A. Chết

B. Hi sinh

C. Bỏ mạng

D. Hết đời

**Câu 2:** Trong các từ sau đây, từ nào là từ tượng hình?

A. Móm mém.

B. Vui vẻ.

C. Xót xa.

D. Ái ngại.

**Câu 3:** Ý nào sau đây nói đúng nhất về nội dung của đoạn văn sau:

*Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước [...] Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc…*

(Lão Hạc, Nam Cao)

A. Sự yếu đuối của lão Hạc

B. Sự già nua của lão Hạc

C. Sự đau đớn về tinh thần của lão Hạc

D. Sự cực khổ của lão Hạc

**Câu 4**: Qua nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm, em hiểu được gì về người nông dân trong xã hội cũ?

A. Họ là những con người có số phận nghèo khổ, bần cùng trong xã hội.

B. Giàu lòng yêu thương gia đình, trân trọng tình cảm.

C. Luôn giữ tấm lòng trong sạch, cao đẹp giữa những bùn nhơ của xã hội thực dân nửa phong kiến.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Qua đoạn trích, em thấy lão Hạc là người có tính cách như thế nào?

A. Là một người có số phận đau thương nhưng có phẩm chất cao quý.

B. Là người nông dân sống ích kỉ đến mức gàn dở, ngu ngốc.

C. Là người nông dân có thái độ sống vô cùng cao thượng.

D. Là người nông dân có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

**Câu 6:** Nhận xét nào sau đây nói không đúng về nghệ thuật xây dựng nhân vật Lão Hạc?

A. Sử dụng ngôi kể thứ nhất, người kể là nhân vật chứng kiến và hiểu toàn bộ câu chuyện.

B. Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật đặc sắc.

C. Xây dựng được nhân vật có tính cộng đồng, đại diện cho xã hội đương thời.

D. Mang tính triết lí sâu sắc.

**Câu 7.**  Câu: “Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít” xét về mặt cấu tạo ngữ pháp thuộc kiểu câu nào ?

1. Câu đơn
2. Câu ghép

**Gợi ý:**

- Cái đầu lão (CN)/ ngoẹo về một bên(VN) và cái miệng(CN)// móm mém của lão khóc mếu như con nít.(VN)

- > Câu ghép.

c) Viết đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) phân tích tâm trạng của nhân vật lão Hạc sau khi bán cậu Vàng.

**Bài tập 4:** Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao thể hiện trong đoạn trích như thế nào? Em có nhận xét gì về điều đó?

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**(Mục tiêu: Giúp HS rèn luyện kĩ năng phát hiện, và phân tích tác dụng của chi tiết nghệ thuật chuẩn bị cho việc phân tích chi tiết tiêu biểu của truyện ngắn)**

### **Đề số 1**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

- Cụ bán rồi ?

- Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

- Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít. Lão hu hu khóc…

**(*Lão Hạc*, Nam Cao)**

**Câu 1**. Đoạn trích trên kể về sự việc gì? Tác giả đã dùng cách nào để miêu tả tâm lí nhân vật chính? Tìm các câu văn miêu tả tâm lí nhân vật trong đoạn.

**Câu 2**. Liệt kê những từ tượng hình, tượng thanh có trong đoạn trích ? Nêu tác dụng ? Em có nhận xét gì về tâm trạng của nhân vật qua đoạn trích?

**Câu 3.** Nếu em là lão Hạc, trong tình huống đó em có nên bán con chó đi không ? Vì sao ?

**Câu 4:** Viết đoạn văn cảm nhận về đoạn ngữ liệu trên.

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên kể việc Lão Hạc sang nhà ông giáo kể về việc bán chó.

- Tác giả dùng cách miêu tả tâm lí nhân vật qua thái độ biểu hiện trên khuôn mặt, lời nói của nhân vật khi thoại và đặc biệt là qua điểm nhìn của nhân vật ông giáo – người kể chuyện.

Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc.

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít. Lão hu hu khóc…

* Các câu văn miêu tả tâm lí nhân vật Lão Hạc trong đoạn trích.

**Câu 2**

Xác định đúng, chính xác từ tượng thanh, tượng hình:

- Từ tượng hình : Móm mém

- Từ tượng thanh : Hu hu

- Tác dụng : Mô phỏng hình dáng miệng lão Hạc khi khóc và tiếng khóc của lão qua đó gợi lên sự đau khổ của lão Hạc sau khi bán chó.

**Câu 3**

- Câu ghép : Cái đầu lão (CN)/ ngoẹo về một bên(VN) và cái miệng(CN)// móm mém của lão khóc mếu như con nít.(VN)

- Mối quan hệ giữa các vế câu trong câu ghép là quan hệ đồng thời

**Câu 4**

Tâm trạng của lão Hạc khi bán cậu Vàng : Buồn, đau khổ, hối hận khi bán chó.

**Câu 5**

- Học sinh tự trả lời: Nên bán hay không nên bán đều được chấp nhận.

- Giải thích lý do nên bán hay không nên bán (GV tùy vào tính hợp lý, cách lập luận để giải thích mà ghi điểm)

### **ĐỀ SỐ 2**

Đọc phần trích sau:

...“Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.”

(Trích văn bản Lão Hạc Nam Cao)

**Câu 1.** Nêu nội dung nghệ thuật của văn bản “Lão Hạc” – Nam Cao?

**Câu 2.** Tìm các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người trong đoạn trích trên?

**Câu 3.** Xác định từ tượng hình, tượng thanh được sử dụng trong đoạn trích trên? Phân tích tác dụng của từ tượng hình, tượng thanh đó?

**GỢI Ý**

**Câu 1.** Học sinh nêu đúng nội dung, nghệ thuật của văn bản “Lão Hạc” :.

- Nội dung: Truyện ngắn “Lão Hạc” đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân.

- Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện đặc sắc.

**Câu 2.**

Trường từ vựng chỉ bộ phận của cơ thể người: đầu, tóc, mắt, mép.

**Câu 3.**

- Học sinh xác định đúng các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn..

+ Từ tượng hình: xồng xộc, vật vã, xộc xệch, rũ rượi, long sòng sòng.

+ Từ tượng thanh: xôn xao, tru tréo.

- Tác dụng:. Gợi tả một cách cụ thể, chân thực và cảm động về cái chết vô cùng đau đớn, dữ dội, thê thảm của lão Hạc.

### **Đề 3**

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

- Cụ bán rồi ?

- Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc…”

(Trích tác phẩm Lão Hạc - Nam Cao)

Em hãy đọc kỹ đoạn văn trên và trả lời các câu sau:

**Câu 1.** Tìm các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn.

**Câu 2**. Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện ?

**Câu 3.** Theo em qua truyện ngắn Lão Hạc, mảng hiện thực cuộc sống nào được phản ánh và giá trị nhân đạo của tp được thể hiện như thế nào?

**Câu 4**. Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập một.

**Đề 3**

**Câu 1.** Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn:

- Chỉ ra được các từ tượng hình: ầng ậng, móm mém.

- Chỉ ra được từ tượng thanh: hu hu.

**Câu 2.** Xác định ngôi kể của đoạn văn:

- Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ nhất (ông giáo là người kể chuyện, xưng tôi).

- Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ở ngôi thứ nhất:

+ Ông giáo – người tham gia câu chuyện, chứng kiến sự việc diễn ra trực tiếp kể lại câu chuyện khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn. Với cách kể này, câu chuyện được kể như những lời giãi bày tâm sự, cuốn hút độc giả dõi theo.

+ Việc lựa chọn ngôi kể này còn giúp cho cách dẫn dắt câu chuyện trở nên tự nhiên, linh hoạt hơn, lời kể chuyển dịch trong mọi không gian, thời gian kết hợp giữa kể với tả, hồi tưởng với bộc lộ cảm xúc trữ tình và triết lý sâu sắc.

**Câu 3.**

- Hiện thực cuộc sống và số phận đau khổ của người nông dân trước cách mạng tháng Tám được phản ánh.

- Trước hết, giá trị nhân đạo của tác phẩm được khẳng định qua tấm lòng đồng cảm, sự sẻ chia, cảm thông sâu sắc của nhà văn trước số phận đau thương, bất hạnh của người lao động, đặc biệt là của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

- Truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng với người nông dân (lão Hạc) của nhà văn; đồng thời ngợi ca những phẩm cao quý của lão Hạc...

**Câu 4.** Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề “Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945” đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập 1:

- Tác phẩm Lão Hạc của nhà văn Nam Cao

- Tác phẩm Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố

### **Đề số 4**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“...Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”.

(Trích Lão Hạc-Nam Cao, SGK Ngữ văn 8)

**Câu 1.** Người kể trong đoạn trích là ai? Kể về sự việc gì?

**Câu 2**. Chỉ ra các thán từ và các tình thái từ được sử dụng trong đoạn trích trên và cho biết tác dụng?

**Câu 3.** Đặt một câu ghép chỉ nguyên nhân vì sao lão Hạc gửi tiền cho ông giáo?

**Gợi ý.**

**Câu 1.** Người kể trong đoạn trích là lão Hạc, kể về việc lão bán con chó vàng mà lão yêu quý.

**Câu 2.**

- Các thán từ: Này, a.

- Các tình thái từ: ạ, à.

Tác dụng: bộc lộ được tình cảm, cảm xúc và thái độ của nhân vật trong cuộc trò chuyện.

**Câu 3**. Đặt câu:

Lão Hạc gửi tiền cho ông giáo vì lão lo lão chỉ có một thân một mình, lão chết lại không có ai lo ma chay cho mình, và lão không muốn tiêu vào tiền của cậu con trai.

Vì lão không muốn khi chết liên lụy đến hàng xóm nên lão đã gửi tiền ông giáo để làm ma cho mình.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 15/ 1/ 2024

**TIẾT 76, 77, 78 ÔN TẬP ĐỌC HIỂU TRUYỆN NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của văn bản truyện ngắn hiện đại. (thể loại, đề tài, nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện ngắn hiện đại ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại văn bản truyện ngắn hiện đại.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Phần đọc hiểu**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

## Văn bản 1: Đoạn trích Tức nước vỡ bờ

( Trích “ Tắt đèn” Ngô Tất Tố)

Nghe đoạn trích Tức nước vỡ bờ:

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thủng thẳng đưa nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai đã khá rồi chứ?

- Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề, lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

- Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm dề dề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn?

- Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã.

Nhịn xuông từ sáng hôm qua đến giờ còn gì.

- Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa keo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

- Thầy hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng. Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:

- Thằng kia, ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp nốt tiền sưu! Mau!

Hoảng quá anh Dậu vội để bát cháo xuống phản, lăn đùng ra đó, không nói được một câu gì. Người nhà lí trưởng cười cách mỉa mai:

- Anh ta sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

- Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Ðấy chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông Lý tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa!

Chị Dậu run run:

- Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả xuất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông lí hãy cho cháu khất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát:

- Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước, mà dám mở mồm xin khất!

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

- Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hằm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ rỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à?

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng:

- Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia Người nhà Lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Ðùng đùng, Cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ Anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

- Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

- Tha này, tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu, mấy bịch, rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

Cai lệ tát vào mặt chị một cái bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến, huơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gây ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt đắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa rên:

- U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận:

Thà ngồi tù. Ðể cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

**Luyện tập củng cố văn bản “*Tức nước vỡ bờ*”**

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại cho HS các kiến thức vừa ôn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (GV tổ chức linh hoạt cho HS: có thể tổ chức làm việc nhóm, cá nhân,...)   1. LUYỆN TẬP.   HS cần biết phải bám sát vào đặc trưng của  thể loại:  -Thể loại?  - Ngôi kể?  - Phương thực biểu đạt chính?  - Nhân vật chính?  - Tình huống truyện (hoàn cảnh)  - Tìm hiểu cốt truyện có gì đặc biệt?  - Ngôn ngữ truyện: lời kể, ngôn ngữ nhân vật.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập: thảo luận, làm bài, trình bày, nhận xét giữa các nhóm,…  - GV gợi ý, nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt kiến thức | I. Đọc – tìm hiểu chung:  1. Tác giả  2. Tác phẩm:  -Thể loại: tiểu thuyết  - Ngôi kể: thứ ba  - Phương thực biểu đạt chính: tự sự  - Nhân vật chính: chị Dậu  - Tình huống truyện (hoàn cảnh)  - Cốt truyện:  - Ngôn ngữ truyện: lời kể, ngôn ngữ nhân vật. |
| **Bài tập 1:**  **Em hiểu như thế nào về nhan đề *Tức nước vỡ bờ*? Nhan đề này có phù hợp với nội dung đoạn trích khôn**  **Bài tập 2:**  Cho đoạn văn sau:  *Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.*  a) Tìm các từ thuộc trường từ vựng “bộ phận của con người”;  Tìm các từ thuộc trường từ vựng “hoạt động của con người”.  b) Viết đoạn văn (6 – 8 câu) trình bày suy nghĩ của em về hành động phản kháng của chị Dậu.  **Bài tập 3:**  Cho đoạn văn:  *Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước […] Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc…*  a) Nội dung chính của đoạn văn trên là gì? Qua đoạn văn trên, em thấy lão Hạc là con người như thế nào?  b) Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nam Cao.  c) Viết đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) phân tích tâm trạng của nhân vật lão Hạc sau khi bán cậu Vàng.  **Bài tập 4:** Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao thể hiện trong đoạn trích như thế nào? Em có nhận xét gì về điều đó? | 1. **Đọc hiểu văn bản:**   **1. Nhân vật chị Dậu**  **\* Hoàn cảnh**   * Gia cảnh nghèo khổ: hạng nhất nhì cùng đinh, nợ tiền sưu cảu chồng và em chồng * Nỗi thống khổ của chị Dậu: Chị Dậu bán cả con, cả chó mà vẫn không đủ tiền nộp sưu. Anh Dậu đang đau ốm, vẫn bị đánh, trói, cùm kẹp.   **\* Diễn biến tâm lí / Tính cách**  - Lúc đầu lo sợ, nhún nhường, van xin;  - Khi anh Dậu bị trói, chị vẫn thiết tha van xin;  - Khi bị đánh, chị liều mạng cự lại, hành động quyết liệt.  🡪 Nhân vật chị Dậu – hiện thân cho nỗi thống khổ và phẩm chất cao đẹp của người nông dân lao động bị áp bức.  - Chị Dậu vốn là người phụ nữ mộc mạc, hiền dịu, khiêm nhường, giàu lòng yêu thương, biết nhẫn nhục chịu đựng, nhưng không yếu đuối mà trái lại, luôn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt; một tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Chị Dậu là nhân vật điển hình cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. |

**(Hình ảnh người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám**

**qua hai văn bản *Tức nước vỡ bờ* và *Lão Hạc*)**

**I. Mục tiêu cần đạt**

Giúp HS:

*1. Kiến thức*: Củng cố kiến thức văn bản *Tức nước vỡ bờ* và Lão *Hạc* về giá trị nội dung và nghệ thuật, đặc biệt thấy được tình cảnh đau thương của người nông dân cùng khổ trước Cách mạng.

*2. Kỹ năng*: Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản truyện.

*3. Thái độ, phẩm chất:*

- Nâng cao ý thức tích cực, tự giác học bài, ôn bài;

- Bồi dưỡng lòng nhân đạo, tình yêu văn học.

*4. Năng lực:* năng lực giao tiếp, tự học, hợp tác, văn học, ngôn ngữ…

**So sánh hai văn bản “ Tức nước vỡ bờ” và “ Lão Hạc”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên VB**  **ND hệ thống** | ***Tức nước vỡ bờ*** (trích ***Tắt đèn***) | ***Lão Hạc*** |
| **Tác giả** | **Ngô Tất Tố** (1893 - 1954)  - Quê quán: Từ Sơn, Bắc Ninh (Đông Anh, Hà Nội);  - Là nhà nho gốc nông dân; | **Nam Cao** (1917 - 1951)  - Quê quán: làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (xã Hòa Hậu, huyện L:í Nhân), Hà Nam.  - Xuất thân nông dân; |
| - Là nhà văn hiện thực xuất sắc, viết nhiều về đề tài người nông dân Việt Nam trước Cách mạng (nghèo đói, cực khổ, bế tắc). | |
| **Thể loại** | Tiểu thuyết | Truyện ngắn |
| **PTBĐ chính** | Tự sự | |
| **Giá trị nội dung** | Đoạn trích đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời; đồng thời cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa dũng cảm lại có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ. | Truyện ngắn thể hiện một cách chân thực số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân của nhà văn. |
| **Giá trị nghệ thuật** | - Tình huống truyện giàu kịch tính  - Tính cách nhân vật được khắc hoạ qua diện mạo, hành động và ngôn ngữ đối thoại;  - Ngôn ngữ giàu chất hiện thực, mang hơi thở của đời sống. Tác giả sử dụng lời ăn, tiếng nói của người nông dân trong cuộc sống thường ngày bình dị. Đặc biệt, lớp từ khẩu ngữ được tác giả sử dụng có hiệu quả, góp phần thể hiện tâm trạng và tính cách nhân vật. | - Nghệ thuật kể chuyện;  - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện;  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: nhân vật được khắc hoạ qua diện mạo, ngôn ngữ đối thoại, diễn biến tâm trạng và qua cả những lời nhận xét của nhân vật khác. |

**BẢNG 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC 2 NHÂN VẬT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật**  **ND hệ thống** | **Chị Dậu** | **Lão Hạc** |
| **Hoàn cảnh** | Nỗi thống khổ của chị Dậu: Chị Dậu bán cả con, cả chó mà vẫn không đủ tiền nộp sưu. Anh Dậu đang đau ốm, vẫn bị đánh, trói, cùm kẹp. | Tình cảnh đáng thương của lão Hạc:  Nhà nghèo, vợ chết, sống cô độc, già yếu, người con trai duy nhất phẫn chí do không có tiền cưới vợ nên bỏ nhà đi phu đồn điền cao su, một năm rồi bặt tin tức; làm bạn với cậu Vàng. |
| **Diễn biến tâm lí / Tính cách** | - Lúc đầu lo sợ, nhún nhường, van xin;  - Khi anh Dậu bị trói, chị vẫn thiết tha van xin;  - Khi bị đánh, chị liều mạng cự lại, hành động quyết liệt.  🡪 Nhân vật chị Dậu – hiện thân cho nỗi thống khổ và phẩm chất cao đẹp của người nông dân lao động bị áp bức.  - Chị Dậu vốn là người phụ nữ mộc mạc, hiền dịu, khiêm nhường, giàu lòng yêu thương, biết nhẫn nhục chịu đựng, nhưng không yếu đuối mà trái lại, luôn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt; một tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Chị Dậu là nhân vật điển hình cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. | - Trước khi bán "cậu Vàng", lão Hạc sống trong khối mâu thuẫn lớn: nuôi "cậu Vàng" thì phải tiêu vào số tiền dành dụm cho con, bán "cậu Vàng" là bán đi kỉ vật thân thiết của con, bán đi người bạn thân thiết của mình. Sau rất nhiều đắn đo, suy nghĩ lão mới quyết định bán "cậu Vàng".  - Sau khi bán "cậu Vàng", lão Hạc vô cùng đau đớn và xót xa, ân hận. Điều này thể hiện qua cử chỉ (*cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước, mặt đột nhiên co rúm lại, cái đầu ngoẹo về một bên, cái miệng móm mém mếu như con nít, hu hu khóc*), thể hiện qua lời nói (*Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó*!).  - Lão Hạc tự tìm đến cái chết bi thảm sau khi đã có sự chuẩn bị kĩ lưỡng (lão nhờ ông giáo là người nhiều chữ nghĩa giữ giúp mảnh  vườn cho con lão; để lại những đồng tiền chắt chiu dành dụm, nhờ bà con hàng xóm lo hậu sự nếu chẳng may lão chết,...).  - Phẩm chất cao đẹp của người nông dân lương thiện:  + Giàu tình yêu thương;  + Nhân cách cao đẹp. |
| Ở chị Dậu và lão Hạc đều có tính cách, phẩm chất cao quý của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. | |

**Bài tập 5**: Qua hai VB *Tức nước vỡ bờ* và *Lão Hạc*, hãy viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

**Bài tập 6:**

Có ý kiến cho rằng: "Chị Dậu và lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.” Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Hoàn thiện các bài tập. Đối với bài tập 6: Yêu cầu HS về nhà viết thành bài văn hoàn chỉnh.

- Yêu cầu về nhà:

+ Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết *Tắt đèn*, Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao;

+ Tìm đọc thêm các tư liệu về tác giả Ngô Tất Tố và Nam Cao,

**NGỮ LIỆU 2: TRUYỆN NGẮN DÌ HẢO - NAM CAO**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

ĐỀ SỐ 1

Đọc đoạn văn trích sau VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU:  
  
Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.  
  
Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn được nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say. Dì Hảo chẳng nói năng gì.  
  
Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Trích *Dì Hảo –Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt,* Nam Cao, NXB VH, 2017, tr. 208)​

CHỌN 1 ĐÁP ÁN ĐÚNG NHẤT ĐỂ TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI SAU:  
Câu 1. Nhân vật trung tâm của đoạn trích là:  
A. Dì Hảo  
B. "Hắn"  
C. Tôi  
D. Bà tôi\  
Câu 2. Phương thức biểu đạt sử dụng trong đoạn trích là:  
A. Nghị luận, tự sự  
B. Nghị luận, miêu tả  
C. Tự sự, biểu cảm  
D. Miêu tả, thuyết minh  
Câu 3. Hoàn cảnh đáng thương của dì Hảo được miêu tả qua những chi tiết nào?  
A. Đứa con chết, mà dì thì què liệt  
B. Con chết, dì bị què liệt, chồng mắng chửi, bỏ dì bơ vơ  
C. Con chết, dì bị què liệt và buôn bán thua lỗ  
D. Cơ nghiệp của dì tan tác theo gió bốn phương.  
Câu 4. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau là gì: Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ.  
A. So sánh  
B. Liệt kê  
C. So sánh, điệp từ  
D. So sánh, nói quá.  
Câu 5. Hình ảnh "hắn" Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say có nét tương đồng với chi tiết kể về nhân vật nào?  
A. Lão Hạc (Lão Hạc, Nam Cao)  
B. Chí Phèo (Chí Phèo, Nam Cao)  
C. Phương Định (Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê)  
D. Ông Sáu (Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng)  
Câu 6. Đề tài, chủ đề của truyện là gì?  
A. Viết về người nông dân, phản ánh bi kịch bị tha hóa của người nông dân  
B. Viết về người trí thức, phản ánh vẻ đẹp tâm hồn của người trí thức  
C. Viết về người trí thức, phản ánh bi kịch tinh thần của người trí thức trước Cách mạng tháng Tám  
D. Viết về người nông dân, phản ánh nỗi bất hạnh của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám  
Câu 7. Bi kịch của người phụ nữ được phản ánh trong đoạn trích là gì?  
A. Họ bị áp bức, bóc lột tàn nhẫn  
B. Họ bị tha hóa cả về nhân hình, nhân tính  
C. Họ phải sống cuộc sống mất tự do, bị cầm tù về thể xác và tinh thần.  
D. Họ không chỉ chỉ nghèo khổ về vật chất, họ còn bị đối xử bất công, bị tra tấn về tinh thần  
Trả lời câu hỏi:  
Câu 8. Chỉ ra và phân tích tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.  
Câu 9. Nêu những nét đặc sắc của nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong đoạn văn trên.  
Câu 10. Tư tưởng nhân đạo của đoạn trích được thể hiện như thế nào?

**Gợi ý đọc hiểu**​  
Câu 1. A. Dì Hảo  
Câu 2. C. Tự sự, biểu cảm  
Câu 3. B. Con chết, dì bị què liệt, chồng mắng chửi, bỏ dì bơ vơ  
Câu 4. C. So sánh và điệp từ  
Câu 5. B. Chí Phèo (Chí Phèo, Nam Cao)  
Câu 6. D. Viết về người nông dân, phản ánh nỗi bất hạnh của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám  
Câu 7. D. Họ không chỉ chỉ nghèo khổ về vật chất, họ còn bị đối xử bất công, bị tra tấn về tinh thần  
Câu 8. 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.  
- Biện pháp điệp từ "và"  
- Tác dụng: Sau điệp từ "và" là "nước mắt", là "lời than thở". Vì vậy việc sử dụng điệp từ này nhấn mạnh nỗi đau khổ, bất hạnh của nhân vật người bà, đau khổ vì cuộc đời của chính mình, đau khổ thay cho con, nỗi đau khổ chồng chất lên nhau. Phép điệp còn tạo nhịp điệu cho lời văn.  
Câu 9. Những nét đặc sắc của nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong đoạn văn trên:  
Câu 10. Tư tưởng nhân đạo của đoạn trích được thể hiện như thế nào?  
- Lòng cảm thông, thương xót của nhà văn đối với số phận bất hạnh của người nông dân, của dì Hảo  
- Tố cáo xã hội bất công với những hủ tục, những kẻ xấu xa gây nên nỗi bất hạnh cho con người.  
- Trân trọng khát vọng của con người về cuộc sống bớt khổ cực hơn.

ĐỀ SỐ 2

***Đọc kĩ đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu:***

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

*(Trích Dì Hảo –Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB VH, 2017, tr. 208)*

**Đề số 1**

**Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1:**Xác định thể loại của văn bản trên.

A. Tiểu thuyết

B. Kịch

**C. Truyện ngắn**

D. Truyền kì.

**Câu 2:** Xác định nhân vật chính trong văn bản.

**A. Dì Hảo**

B. Hắn

C. Dì Hảo và Hắn

D. Người kể chuyện

**Câu 3:** Câu văn nào thể hiện dì Hảo không trách người chồng tàn nhẫn của mình?

**A. “Dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy.”**

B. “Trách làm gì hắn...”

C. “Dì còn phải khóc hơn thế nhiều.”

D. “Cũng như dì đã không trách bà tôi...”

**Câu 4:** Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của dì Hảo?

A. Khóc, nấc

B. Nghiến chặt răng; khóc

C. Nghiến chặt răng; khóc; nấc

**D. Nghiến chặt răng; khóc; nấc; thổ ra**

**Câu 5:** Tác dụng của phép điệp trong văn bản?

A. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của dì Hảo

B. Nhấn mạnh vào tiếng khóc của dì Hảo

**C. Nhấn mạnh nỗi bất hạnh của dì Hảo**

D. Nhấn mạnh hoàn cảnh nghèo khó của dì Hảo

**Câu 6:** Chủ để của văn bản là gì?

A. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ trước Cách mạng tháng Tám

B. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ  sau Cách mạng tháng Tám

C. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ thời hiện đại

**D. Nỗi bất hạnh của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám**

**Câu 7:** Đoạn văn: Cũng như dì đã không trách........ và khổ cực thay! sử dụng những kiểu câu nào?

A. Câu trần thuật, câu nghi vấn

B. Câu trần thuật, câu cảm thán.

C. Câu nghi vấn, câu cảm thán

**D. Câu trần thuật, câu cảm thán, câu hỏi tu từ**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI**

## ĐỀ BÀI

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1:** Chỉ ra các nhân vật được nhắc đến trong đoạn trích.

**Câu 2:**Theo văn bản, vì sao dì Hảo không thể trách người chồng tàn nhẫn của mình? Tình cảnh của dì Hảo giúp anh/chị hiểu gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng?

**Câu 3:**Anh/Chị hiểu như thế nào về câu văn "*Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở*” trong đoạn trích?

**Câu 4:**Qua đoạn trích trên, anh/chị hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao.

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu:**

**Câu 1:** Trong đoạn tích trên, các nhân vật được nhắc đến là dì Hảo, chồng dì Hảo, bà tôi

**Câu 2:** - Theo văn bản, vì: "Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho" nên dì Hảo không thể trách người chồng tàn nhẫn của mình.

- Tình cảnh của dì Hảo giúp em hiểu rõ về thân phận người phụ ngữ Việt Nam trước Cách mạng luôn phải chịu cảnh áp bức, bóc lột cả về tinh thần và vật chất. Họ phải chịu kiếp sống khốn khổ, phải chịu nhiều tủi nhục, không có tiếng nói trong xã hội đầy bất công và mục nát này.

**Câu 3:** "*Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở*”. Theo em hiểu hành độn ấy tuy nhỏ bé với mọi người nhưng đối với dì Hảo đó là hành động ấm áp nhất gì được nhận giữa xã hội thực dân phong kiến mục nát này. Hình ảnh đó mang tính nhân đạo sâu sắc, đem lại hi vọng cho chúng ta rằng ở đâu đó trong xã hội này vẫn có người tốt bụng và giàu lòng nhân ái.

**Câu 4:** Qua đoạn tích trên có thể thấy ngòi bút nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật là vô cùng thâm sâu. Ông dẫn dắt tâm lí nhân vật từ việc khám phá tâm lý của con người, quan sát và phân tích mọi biểu hiện hành động của nhân vật và từ đó rút ra được nhận xét đúng nhất về hình tượng tâm lí nhân vật Nam Cao hướng đến. Có thể nói, Nam Cao là bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả và khắc họa tâm lý nhân vật.

**NGỮ LIỆU 4: TRUYỆN NGẮN LÀNG - KIM LÂN**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Tác phẩm Làng của Kim Lân thuộc thể loại nào?

**A.** Tiểu thuyết

**B.** Truyện ngắn

**C.** Truyện dài

**D.** Tùy bút

**Câu 2:** Nhân vật chính truyện Làng là ai?

**A.** Ông Hai

**B.** Bà Hai

**C.** Bà chủ nhà

**D.** Người lính

**Câu 3:** Truyện ngắn Làng viết về đề tài gì?

**A.** Người trí thức

**B.** Người nông dân

**C.** Người phụ nữ

**D.** Người lính

**Câu 4:** Tác giả đặt nhân vật chính vào tình huống như thế nào?

**A.** Ông Hai không biết chứ, phải đi nghe nhờ người khác đọc

**B.** Tin làng ông theo giặc mà tình cờ ông nghe được từ những người tản cư

**C.** Bà chủ nhà hay dòm ngó, nói bóng gió vợ chồng ông Hai

**D.** Ông Hai lúc nào cũng nhớ tha thiết cái làng chợ Dầu của mình

**Câu 5:** Trong các câu nói của ông Hai “Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!” “chúng nó” là ai?

**A.** Cua, cá

**B.** Giặc Tây

**C.** Lũ trẻ

**D.** Trâu, bò

**Câu 6:** Từ “lắp bắp” trong câu “ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi” có nghĩa là gì?

**A.** Mấp máy phát ra những tiếng rời rạc và lắp lại, không nên lời, nên câu

**B.** Nói không rõ tiếng như đang ngậm cái gì trong miệng

**C.** Không phát âm được một số âm do có tật hoặc nói chưa sõi

**D.** Cảm động vì những người gặp lại cùng làng lên tản cư

**Câu 7:** Câu nào nói đúng nhất tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc?

**A.** Bị ám ảnh và lo sợ trước bọn giặc Tây và Việt gian bán nước

**B.** Luôn sợ hãi mỗi khi nghe ai đó tụ tập và nói về việc làng mình theo giặc

**C.** Đau xót, tủi hổ trước cái tin làng mình theo giặc

**D.** Cả B và C đều đúng

**Câu 8:** Vì sao ông Hai yêu làng nhưng không quay về làng khi bị mụ chủ nhà đuổi khéo, không còn chỗ để đi, hơn nữa ông lại còn thù cái làng của mình?

**A.** Vì ông yêu làng theo Tây thì ông phải thù, tình yêu nước rộng lớn hơn

**B.** Vì giặc Tây đã đốt cháy nhà của ông nên gia đình ông không có chỗ để quay về

**C.** Vì ông không ưa những tên kì mục và hào lí áp bức dân làng ông

**D.** Vì ông muốn tìm cuộc sống ổn định, no đủ hơn cho làng quê nghèo của ông

**Câu 9:** Mục đích của ông Hai trò chuyện với đứa con út là gì?

**A.** Để bày tỏ lòng yêu thương một cách đặc biệt đứa con út của mình

**B.** Để cho bớt cô đơn và buồn chán vì không có ai để nói chuyện

**C.** Để thổ lộ nỗi lòng và làm vơi bớt nỗi buồn khổ

**D.** Để mong thằng Húc hiểu được tấm lòng ông

**Câu 10:** Tính cách của nhân vật ông Hai được thể hiện trong tác phẩm?

**A.** Yêu và tự hào về làng quê của mình

**B.** Căm thù giặc Tây, những kẻ theo Tây làm Việt gian

**C.** Thủy chung với kháng chiến, với cách mạng và lãnh tụ

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 11:** Tâm lí nhân vật chính trong tác phẩm thể hiện qua?

**A.** Bằng hành động, cử chỉ

**B.** Bằng những lời đối thoại

**C.** Bằng những lời độc thoại

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 12:** Dòng nào chứa các từ địa phương được dùng trong truyện Làng?

**A.** Bực cửa, thầy, (chẳng có gì) sất, trầu, tinh

**B.** Bực cửa, trâu, thầy, tinh

**C.** Trâu, bực cửa, thầy

**D.** Thầy, bực cửa, (chẳng có gì) sất, trầu

**Câu 13:** Dòng nào nêu nhận xét không phù hợp với những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?

**A.** Xây dựng tình huống tâm lí đặc sắc

**B.** Miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, nhân vật

**C.** Sử dụng chính xác ngôn ngữ quần chúng

**D.** Giọng văn giàu màu sắc trữ tình, biểu cảm

**Câu 14:** Từ truyện ngắn Làng có thể thấy nhà văn Kim Lân là người thế nào?

**A.** Am hiểu đời sống và thế giới tinh thần của con người, đặc biệt là người nông dân

**B.** Yêu tha thiết làng quê, đất nước, thủy chung với kháng chiến và cách mạng

**C.** Căm thù giặc Pháp và những kẻ làm Việt gian

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 15:** Ngôi kể trong truyện ngắn Làng?

**A.** Bác Thứ

**B.** Người kể giấu mặt

**C.** Ông chủ tịch

**D.** Ông Hai

**Câu 16:** Nhận định nói đúng nhất loại ngôn ngữ được sử dụng trong truyện Làng của Kim Lân?

**A.** Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật

**B.** Ngôn ngữ độc thoại và đối thoại nội tâm của nhân vật

**C.** Ngôn ngữ trần thuật

**D.** Cả 3 đáp án trên

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu**

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau. Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra… Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu… ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!… Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lửa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước… Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?

(Trích Làng - Kim Lân)

**Câu 1**: Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 2**: Trong đoạn: Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy.

? “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào?

? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

? Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật?

? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

**Câu 3**: Đoạn văn "Nhưng sao lại nảy ra cái tin...cái cơ sự này chưa?…" là lời của ai? Điều đó có ý nghĩa gì trong việc bộc lộ tâm trạng của nhân vật ông Hai?

**Đáp án**

**Câu**1: Nội dung chính của đoạn trích trên là: Đoạn trích nói về tâm trạng đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

**Câu 2**: Trong đoạn: "Ông lão bỗng ngừng lại....có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy", “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật ông Hai.

- Điều "nhục nhã" được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.

- Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả:

(1) “Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm.

(3)Ông kiểm điểm từng người trong óc

- Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật:

(2)Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.

(4)Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà

(5)Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!

- Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng của ông Hai: băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.

**Câu 4**: Đoạn văn "Nhưng sao lại nảy ra cái tin...cái cơ sự này chưa?…" là lời độc thoại nội tâm của nhân vật ông Hai.

- Điều này góp phần thể hiện sự nghi vấn, hoài nghi của ông Hai trước tin đồn làng Chợ Dầu theo Tây. Sau sự hoài nghi chính là nỗi đau và sự xấu hổ vì cả làng theo Tây.

**NGỮ LIỆU 5: TRUYỆN NGẮN VỢ CHỒNG A PHỦ - TÔ HOÀI**

**LUYỆN ĐỀ TRẮC NGHIỆM**

A. Vài nét về tác giả Tô Hoài

**Câu 1 :**Địa danh nào dưới đây là quê nội của Tô Hoài?

A. Làng Mọc, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

B. Làng Vị Xuyên, huyện Mĩ Lộc, Nam Định

C. Làng Hảo, huyện Mĩ Hào, Hưng Yên

D. Thôn Cát Động, Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông

**Câu 2 :**Tô Hoài xuất thân trong gia đình như thế nào?

A. Gia đình công chức

B. Gia đình có truyền thống yêu nước

C. Gia đình thợ thủ công

D. Gia đình nha nho khi Hán học đã suy tàn

**Câu 3 :**Tên khai sinh của Tô Hoài là:

A. Nguyễn Sen

B. Nguyễn Mạnh Khải

C. Đinh Trọng Đoàn

D. Phạm Minh Tài

**Câu 4 :**Bút danh của Tô Hoài gắn với hai địa danh là sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 5 :**Tô Hoài đã từng làm công việc nào sau đây?

A. Dạy trẻ

B. Bán hàng

C. Kế toán hiệu buôn

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 6 :**Tô Hoài gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc năm bao nhiêu?

A. 1941

B. 1942

C. 1943

D. 1944

**Câu 7 :**Tác giả Tô Hoài đoạt giải nhất Tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1956 với tác phẩm nào?

A. Truyện Tây Bắc

B. Tiểu thuyết Quê nhà

C. Tiểu thuyết Miền Tây

D. Ba người khác

**Câu 8 :**Tác phẩm nào dưới đây **không phải** là sáng tác của Tô Hoài?

A. Dế Mèn phiêu lưu kí

B. O chuột

C. Truyện Tây Bắc

D. Nắng trong vườn

**Câu 9 :**Nội dung sau về phong cách nghệ thuật của Tô Hoài đúng hay sai?

“Phong cách nghệ thuật của Tô Hoài hấp dẫn người đọc bởi giọng văn trữ tình – chính luận sâu lắng thiết tha, vốn từ vựng giàu có, nhiều khi rất bình dân và thông tục”.

A. Đúng

B. Sai

B. Tìm hiểu chung Vợ chồng a phủ

**Câu 1 :**Vợ chồng A Phủ được in trong tác phẩm nào?

A. Truyện Tây Bắc

B. O chuột

C. Nhà nghèo

D. Cát bụi chân ai

**Câu 2 :**Tập Truyện Tây Bắc đã đạt giải thưởng nào dưới đây?

A. Giải Nhất giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954 -1955.

B. Giải Nhì giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954 -1955.

C. Giải Ba giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954 -1955.

D. Giải Nhất giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1954 -1955.

**Câu 3 :**Vợ chồng A Phủ được sáng tác năm bao nhiêu?

A. 1950

B. 1951

C. 1952

D. 1953

**Câu 4 :**Chủ đề của tác phẩm là:

A. Phản ánh số phận đau thương và quá trình đến với con đường tự do, con đường cách mạng của các dân tộc ít người ở Đông Bắc.

B. Phản ánh số phận đau thương và quá trình đến với con đường tự do, con đường cách mạng của các dân tộc ít người ở Tây Bắc.

C. Phản ánh số phận đau thương và quá trình đến với con đường tự do, con đường cách mạng của các dân tộc ít người ở Nam Bộ

D. Phản ánh số phận đau thương và quá trình đến với con đường tự do, con đường cách mạng của đồng bào miền xiên.

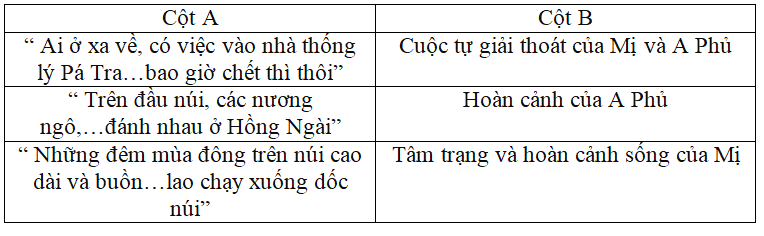
**Câu 5 :**Nội dung sau về tác phẩm Vợ chồng A Phủ đúng hay sai?

“Vợ chồng A Phủ là sản phẩm của chuyến thâm nhập thực tế, cùng ăn, cùng ở, cùng gắn bó với đồng bào các dân tộc miền núi Tây Bắc suốt 8 tháng của Tô Hoài trên núi cao đến các bản làng mới giải phóng”.

A. Đúng

B. Sai

**Câu 6 :**Ghép nội dung cột A với cột B sao cho phù hợp:



C. Phân tích tác phẩm Vợ chồng a phủ

**Câu 1 :**Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà Thống Lí Pá Tra bởi món nợ truyền kiếp của cha mẹ Mị, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 2 :**Sống trong nhà thống lí Pá Tra, Mị có thân phận tủi nhục, thấp hèn. Tô Hoài đã so sánh thân phận của Mị với:

A. Con trâu

B. Con ngựa

C. Con rùa

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 3 :**Căn phòng Mị ở được miêu tả qua những chi tiết nào?

A. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc của sổ lỗ vuông to bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng.

B. Ở cái buồng Mị nằm, có một khung cửa sổ, trông ra núi rừng Tây Bắc.

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 4 :**Ngày xưa, khi chưa trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra, Mị là một cô gái xinh đẹp, tài năng như thế nào?

A. Mị thổi lá cũng hay như thổi sáo

B. Mị hát rất hay, bao nhiêu người mê

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 5 :**Chi tiết nào sau đây thể hiện sự phản khảng đầu tiên của Mị khi trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí?

A. Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc

B. Mị trốn về nhà, cầm theo một nắm lá ngón.

C. Mỗi ngày mị càng không nói, Mị lầm lũi như con rùa nuôi trong xó cửa

D. Đáp án A và B

**Câu 6 :**Yếu tố nào tác động đến sự hồi sinh của Mị?

A. Cảnh sắc của Hồng Ngài trong những ngày xuân

B. Rượu

C. Tiếng sáo

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 7 :**Dấu hiệu đầu tiên của việc sức sống tiềm tàng, sức phản kháng trỗi dậy của Mị trong đêm tình mùa xuân thể hiện qua việc:

A. Mị nhớ lại quá khứ, nhớ về hạnh phúc ngắn ngủi trong cuộc đời tuổi trẻ của mình

B. Mị sắn một miếng mỡ bỏ thêm vào đĩa dầu để thắp sáng căn buồng phòng Mị

C. Mị lấy váy hoa mặc, Mị muốn đi chơi

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 8 :**Hành động “lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa dầu” của Mị thể hiện:

A. Mị muốn thắp lên ánh sáng cho căn phòng bấy lâu chỉ là bóng tối

B. Mị muốn thắp lên ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 9 :**Tác nhân nào đã đánh thức lòng yêu thương của Mị, dẫn đến hành động cắt dây trói cứa A Phủ trong đêm tình mùa xuân?

A. Cảnh A Phủ bị trói đứng

B. Giọt nước mắt của A Phủ

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 10 :**Vì sao A Phủ trở thành người ở cho nhà thống lí Pá Tra?

A. Vì cha mẹ A Phủ nợ tiền nhà thống lí Pá Tra

B. Vì A phủ đánh con quan. Bị phạt vạ

C. Vì A Phủ làm mất bò của nhà thống lí

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 11 :**Điểm giống nhau giữa nhân vật Mị và A Phủ mà tác giả muốn đề cao là:

A. Cả hai nhân vật đều có tinh thần yêu tự do

B. Cả hai nhân vật đều có sức phản kháng mãnh liệt

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**LUYỆN ĐỀ DẠNG TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào, A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường:

Anh ném pao, em không bắt  
Em không yêu, quả pao rơi rồi…  
 (Tô Hoài, Vợ chồng A Phủ)  
**Câu 1**. Ở phần trên của tác phẩm, nhà văn có viết: Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị  tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa…  
? Theo anh/chị, tại sao đến đây nhân vật Mị lại có ý nghĩ:  Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.  
**Câu 2.** Chi tiết tiếng sáo xuất hiện cuối đoạn trích có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả tâm lí nhân vật Mị?  
**Câu 3.** Từ đoạn trích trên, anh/chị có cảm nghĩ gì về người phụ nữ miền núi trong xã hội phong kiến xưa?  
**Gợi ý**  
**Câu 1:**  
Sống trong nhà thống lí Pá Tra, bị bóc lột về sức lao động, bị đầu độc, áp chế về tinh thần, cô Mị một thời trẻ trung, yêu đời là thế giờ  chỉ còn như cái xác khô héo, tàn tạ, mất hết ý thức về sự sống. Nhà văn viết: Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi.  
 Nhưng giờ đây, ý thức sự sống trở về (Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau), Mị lại muốn được chết cái chết của một con người còn hơn sống kiếp nô lệ tủi nhục.

**Câu 2:**

Chi tiết tiếng sáo xuất hiện cuối đoạn trích ngầm khẳng định: thực tại kiếp sống nô lệ khiến Mị buồn tủi muốn chết nhưng sâu trong ý thức người phụ nữ ấy vẫn là niềm khát sống, khát yêu mãnh liệt. Tiếng sáo là tiếng gọi thiết tha của sự sống ngoài kia hay chính là sự lên tiếng của khát vọng tiềm tàng mà mãnh liệt ấy!

**Câu 3:**

Cảm nghĩ gì về người phụ nữ miền núi trong xã hội phong kiến xưa:  
– Thấu hiểu, sẻ chia với thân phận khổ đau, bi kịch của người phụ nữ.  
– Trân trọng những khát vọng đẹp đẽ, chính đáng của người phụ nữ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 22/1/2024

**TIẾT 79, 80: THỰC HÀNH:**

**TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Giúp HS nhớ lại các kiến thức đã học về từ tượng thanh, tượng hình, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội, liên kết đoạn văn: khái niệm, tác dụng.

- Vận dụng các kiến thức đó để làm một số bài tập nhận diện.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng nhận biết từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong các bài tập cụ thể.

- Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp tác dụng của việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Yêu thích, tìm hiểu sự phong phú của tiếng Việt.

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

***4. Năng lực:***

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ, ngôn ngữ TV, tự quản bản thân, tự giải quyết vấn đề, hợp tác....

**II. Tiến trình lên lớp:**

- **Gv:**  Soạn giáo án, hệ thống câu hỏi ôn tập kiến thức, PBT.

**- HS:** Ôn kiến thức về từ tượng thanh, tượng hình, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 - 15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV phát vấn:  **? Thế nào là từ địa phương, biệt ngữ xã hội?**  **? Khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ta cần chú ý điều gì?** | **I. Từ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.**   1. **Khái niệm**   **a.** Từ toàn dân là từ được sử dụng khắp các địa phương trên toàn quốc.  b. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một ( hoặc một số) địa phương nhất định.  Ví dụ: O (cô gái) chỉ dùng ở Nghệ Tĩnh  Hĩm ( bé gái) chỉ dùng ở Thanh Hoá.  b/ - Biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.  Ví dụ: Thời phong kiến vua tự xưng là *trẫm.*   1. **Lưu ý**   - Khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội phải thực sự phù hợp với tình huống giao tiếp, nhằm tăng thêm sức biểu cảm.  - Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậ thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật.  - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, cùng tầng lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên.  - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.  2. Biệt ngữ xã hội:  - Là từ ngữ chỉ dùng trong một tầng lớp người nhất định trong xã hội. |

**B. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HS hoạt động tập thể**  **Bài tập 1. Trò chơi: Ai nhanh hơn.**  *? Tìm các từ ngữ địa phương mà em biết tương ứng với các từ toàn dân sau:*  *Tao, mày, nó.* Bài tập 2. HS hoạt động độc lập ? Cho đoạn trích: Ai vô thành phố Hồ Chí Minh  Rực rỡ tên vàng.  *Tìm và nêu rõ tác dụng của từ địa phương mà tác giả sử dụng?* | **Bài tập 1:**  - Tao (ngôi thứ nhất số ít): tui, tớ, mình…  - Mày (ngôi thứ hai số ít): mi, cậu, bạn…  - Nó (ngôi thứ ba số ít): hắn, y…  **Bài tập 2:**  Đáp án  - Tác giả lấy tư cách là người miền Nam tâm tình với đồng bào ruột thịt của mình ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ *vô* là từ địa phương miền Nam, do đó dùng từ *vô* để tạo sắc thái thân mật, đầm ấm. |
| **Bài tập 3.** **HS hoạt động nhóm (4HS/nhóm).**  Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.  a/  - Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai, nhìn vào mặt tôi nghiêm nghị:  - Vậy mày hỏi cô Thông- tên người đàn bà họ nội xa kia- chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới mãi được sao? (Nguyên Hồng)  b/  - Đã đành rằng thế, nhưng tôi bòn vườn của nó có bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì mà lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cắn rơm, cắn cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi. (Nam Cao)   1. *Xác định các biệt ngữ được sử dụng trong các ngữ liệu trên.* 2. *Nhận xét về tác dụng của các biệt ngữ được dùng trong các ngữ liệu đã cho.* | **Bài tập 3.**   1. ***Biệt ngữ xã hội:***   a/ mợ, bán xới (bỏ quê hương xứ sở mà đi).  b/ BNXH: bòn vườn (tìm kiếm, gắp nhặt từng ít một từ mảnh vườn).  ***2. Tác dụng của biệt ngữ xã hội trong các ví dụ trên:***  a/ Thể hiện sự coi thường, thái độ khinh miệt của nhân vật bà cô đối với mẹ của chú bé Hồng.  b/ Thể hiện phẩm chất cao đẹp của nhân vật Lão Hạc: một người cha thương con, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng vẫn gom góp, dành dụm cho đứa con trai của mình. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS làm nhanh trong 5 phút**   **Câu 1.** Thế nào là từ ngữ địa phương?  A. Là từ ngữ toàn dân đều biết và hiểu.  B. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.  C. Là từ ngữ chỉ được dùng ở một (một số) địa phương nhất định.  D. Là từ ngữ được ít người biết đến.  **Câu 2.** Cho hai đoạn thơ sau:  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo* ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sàng*  (Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  ***Bắp*** *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  (Tố Hữu, *Khi con tu hú*)  Hai từ “bẹ” và “bắp” có thể được thay thế bằng từ ngữ toàn dân nào khác?  **A**. Ngô  B. Khoai  C. Sắn  D. Lúa mì  **Câu 3.** Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  **Câu 4.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  ***A.*** Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó   |  | | --- | | **Câu 5.** Khi sử dụng từ ngữ địa phương, cần chú ý điều gì?  A. Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương.  B. Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp.  C. Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương.  D. Cả A, B, C đều đúng.  **Câu 6.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó  **Câu 7.** Trong bài thơ sau đây, từ *cá tràu* là loại từ ngữ nào?  *Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế*  *Khế trong vườn thêm một tý rau thơm*  *Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ*  *Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!*  (Chế Lan Viên)  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  C. Từ ngữ toàn dân  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 8.** Từ địa phương *tía* của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì?  A. Lá tía tô  B. Bố  C. Màu đỏ  D. Quả na  **Câu 9.** Các từ in đâm trong đoạn thơ là từ ngữ ở vùng nào là chủ yếu?  *Đồng chí* ***mô*** *nhớ nữa,*  *Kể chuyện Bình – Trị – Thiên*  *Cho* ***bầy tui*** *nghe* ***ví****,*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong* ***nớ hiện chừ*** *vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.*  (Hồng Nguyên)  A. Miền Bắc  B. Miền Trung  C. Miền Nam  D. Đây là từ ngữ toàn dân |   **\* NV2:** **GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân.**  *+ Em hiểu gì về từ ngữ địa phương?*  *+ Khi sử dụng từ ngữ địa phương ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 4:** Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:  a. Ai đi vô nơi đây  Xin dừng chân xứ Nghệ  (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)  b. Đến bờ ni anh bảo:  - “Ruộng mình quên cày xáo  Nên lúa chín không đều.  Nhớ lấy để mùa sau  Nhà cố làm cho tốt”.  (Trần Hữu Thung, Thăm lúa)  c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy  Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!  (Tố Hữu, Huế tháng Tám)  d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)  e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.  (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)  **Bài 5:** Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:  a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích Biên bản họp lớp)  b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…  (Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)  c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”**đây!  (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)  d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.  (Trích một bản tường trình)  **Bài 6:** Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  d. Nhắn tin cho một bạn thân  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan.  **GV phát phiếu bài tập 7**  ***a, Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc vùng khác mà em biết. Nêu từ những địa phương tương ứng (nếu có).***  **Gợi ý:** Em hãy xem một số chú thích trong các văn bản đã được học ở phần Văn, sử dụng những hiểu biết của mình về từ ngữ địa phương, nêu lên ít nhất 10 ví dụ. Không được lấy lại từ địa phương trong bài học.  b***, Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương có sử dụng từ ngữ địa phương.***  **Gợi ý:**  Hãy xem một số bài ca dao, thơ trong chương trình, xem thêm các tập thơ, ca dao của các địa phương. Ghi vào vở các bài đáp ứng yêu cầu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi ra phiếu các thông tin theo yêu cầu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Bài 4: HS cần nhận diện được các từ ngữ địa phương sau:**  a. vô  b. ni  c. chừ  d. chi  e. má, tánh  **\* Chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đoạn ngữ liệu** nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.  **\* Với bài tập 5 hs cần nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương như sau:**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b. Nhớn và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **\* Với bài tập 6 hs cần biết những trường hợp giao tiếp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương.**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan  **\* Hs sưu tầm các biệt và tìm các từ ngữ toàn dân tương ứng ở bài tập 7**   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Từ toàn dân** | | **Con tru**  **( Trung Bộ)** | **Con trâu** | | **Trái mận**  **( Nam Bộ)** | **Trái roi** | | **Mần**  **( Nam Bộ)** | **Làm** | | **Tía**  **( Nam Bộ)** | **Cha** | | **Bù lào**  **( Trung Bộ)** | **Bí đỏ** | | **Bá ( Trung Bộ)** | **Bác** |   **b,** Ví dụ:  *Đứng bên* ***ni*** *đồng, ngó bên* ***tê*** *đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên* ***tê*** *đồng, ngó bên* ***ni*** *đồng, bát ngát mênh mông*  (Ca dao)  ***Bầm*** *ơi, có rét không* ***bầm***  *Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.*  (*Bầm ơi*, Tố Hữu)  *Trèo lên trên rẫy khoai lang*  *Chẻ tre đan* ***sịa*** *cho nàng phơi khoai.*  (Hò ba lí của Quảng Nam) |

**Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội.**

**2. Làm bài tập sau:**

1. Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 8 đến 10 câu chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn em có sử dụng từ ngữ địa phương. Gạch chân dưới các từ địa phương mà em sử dụng.

2. Viết một đoạn đoạn khoảng 8 câu nêu suy nghĩ của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội của giới trẻ trên không gian mạng hiện nay. Trong đó có sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp. ( gạch chân các biệt ngữ xã hội đã dùng).

**Ngày soạn: 25/1/2024**

**Tiết 81,82, 83,84:**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

**-** Nắm vững quy trình viết bài vănnghị luận về một tác phẩm truyện.

- Vận dụng thực hành làm các đề cụ thể của dạng bài.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* **Mục tiêu:** HS nắm vững yêu cầu và quy trình viết bài vănnghị luận về một tác phẩm truyện.
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận  *+ Một bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện cần đáp ứng được những yêu cầu nào?*  *+ Quy trình thực hiện bài viết?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.TRI THỨC NỀN CẦN GHI NHỚ**  **1/ Những yêu cầu và quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện.**  **a. Yêu cầu:**  - Về nội dung nghị luận  + Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề  + Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn,… và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.  - Về kĩ năng nghị luận  + Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.  + Lý lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.  + Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lý để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.  + Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách  Mở bài: Giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,…). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.  Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.  Kết bài: Khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.  **2/ QUY TRÌNH CÁC BƯỚC:**  - Lựa chọn tác phẩm phân tích  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Viết bài văn.  - Chỉnh sửa bài văn. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

* **Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức và củng cố các kĩ năng đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:  *1. Có mấy bước để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện?*  *2. Dựa vào SGK, em hãy nêu vắn tắt các yêu cầu của từng bước.*  *3. Tìm ý và lập dàn ý* ***.***  *4. GV cho HS viết bài theo các yêu cầu*  *5) GV cho HS chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu .*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu và các bước GV hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  - Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (theo *BẢNG KIỂM*)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, khen ngợi những bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu.  - Động viên HS chưa đạt được yêu cầu, cần nỗ lực hơn.  **Gv:** định hướng cho hs lựa chọn 2 bài thơ: Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam.  **Bước 1**: **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài:  + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì?  + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết?  + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu?   * Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai?   **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức thực hiện nhiệm vụ  + HS dự kiến sản phẩm  **Bước 3:** **Báo cáo và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.  **Bước 4**: **Đánh giá, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào Phiếu tìm ý theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3  phần: MB – TB – KB   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm cơ bản** | **Chi tiết trong tác phẩm** | | Thông tin chung về tác giả, tác phẩm |  | | Nội dung chính của tác phẩm |  | | Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..) |  | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,....) |  | | Ý nghĩa chung của tác phẩm với người đọc. |  |   **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau.  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3:** **Báo cáo và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, nhận xét**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  **Bước 2**: **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3:** **Báo cáo và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:   * GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết   **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3**: **Báo cáo và thảo luận:**  - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài.  - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn.  **Bước 4:** **Nhận xét , đánh giá** | **II/ Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đối tượng**  - Liệt kê một số truyện mình đã học hoặc đã đọc  - Xác định truyện mình yêu thích, ấn tượng để phân tích.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  *\*Tìm ý*  - Nhan đề, đề tài và nội dung chính của truyện  - Nhân vật nổi bật thể hiện chủ đề của truyện.  - Dự kiến các bằng chứng trong tác phẩm để làm nổi bật nội dung.  - Đánh giá những nét nghệ thuật cơ bản của truyện: người kể chuyện, ngôn ngữ, hình ảnh, cốt truyện...  - Đánh giá vị trí, ý nghĩa của tác phẩm truyện.  *\*Lập dàn ý*  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  **A. Mở bài:** *giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.*  **B. Thân bài:**  *- Ý 1: nêu nội dung chính của tác phẩm*  *- Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm.*  *- Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.*  **C. Kết bài:** *Khẳng định vị trí ý nghĩa của tác phẩm.*  **2. Thực hành viết**  ***VÍ DỤ***  ***\* Phân tích truyện ngắn “ Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam”***  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài:  - Dạng bài: nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.  - Về nội dung: Phân tích được các nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm  - Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận  - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng trong văn bản truyện.  b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc  - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long  - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tac phẩm.  **2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý Cảm nhận về truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam.**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm cơ bản** | **Chi tiết trong tác phẩm** | | Thông tin chung về tác giả, tác phẩm | Giới thiệu chung về tác giả Thạch Lam và truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa -> cảm nhận của bản thân về tác phẩm. | | Nội dung chính của tác phẩm | Tác phẩm kể câu chuyện đậm chất trữ tình về chị em Lan, Sơn và những đứa trẻ xóm chợ nghèo trong một buổi sáng đầu của mùa đông khi những cơn gióa lạnh đàu mùa ập đến từ đó gửi gắm thông điệp về tình yêu thương giữa con người với con người. | | Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..) | Chủ đề: Truyện ngắn là câu chuyện gửi gắm ý nghĩa sâu sắc về tình yêu thương và sự sẻ chia, đồng cảm; về tình người,..  + Cốt truyện: Gió lạnh đầu mùa, chị em Sơn, Lan mặc áo ấm đi chơi với lũ trẻ trong xóm; hai chị em thương cô bé Hiên nhừ nghèo không có áo mặc nên lấy áo của em Duyên (đã mất) cho Hiên mượn; việc làm này bị em họ mách với mẹ khiến 2 chị em sợ hãi; về nhà thì 2 chị em thấy mẹ và mẹ Hiên đang ngồi nói chuyện; mẹ Hiên gửi lại chiệc áo và mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn tiền mua áo cho con,... -> cốt truyện nhẹ nhàng, đậm chất trữ tình -> gửi gắm sâu sắc chủ đề của tác phẩm: tình người thể hiện trong sự sẻ chia giữa những đứa trẻ; qua hành động của hai người mẹ; qua sự không phân biệt giàu nghèo,.... -> gió ạnh nhưng tình người không lạnh. | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,....) | -Ngôi kể thứ 3;  - Nhân vật được miêu tả chủ yêu qua diễn biến tâm lí, đặc biệt à tâm hồn nhạy cảm của nhân vật Sơn trước sự biến chuyển cuả thời tiết và tình người,..  -Đậm chất trữ tình (cảnh vật, chi tiết truyện,..).  - Ngôn ngữ giàu chất thơ.  .... | | Ý nghĩa chung của tác phẩm với người đọc. | Khẳng định lại giá trị của tác phẩm: |   **b. Lập dàn ý**  - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:  \* Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm.  \* Thân bài: Phân tích đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm (như ở phần lập ý):  \* Kết bài: Khẳng định lại giá trị của tác phẩm:  **Bước 2: Viết**  Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.   * **Chú ý:**   + Bài viết đủ 3 phần  + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài.  + Cần nhìn nhận, phân tích tác phẩm từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú.  + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận.  **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết  - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.  **\*Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **MB** | Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm. |  |  | | **TB** | Nội dung chính của tác phẩm |  |  | | Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..) |  |  | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,....) |  |  | | Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  | | **KB** | Khẳng định lại giá trị của tác phẩm: |  |  | | **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt |  |  | |

*Ngày soạn:27/1/2024*

**TIẾT: 85,86,87,88 :**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRIỂN KHAI PHÁT ĐỀ CHO HS LÀM BÀI.**

* **Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức và kĩ năng thực hành của HS sau khi học xong chủ đề 1.**

**HOẠT ĐỘNG 2: HỌC SINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU KHI NHẬN ĐỀ.**

**Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**HOẠT ĐỘNG 3: GV NGHIỆM THU SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH**

* **Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được kĩ năng làm bài tổng hợp của HS.

Chỉnh sửa, giúp đỡ HS sửa lỗi kịp thời.

* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**.  + GV thu sản phẩm luyện tập tổng hợp của HS.  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS** nhận xét đánh giá bài của bạn, sửa lỗi của bản thân.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS** |

**ĐỀ 1:**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Tôi và con trai đi máy bay từ Sài Gòn ra Hà Nội. Chuyến đi máy bay đầu đời của tôi và đương nhiên con tôi cũng thế. Cũng xin nói thêm, đáng lý chúng tôi bay ngày nhưng bay đêm giảm giá, đành vậy.*

*[...]*

*- Làm sao con nhìn thấy mây!*

*Ừ thì tôi cũng như nó, vẫn mong nhìn thấy mây khi chính mình đi xuyên qua. Tôi nói mà thấy mình muốn khóc.*

*- Chẳng sao đâu con, con vẫn nhìn thấy, có điều chúng đen thui.*

*8 giờ 30 cất cánh, nhưng mới 5 giờ sân bay đã lố nhố người.*

*[...]*

*Tệ thật, những chiếc giỏ xách, chẳng lẽ chúng quan trọng hơn đứa con của mình à? Quan trọng đến nỗi mình ôm chặt giỏ xách mà không thèm ôm đứa con? Tôi chột dạ. Nhưng đó cũng chỉ là ý nghĩ loáng thoáng khi gởi hành lý thôi. Bây giờ tôi đã trống hai tay để mà ôm nó rồi. Cũng may thằng bé không nghĩ đến chuyện này lâu. Nó đang phân vân về chiếc máy bay.*

*- Con muốn được đi chiếc màu xanh. Nó lại có vẻ to hơn chiếc màu trắng.*

*- Ừ, bố cũng thấy thế.*

*[...]*

*Thằng con tôi nhắm bộ êm êm. Nó êm cũng đúng thôi. Nó mới 10 tuổi làm sao mưu mẹo bằng cái đầu già của thằng cha nó. Làm sao nó có thể hiểu cuộc đời này, nếu không được đi chiếc máy bay màu xanh, thì sẽ có những chiếc màu vàng, màu đỏ thay vào. Hoặc không có máy bay thì người ta đi bằng xe đò, xe máy… Người ta thay đổi phương tiện cho bằng được để đạt mục đích Sài Gòn - Hà Nội, Hà Nội - Sài Gòn. Người ta thay thế bầu trời bằng mặt đất thì có sao đâu?*

*[…]*

*Tôi dợm bước định nhổm dậy thì máy bay chênh vênh rơi vào vùng khí loãng. Bầu trời bên ngoài tối sắc lại. Xa xa nhợt nhạt, tôi nhìn thấy một quầng mây u tối. Trước khi đi, tôi đã từng ao ước nhìn thấy mây. Thế mà bỗng dưng tôi đã quên nó một cách nhanh chóng chỉ vì những thứ tầm phào, những thứ quái đản mà tôi không thể đoán trước. Tôi nhìn ra bầu trời một lần nữa. Chẳng thấy ngôi sao nào. Cũng chẳng nhìn thấy ánh đèn trên mặt đất. Có lẽ chúng tôi đã cách xa nhau lắm rồi, cái mặt đất, cánh đồng, cái chỗ ngồi của tôi. Thế là tôi ở lại.*

*Đèn máy bay đã giảm. Một vài người thiu thiu ngủ. Thật lạ lùng. Người ta có thể ngủ được khi chính bản thân mình đang được bay lên trên bầu trời ư! Tôi thử nhắm mắt, nhưng không thể nhắm được. Tâm hồn tôi hỗn loạn, chênh vênh như có những tiếng nổ lớn. Tôi bay lên trên cao rồi tôi lại chìm xuống dưới. Tôi chìm sâu vào tâm hồn tôi.*

*Bất ngờ một bàn tay nhỏ nhắn đập vào vai tôi, nói cái điều mà tôi chẳng muốn:*

*- Bố, dậy đi. Đã tới nơi rồi.*

*[...]*

*Từng đoàn người đã đứng lên chật lối đi. Đã đến lúc dùng dằng thì cũng phải ra về.*

*- Con có thức từ đầu đến cuối không? Tôi hỏi.*

*- Có.*

*- Vậy thì được rồi. Tôi an ủi nó.  Con hãy nhìn chiếc máy bay cho kỹ đi. Bởi vì vòng về chúng ta sẽ đi tàu lửa. Và chúng ta cũng chẳng có tiền nhiều để mà đi máy bay lần thứ hai, lần thứ ba. Nhưng dù sao khi cúi xuống ruộng, con vẫn có thể ngẩng đầu lên trời mà nói rằng, con đã từng bay qua cái khoảng trời này. Con đã từng đi trên chiếc máy bay này.*

*- Chẳng ai tin con đâu.*

*- Ừ, bố cũng biết thế, làm sao họ có thể tin được.*

*- Họ lại không có mẹ ở xa. Thằng con tôi đã vui trở lại. Ngẫm nghĩ một hồi nó lại nói tiếp, và nhất là họ không thể… tiểu đến chín lần trên bầu trời.*

*Bên ngoài mặt đất hiền hòa đón lại chúng tôi như thể chúng tôi không thể thoát được chúng.*

(Trích ***Cha và con và… tàu bay****,* Nguyễn Ngọc Thuần)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Thuyết minh

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của truyện.

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định được

**Câu 3:** Bối cảnh của câu chuyện là gì?

A. Hai bố con đi trên chuyến bay giảm giá, vào ban đêm từ Hà Nội vào Sài Gòn.

B. Hai bố con đi trên chuyến bay vào ban ngày, ra nước ngoài.

C. Hai bố con tưởng tượng là đang cùng được đi máy bay, ngắm mây trắng.

D. Hai bố con với những rắc rối khi đi máy bay lần đầu.

**Câu 4.** Nhân vật *bố* cảm thấy như thế nào khi trót ngủ quên trên máy bay?

A. Hạnh phúc, thoải mái. B. Tiếc nuối C. Vui vẻ D. Đau khổ

**Câu 5.** Đoạn văn: *“Tệ thật, những chiếc giỏ xách, chẳng lẽ chúng quan trọng hơn đứa con của mình à? Quan trọng đến nỗi mình ôm chặt giỏ xách mà không thèm ôm đứa con? Tôi chột dạ.”* nhân vật người bố được khắc họa ở phương diện nào?

A. Hành động B. Trang phục C. Suy nghĩ D. Lời nói

**Câu 6.** Tại sao trong câu chuyện, nhiều lần người bố lại muốn khóc?

A. Vì bố thương con không thể thực hiện ước mơ được ngắm mây và ân hận vì mình đã ngủ quên và bỏ qua khoảng khắc tuyệt vời trên máy bay cùng con.

B. Vì lúc về họ sẽ đi phương tiện khác, họ không có tiền để đi máy bay.

C. Vì bố rất tự hào, hãnh diện vì được cùng con đi máy bay.

D. Vì hai bố con sắp được gặp mẹ.

**Câu 7.** Câu nói: “- *Vậy thì được rồi. Tôi an ủi nó.  Con hãy nhìn chiếc máy bay cho kỹ đi. Bởi vì vòng về chúng ta sẽ đi tàu lửa. Và chúng ta cũng chẳng có tiền nhiều để mà đi máy bay lần thứ hai, lần thứ ba. Nhưng dù sao khi cúi xuống ruộng, con vẫn có thể ngẩng đầu lên trời mà nói rằng, con đã từng bay qua cái khoảng trời này. Con đã từng đi trên chiếc máy bay này*” của người bố cho thấy vẻ đẹp nào của nhân vật này?

 A. Một ông bố luôn yêu thương, thấu hiểu, trân trọng ước mơ và cảm xúc của con trai.

B. Một ông bố gia trưởng, kiểm soát mọi suy nghĩ của con.

C. Một ông bố thích khoe khoang, tự mãn. D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 8.** Các từ in đậm trrong câu văn sau thuộc từ loại nào?

“*Làm sao nó có thể hiểu cuộc đời này, nếu không được đi chiếc máy bay* ***màu xanh,*** *thì sẽ có những chiếc* ***màu vàng, màu đỏ*** *thay vào.”*

A.Tính từ. B. Động từ C. Trợ từ D. Danh từ

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**: Chỉ ra và nêu tác dụng của cách kết thúc của truyện ngắn?

**Câu 10**.Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 12- 15 câu), nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bố và tình cảm của nhân vật “tôi” đối với bố.

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: “cây hoàng lan”, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.*

*Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.*

*Nghe thấy bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.*

(Trích *Dưới bóng hoàng lan* -Thạch Lam, NXB Văn hóa Thông tin, 2007, tr. 165-166)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Nhân vật chính trong truyện là ai?

A. Bà B. Cha C.Thanh D. Mẹ

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của truyện:

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 3.** Tác giả chọn điểm nhìn từ nhân vật nào?

A. Từ bà. B. Từ nhân vật chính.

C. Từ người mẹ. D. Từ một người bạn.

**Câu 4.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích là:

A. Miêu tả, biểu cảm, nghị luận B. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, thuyết minh. D. Tự sự, miêu tả, nghị luận.

**Câu 5.**Đâu là những chi tiết miêu tả cây hoàng lantrong đoạn trích?

A*. lại gần săn sóc, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi.*

B*. vẫn nằm yên nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình, không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra.*

C. *Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng.*

D. *lá cây rung động; thân cây vút cao; mùi hương thơm thoang thoảng; cây đã lớn.*

**Câu 6.**Tâm trạng của nhân vật Thanh trong đoạn trích là:

A. cảm thấy vui vẻ, hào hứng, mê say trước vẻ đẹp của quê nhà.

B. cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình yên khi tắm mình trong không khí tươi mát của hương hoàng lan và đón nhận sự săn sóc của bà.

C. cảm thấy buồn bã, não nề vì khung cảnh quá yên tĩnh.

D. cảm thấy tiếc nuối vì tuổi thơ đã đi qua, không còn được bà che chở, âu yếm.

**Câu 7.** Nhân vật chính trong đoạn trích được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?

A. Lời nói B. Hành động C. Tâm trạng, cảm xúc D. Ngoại hình

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu văn sau:

*“Bà lại gần săn sóc, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi.”*

**Câu 9.** Nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**Câu 10.** Viết đoạn văn 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của bản thân về vai trò của lối sống chậm trong cuộc sống.

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O. Hen ri.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc đoạn trích sau:**

*– Ăn thêm cái nữa đi con!*

*– Ngán quá, con không ăn đâu!*

*– Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!*

*– Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!*

*Thằng bé lắc đầu nguầy nguậy, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường sát mép cổng. Chiếc xe hơi láng bóng rồ máy chạy đi. Hai đứa trẻ đang bới móc đống rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chỏng chơ xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:*

*– Anh Hai thổi sạch rồi mình ăn. Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chăng chịu đi cho. Đứa em sốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tõm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.*

*– Ai biểu anh Hai thổi chi cho mạnh.*

*Con bé nói rồi thút thít.*

*– Ừ. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!*

*(*Lý Thanh Thảo, Trích *“Bốn mươi truyện rất ngắn ”, NXB Hội nhà văn 1994)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**: Xác định ngôi kể của văn bản trên.

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Không có ngôi kể

**Câu 2**: Xác định nhân vật chính của truyện ngắn trên.

A. Người em B. Anh Hai C. Người mẹ D. Cậu bé nhà giàu

**Câu 3:** Đoạn trích trên khắc họa nhân vật bằng cách nào?

A. Qua ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. B. Qua ngôn ngữ độc thoại của các nhân vật.

C. Qua hành động, cử chỉ, điệu bộ và lời nói của các nhân vật.

D. Qua suy nghĩ của nhân vật.

**Câu 4:** Tình huống gay cấn trong truyện ngắn là tình huống nào?

A. Đứa bé con nhà giàu gạt mạnh tay khiến chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường sát mép cổng.

B. Hai anh em nhà nghèo nhặt được miếng bánh.

C. Hai anh em nhà nghèo thổi bánh, miếng bánh bất ngờ rơi xuống cống.

D. Hai anh em nhà nghèo chia nhau liếm những ngón tay dính bánh.

**Câu 5: Đâu không phải là lí do mà** cậu bé con nhà giàu lại vứt miếng bánh đi?

A. Vì cậu bé không muốn ăn.

B. Vì cậu bé không biết trân trọng những gì mình đang có.

C. Vì người mẹ cưng chiều.

D. Vì chiếc bánh không được mua ở tiệm bánh cậu bé thích.

**Câu 6:** Nội dung chính của văn bản trên là gì?

A. Ca ngợi tình cảm anh em gắn bó, yêu thương trong nghịch cảnh.

B. Nhấn mạnh những cảnh đời nghèo khổ của không ít trẻ em hiện nay.

C. Diễn tả cuộc sống giàu có, đầy đủ của nhiều đứa trẻ.

D. Sự khác biệt của những cảnh đời.

**Câu 7:** Trong câu: *“Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tõm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.”,* từ nào là trợ từ?

A. rơi B. hẳn C. Chính D. xuống

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:** Câu nói của nhân vật người anh *“Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi*” có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung chính của truyện?

**Câu 9:** Câu “*Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho*” đặc sắc vì sao?

**Câu 10:** Qua câu chuyện, em hãy viết đoạn văn khoảng 7 – 8 câu bày tỏ suy nghĩ của mình về ý nghĩa tình yêu thương trong cuộc sống.

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Bức Tranh của em gái tôi của Tạ Duy Anh.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Con khướu sổ lồng**

*Tạo hóa cho loài chim đôi cánh là để bay, nhưng trong trời đất này có biết bao con chim không được bay. Nhà tôi cũng có một con, con Khướu, được nuôi trong lồng. Nó được nuôi trong một cái lồng tuyệt đẹp, cái lồng tre nổi tiếng của Lạng Sơn. Mái lồng như mái đình, quanh lồng được chạm trổ theo hình hoa văn, trong lồng có ba cái lọ sứ Tàu để đựng thức ăn thức uống. Cái lồng được treo dưới mái bên mảnh vườn treo trên nhà. Nếu những con chim khác biết được không thể không ganh tị với nó. Quanh nó là cây cảnh với phong lan, không mưa không nắng, nhưng vẫn nhìn thấy khoảng trời mênh mông qua mảnh vườn. Nó như sống trong cảnh thần tiên, thức ăn thức uống đủ đầy, chỉ có hót thôi*

*[…]  
 Một lần thằng con tôi lại sơ ý. Con Khướu lại vù bay. Nó bay đi lần này, cả nhà không lo buồn như lần trước. Bởi đoán thế nào nó cũng quay về. Và đúng như cũ. Thằng lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời. Người trong nhà không còn ai phập phồng nữa, biết chắc là chốc nữa nó sẽ lại sà xuống chui vào lồng.  
 Chỉ có thằng út là vẫn háo hức đi tìm một chỗ núp rình xem, với nó như một trò chơi hồi hộp lý thú.*

*Trên vòm lá, con Khướu lại hót. Nó hót một chuỗi dài như báo tin, nó đã về. Và từ trên vòm lá nó lao xuống.*

*Khi nó lao xuống đến lưng chừng thì trên trời bỗng vang lên tiếng hót của một con chim trời. Tiếng hót của con chim lạ ấy tôi nghe thảnh thót hơn và cũng dịu dàng hơn, chắc là con chim mái.*

*Tiếng con chim trời ấy đã cứu con Khướu nhà. Đang lao thẳng xuống vực thẳm của chiếc lồng thì, nó bỗng ưỡn người, dựng ngược đôi cánh xiên thẳng lên cái nền xanh thăm thẳm của bầu trời.*

*Thế rồi con trước con sau như hai mũi tên đen, đuổi nhau lượn vòng vòng trên tàn cây, vừa lượn đuổi vừa hót.*

*Rồi từ xa, hai con vụt bay đến nhau, khi vừa đến bên nhau thì chúng dựng cánh, cùng vút thẳng lên trời cao. Rồi xòe cánh, cánh kề cánh nương nhau bay lượn, vừa bay vừa hót. Tiếng hót của đôi chim rộn rã quấn quít như tiếng cười tiếng khóc trong giọng rối rít của đôi tình nhân hằng thế kỷ mới tìm gặp nhau, vừa xôn xao vừa vang động cả trời chiều. Cái vòng lượn của đôi chim mỗi lúc rộng ra, và tiếng hót mỗi lúc, mỗi lúc từ xa cho đến xa.*

*Chiều hôm sau thằng con lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, đợi con Khướu. Nhưng con Khướu không về trên vòm lá. Thằng con tôi kiên nhẫn, chiều hôm sau lại mang cái lồng ra.*

*Tôi bảo:*

*- Thôi dẹp đi. Nó không về nữa đâu.*

*- Sao vậy ba? - Thằng út tôi hỏi.*

*Thôi dẹp đi, ba biết nó không về - Tôi nghĩ mà không nói. Lần này nó có đôi cánh của tình yêu, đôi cánh tình yêu đã đưa nó về với cảnh thênh thang của đất trời. Và nó là chim - chim thì phải bay. Chim bay...*

*(Trích Con Khiếu sổ lồng,* Nguyễn Quang Sáng)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Ý nào nói đúng về phương thức chính của đoạn trích?

A. Tự sự B. Miêu tả. C. Biểu cảm D. Thuyết minh

**Câu 2:** Nhân vật chính trong tác phẩm có đoạn trích trên là:

A. Nhân vật “tôi” B. Thằng út. C. Thằng con lớn D. Con Khướu nhà

**Câu 3:** Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên qua hình ảnh con chim Khướu

B. Ca ngợi tiếng hót của con chim Khướu

C. Kể lại chuyện con chim Khướu sổ lồng hai lần khiến cả gia đình nhân vật “tôi” lo lắng

D. Kể về cuộc sống của con chim Khướu thoát khỏi cái lồng trở về thế giới tự do.

**Câu 4:** Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích:

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Không xác định được

**Câu 5:** Không gian nghệ thuật được khắc hoạ trong đoạn trích là:

A. Đình làng B. Cánh đồng

C. Cái lồng, khu vườn treo, bầu trời tự do D. Chợ

**Câu 6:** Đề tài của tác phẩm có đoạn trích là gì?

A. Tình cảm gia đình. B. Cuộc sống của thiên nhiên

C. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên

D. Mỗi quan hệ giữa con người và con người

**Câu 7**: Câu: “*Tiếng hót của đôi chim rộn rã quấn quít như tiếng cười tiếng khóc trong giọng rối rít của đôi tình nhân hằng thế kỷ mới tìm gặp nhau, vừa xôn xao vừa vang động cả trời chiều.”* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A.Nhân hóa, so sánh B.Nhân hóa, ẩn dụ

C.Nói quá, so sánh D.Liệt kê, so sánh

**Câu 8:** Đoạn văn: “*Trên vòm lá, con Khướu lại hót. Nó hót một chuỗi dài như báo tin, nó đã về. Và từ trên vòm lá nó lao xuống”***không** sử dụng phép liên kết nào?

A.Phép lặp. B.Phép nối. C.Phép thế. D.Phép cùng trường liên tưởng

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Cảm nhận của em về chi tiết “*Tiếng con chim trời ấy đã cứu con Khướu nhà. Đang lao thẳng xuống vực thẳm của chiếc lồng thì, nó bỗng ưỡn người, dựng ngược đôi cánh xiên thẳng lên cái nền xanh thăm thẳm của bầu trời.”*

**Câu 10:** Em có đồng tình với việc nuôi nhốt chim không? Vì sao?

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 05**

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu:

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

(Trích *Dì Hảo –*Tuyển tập truyện ngắn *Đôi mắt*, Nam Cao, NXB VH, 2017, tr. 208)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên.

A. Tiểu thuyết. B. Kịch C. Truyện ngắn D. Truyền kì

**Câu 2:** Xác định nhân vật chính trong văn bản.

A. Dì Hảo B. Hắn C. Dì Hảo và Hắn D. Người kể chuyện

**Câu 3:** Chọn đáp án đúng nhất thể hiện dì Hảo không trách người chồng tàn nhẫn của mình?

A. “Dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy.” B. “Trách làm gì hắn...”

C. “Dì còn phải khóc hơn thế nhiều.” D. “Cũng như dì đã không trách bà tôi...”

**Câu 4:** Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của dì Hảo?

A. Khóc, nấc B. Nghiến chặt răng; khóc

C. Nghiến chặt răng; khóc; nấc D. Nghiến chặt răng, khóc, nấc, thổ ra

**Câu 5:** Tác dụng của phép điệp trong văn bản?

A. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của dì Hảo. B. Nhấn mạnh vào tiếng khóc của dì Hảo.

C. Nhấn mạnh nỗi bất hạnh của dì Hảo.

D. Nhấn mạnh hoàn cảnh nghèo khó của dì Hảo.

**Câu 6:** Chủ đề của văn bản là gì?

A. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ trước Cách mạng tháng Tám.

B. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ sau Cách mạng tháng Tám.

C. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ thời hiện đại.

D. Nỗi bất hạnh của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

**Câu 7:** Trong đoạn văn: *Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ”,* đâu là thán từ?

A. chao ôi B. dì Hảo C. nức nở D. khóc

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:** Tình cảnh của dì Hảo giúp em hiểu gì về thân phận người nông dân trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng?

**Câu 9:** Em hiểu như thế nào về câu văn *Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở* trong đoạn trích?

**Câu 10:** Qua đoạn trích trên, em hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao.

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Mảnh trăng cuối rừng của Nguyễn Minh Châu.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 6**

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu:

**Người bạn mới**

Buổi học hôm nay có chuyện “hay” quá! Vừa về đến nhà Tú khoe ngay với mẹ:

- Mẹ ơi! Lớp con có một thằng…

Mẹ ngẩng lên:

- Sao lại thằng?

Tú vẫn hớn hở:

- Vâng! Một thằng mới vào học mẹ ạ! Buồn cười lắm!

Mẹ nhìn em:

- Buồn cười làm sao?

- Hí hí! Nó mặc áo con gái, mẹ ạ!

Mẹ hỏi:

- Áo con gái thế nào?

Tú vừa cười vừa kể rằng: Cái “thằng ấy” mới xin chuyển về, vào lớp 5C của con, nó mặc cái quần ngắn ơi là ngắn và cái áo sơ mi ở trong chiếc áo len thì lại cổ lá sen. Kiểu cổ áo của con gái. Thế có buồn cười không?

- Cái thằng ấy, mẹ ạ…

Mẹ lắc đầu:

- Sao con cứ gọi bạn là thằng thế nhỉ? Nói chuyện với mẹ, với bố, con không được gọi bạn là thằng nọ thằng kia. Bạn ấy tốt hay xấu mà con lại gọi thế?

Tú lúng túng:

- Con… con cũng chưa biết ạ!

- Không biết một tí gì hết?

Tú ngần ngừ, rồi thưa:

- Nó dát lắm mẹ ạ. Chúng con chế là mặc áo con gái, nó chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.

Nghe Tú nói, vẻ mặt mẹ vẫn không vui. Mẹ nhìn em có ý trách:

- Hết gọi bạn là thằng, rồi lại gọi là nó. Sao con không gọi hẳn tên bạn ra hoặc là: bạn ấy, bạn con được nhỉ? Tên bạn ấy là gì?

- Là Nam. Phó Văn Nam mẹ ạ. Buồn cười quá cơ!

- Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!

Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi. Ngay bài toán tập đầu tiên làm ở lớp mới, không cần phải hỏi bạn ngồi bên cạnh, không xem bài của ai, cậu ấy đã được hẳn mười điểm. Mà chữ viết nữa chứ, rất đẹp.

Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi. Đến cái ti vi, bố mẹ cậu ấy cũng không có tiền để mua. Nam phải chuyển trường đi theo bố mẹ, vì mãi đến bây giờ cơ quan mới chia nhà cho. Trước đây là đi ở nhờ. Bố mẹ Nam có hai con. Chị Nam là con gái, áo quần mặc chật từ lúc bé, có cái nào mẹ lại mặc cho Nam. Mặc ở nhà và mặc ở trong cũng được. Mẹ Nam bảo Nam là: Bộ mặc ở ngoài thì cần phải đúng là của con trai. Lớn hơn nữa, thì thôi. Giờ còn bé thì mặc tạm. Mẹ sẽ dành tiền may cho Nam. Thương mẹ vất vả, nên Nam đã vâng lời. Tú nghe bạn kể mà thương bạn. Mặc áo thừa của chị, mà vẫn học giỏi, lại biết thương mẹ, chứ không đua đòi, thấy ai có cái gì cũng muốn có theo.

Ngay hôm đó, về nhà Tú khoe:

- Mẹ ơi! Bạn Nam ấy, hay lắm mẹ ạ!

Mẹ hỏi:

- Hay làm sao?

- Bạn ấy là học sinh giỏi và… ngoan, mẹ ạ!

Mẹ nhìn em. Ánh mắt mẹ cười vui…

(Phong Thu - Những truyện hay viết cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:**Văn bản “*Người bạn mới*” thuộc thể loại truyện gì?

A. Truyện đồng thoại. B. Truyện ngắn

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện cổ tích

**Câu 2:**Văn bản “*Người bạn mới*” viết về đề tài gì?

A. Thiên nhiên B. Thời tiết C. Gia đình D. Bạn bè

**Câu 3:Trong văn bản, câu nào sau đây là lời nhân vật?**

A. Bạn ấy là học sinh giỏi và … ngoan, mẹ ạ!

B. Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi.

C. Tú nghe bạn kể mà thương bạn. D. Ánh mắt mẹ cười vui…

**Câu 4:**Trong văn bản “*Người bạn mới*”, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “*tôi”* và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “*chúng tôi*” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 5:**Đâu không phải là tác dụng của việc khắc họa nhân vật Tú ở phương diện hành động trong văn bản “*Người bạn mới”?*

A. Nổi bật đặc điểm cách nhân vật Tú là đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, tuy còn nhiều thiếu sót nhưng biết yêu thương, chia sẻ với bạn bè.

B. Làm cho câu chuyện hấp dẫn, sinh động.

C. Tạo bối cảnh cho câu chuyện. D. Đây là cách duy nhất để khắc họa nhân vật là trẻ em.

**Câu 6:**Tác dụng của trợ từ trong câu: *“Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!”*

A. Tạo tình cảm thân mật, yêu mến con của người mẹ.

B. Nhấn mạnh việc con đến chơi và hỏi Nam.

C. Nhấn mạnh vào thời gian ngày mai. D. Dùng để hỏi.

**Câu 7:** Tại sao mẹ không vui, và có ý trách Tú khi thấy Tú gọi bạn là “*thằng ấy”, “nó”?*

A. Vì cách gọi đó là của những người không tốt.

B. Vì cách gọi đó tạo sắc thái biểu cảm không tốt về người được nói tới, thể hiện sự thiếu tôn trọng, thiếu tế nhị.

C. Vì mẹ thấy nhà người bạn mới nghèo nên thương bạn.

D. Vì thái độ chê bai bạn của con.

**Câu 8:** Tại sao lúc đầu Tú lại thấy Nam: “*Buồn cười lắm!*”, “*Buồn cười quá cơ!*”

A. Vì Nam mặc áo con gái. B. Vì Nam mới đến, nó dát lắm.

C. Vì bị các bạn trong lớp:“chế là mặc áo con gái”, Nam chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.

D. Vì các bạn chưa hiểu về Nam.

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Vì sao đến cuối câu chuyện, Tú thay đổi cách nhìn về Nam?

**Câu 10:** Qua văn bản trên, em hãy rútra bài học có ý nghĩa nhất từ đoạn trích và lí giải vì sao?

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Đời thừa của Nam Cao.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 7**

**Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm trước nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ác liệt nhất. Ở đây, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy.*

(Nguyễn Khải,***Mùa lạc***, Dẫn theo Truyện ngắn Nguyễn Khải, NXB Văn học 2013)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích:

A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Thuyết minh

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của đoạn trích:

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định được

**Câu 3:** Cốt truyện *“Mùa lạc*” thuộc dạng nào?

A. Cốt truyện kì lạ, khác thường. B. Cốt truyện giản dị, đời thường.

C. Cốt truyện trào phúng, hài hước. D. Cốt truyện giàu tính triết lí.

**Câu 4:** Câu văn: “*…ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

A.So sánh. B.Nhân hóa C.Liệt kê D.Ẩn dụ

**Câu 5:** Cụm từ “*con đường cùng*” trong câu văn: “*…ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy*” dùng để chỉ:

A. Chỉ con đường dùng để đi lại, di chuyển cuối cùng ở một thời điểm nhất định

B. Chỉ hoàn cảnh bi đát mà con người gặp phải, có thể là cái chết hoặc những thất bại,..

C. Chỉ nơi con người đặt chân đến mà không thoát ra được.

D. Chỉ sự những lựa chọn sai lầm của con người.

**Câu 6:** Cụm từ in đậm trong câu văn: “***Ở đây****, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng.”* bổ sung cho câu về mặt:

A. Nguyên nhân B. Cách thức C. Không gian D. Thời gian

**Câu 7. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?**

**A.** Miêu tả cuộc sống mới nơi nông Trường Hồm Cúm

B. Ca ngợi tình yêu thương, sự đùm bọc của những người công nhân ở nông trường Hồng Cúm

C.Giới thiệu về nhân vật chị và những sức mạnh của con người trong việc tìm hạnh phúc, tạo sự sống nảy sinh từ những khó khăn và thử thách của cuộc đời.

D. Kể về nhân vật chị sự và sự vươn lên của nhân vật ấy

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:**Theo đoạn trích, ở nông trường Hồng Cúm, người ta thường tặng nhau thứ gì trong buổi lễ cưới?

**Câu 9:** Theo em, chúng ta có nên bước qua các ranh giới trong cuộc sống không? Vì sao?

**Câu 10:** Em hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất từ đoạn trích và lí giải vì sao?

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố.**

**HU HU.**

**ĐỀ SỐ 9**

**Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chõ bánh để giữ hơi và làm cho chõ bánh đậm thêm hương rau khúc.*

(Trích Hương khúc - ***Tôi khóc những cánh đồng rau khúc***, Nguyễn Quang Thiều, in trong Mùi của kí ức, NXB Trẻ, 2017)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Đoạn văn bản sử những dụng phương thức biểu đạt nào?

**A.** Tự sự và thuyết minh. **B.** Tự sự và nghị luận.

**C.** Tự sự và miêu tả. **D.** Tự sự và biểu cảm.

**Câu 2.** Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích?

**A.** Người mẹ. **B.** Bà và mẹ. **C.** Tôi và bà. **D.** Tôi và mẹ.

**Câu 3.** Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

**A.** Ngôi thứ nhất. **B.** Ngôi thứ hai.

**C.** Ngôi thứ ba. **D.** Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

**Câu 4.** Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?

**A.** Rau khúc và bột nếp. **B.** Rau khúc, bột nếp, đậu xanh.

**C.** Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn.

**D.** Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.

**Câu 5.** Tại sao “*Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh*.”?

**A.** Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.

**B.** Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.

**C.** Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh. **D.** Bà dành thời gian thổi đậu xanh.

**Câu 6.**Từ “*thổi”* trong câu văn “*Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân*.” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

**A.** Nấu **B.** Rán **C.** Nướng **D.** Xào

**Câu 7.**Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “*Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.*”?

**A.** Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.

**B.** Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.

**C.** Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.

**D.** Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc.

**Câu 8.**Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?

**A.** Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

**B.** Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

**C.** Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.

**D.** Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**Tình cảm của người cháu dành cho bà?

**Câu 10.**Văn bản trên gợi cho em suy nghĩ gì về nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của dân tộc?

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Tôi đi học của Thanh Tịnh.**

**HU HU.**

**ĐỀ 10**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ, ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như dát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.*

*Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên. Qua khe lá lung lay, chàng thấy trời xanh trong và mát. Mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên xung quanh, Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối tình nảy nở giữa tâm hồn Tân với những người thợ gặt giản dị và mộc mạc chung quanh chàng.*

*[…] Tân nhớ lại tất cả quãng đời niên thiếu của mình đã qua ở tỉnh thành.*

*[…] Cũng như tất cả những nhà giàu khác ở trong làng, cái hy vọng của cha mẹ Tân là cho chàng đi học để trở nên thầy thông hay thầy ký... Mà lúc bấy giờ, chí nguyện của Tân cũng chỉ có thế, chàng hết sức chăm học nên năm mười tám tuổi đã đạt được cái hy vọng của gia đình.*

*Tân mỉm cười khi nghĩ đến cái tâm trạng của mình lúc mới đi làm; nghĩ đến cái anh chàng lúc nào cũng ăn bận chải chuốt như một cô gái, lúc nào cũng nghĩ đến cái quan trọng của mình. Hình như mỗi cử chỉ của thầy ký trẻ tuổi đều có ảnh hưởng đến mọi người.*

*Khi có nạn kinh tế, chàng mất việc. Cái chán nản của Tân và của cha mẹ chàng lúc bấy giờ thực đến cực điểm. Cha chàng buồn rầu từ trần. Còn chàng cứ lang thang ở Hà Nội mấy tháng trời, sống cái đời vất vưởng của anh thất nghiệp. Chàng đã biết cái thất vọng của những lúc đợi chờ, cái khổ sở của những đêm không có chỗ trọ, vì trong lúc ấy ở nhà quê có mình bà mẹ trông nom ruộng nương không xuể, và giá thóc hơn, nên không có tiền gửi cho chàng.*

*Nhưng một hôm rét mướt, một ý nghĩ bỗng nảy ra trong trí, nếu ở đây không đủ sống, tại sao không trở về quê sống cái đời giản dị của người làm ruộng?*

*Thế là hôm sau, Tân xách khăn gói về. Rồi từ đấy chàng hoàn toàn là một người nhà quê dễ dãi. Mới đầu Tân cũng thấy nhiều sự thiếu thốn khổ sở. Nhưng dần dần chàng nghiệm ra rằng những cái thiếu thốn đó, không phải là những cái cần dùng cho cuộc đời, mà là những cái thừa. Sự cần dùng là ăn với mặc, chàng đã có đủ. Dần dần chàng mới thấy cái đời chàng sống trước ở tỉnh thành là một cuộc đời phức tạp và vô vị, không có nghĩa lý gì. Chỉ việc có ăn ở theo mọi người, nghĩ ngợi theo mọi người, và đi tìm cái vui chốc lát trong những cuộc hành lạc để mua lấy cái chán nản về sau.*

*Tân tiếc hồi thủa nhỏ không sống ở thôn quê để được gần gũi với cảnh vật. Chàng thích sống bên cạnh những người nhà quê chất phác và mộc mạc. Bấy giờ chàng mới biết đến trời đất, đến thời tiết, đến sự thay đổi của mùa nọ sang mùa kia. Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng.*

*Tân không dửng dưng như trước với những cái chung quanh mình. Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động cùng với cảnh vật. Chàng có cái cảm giác rằng mình sống...*

*[…]*

*Khi vào đến con đường khuất khúc trong làng, trời nhá nhem tối. Qua hàng rào cây, Tân thấy lấp lánh đèn ở sân các nhà, tiếng néo đập lúa trên cối đá, tiếng hạt thóc bắn vào nia cót như mưa rào. Đâu đâu cũng thấy tiếng cười nói vui vẻ, cảnh đêm trong làng thôn quê vẫn yên lặng âm thầm thì chiều nay hoạt động vô cùng. Mùi lúa thơm vương lại trong các bụi cây hòa lẫn với mùi đầm ấm của phân cỏ, bốc lên khắp cả.*

*Về đến sân nhà, mọi người ăn xong lại bắt đầu làm việc. Đàn bà vừa đập lúa vừa hát, còn bọn thợ hái ngồi quây quần bên chiếc đèn con nói chuyện. Ai cũng cười đùa tự nhiên. Họ đã tận tâm làm việc suốt ngày. Những lượm lúa vàng sẫm đem đến cho họ cái vui của ngày được mùa, cái hình ảnh của sự no ấm trong đời.*

*Tân thấy mình cũng sung sướng như họ, chàng thấy tấm lòng mình rộng rãi ra, tâm hồn thân thiết, và yêu mến với cả mọi người.*

*Sau khi hẹn thưởng cho bọn thợ nồi cơm nếp mới, Tân bước ra ngõ, nhìn xuống dưới đồi. Trên trời, ngàn sao lấp lánh. Gió dưới ruộng đưa lên mùi rạ ướt và hơi sương lạnh. Cả một vùng đêm rộng rãi và bình tĩnh trên cánh đồng yên lặng.*

*Tân chợt thấy ở chân phía trời xa, cái khoảng ánh sáng mờ của tỉnh thành Hà Nội...*

*Chàng sung sướng nghĩ đến những ngày đầy đủ của mình ở chốn thôn quê này. Một cuộc đời mới đương chờ đợi chàng...*

(Trích truyện ngắn ***Những* *ngày mới***, Thạch Lam, Dẫn theo *Tuyển tập Thạch Lam*)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Cốt truyện *“Những* *ngày mới*” thuộc dạng nào?

A. Cốt truyện kì lạ, khác thường. B. Cốt truyện giản dị, đời thường.

C. Cốt truyện trào phúng, hài hước. D. Cốt truyện giàu tính triết lí.

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của truyện

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba. D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

**Câu 3.** Tác giả chọn điểm nhìn

A. Từ nhân vật chính. B. Từ những người gặt thuê.

C. Từ người mẹ. D. Từ một người bạn.

**Câu 4.** Tân đã thay đổi công việc.

A. Từ một thầy thông kí trẻ tuổi thành một người nhà quê dễ dãi.

B. Từ một thầy thông ngôn trẻ tuổi thành một thầy giáo làng.

C. Từ một thầy giáo trẻ tuổi thành một người bán tạp hóa.

D. Từ một cậu sinh viên thành một thầy giáo làng.

**Câu 5.** Khi về quê, nhân vật Tân nghĩ về cuộc sống nơi phố thị

A. Là cuộc sống cao quý, đáng trân trọng. B. Là cuộc sống an nhàn, sung sướng.

C. Là cuộc sống vô vị, nhàm tẻ chỉ ăn ở theo mọi người, nghĩ ngợi theo mọi người.

D. Là cuộc sống tù túng, quẩn quanh.

**Câu 6.** Thái độ của Tân đối với cuộc sống nơi nhà quê

A. Hài lòng, sung sướng, yêu thích, thấy cuộc sống có ý nghĩa.

B. Buồn tẻ, nhàm chán, tù túng, quẩn quanh.

C. Bất mãn, thấy cuộc sống vô nghĩa. D. Hân hoan, phấn khích cao độ.

**Câu 7.** Câu văn: “*Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động cùng với cảnh vật*” cho ta hiểu gì về Tân?

A. Tâm hồn giàu trắc ẩn, yêu thương tha thiết với con người

B. Tâm hồn nồng ấm, tràn đầy tình yêu thương chân thành với thế giới muôn loài

C. Trái tim thiết tha yêu quê hương, đất nước

D. Tâm hồn đa cảm, tinh tế, lắng nghe được âm thanh tạo vật, giao hòa cùng tự nhiên

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Em suy nghĩ như thế nào về cuộc sống thôn quê được miêu tả trong truyện?

**Câu 9.** Nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**Câu 10.** Viết đoạn văn 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự trải nghiệm đối với mỗi người trong cuộc sống.

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.**

**HU HU.**

**ĐỀ 11**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

**Quê mẹ**

**Thanh Tịnh**

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm Hương thơ ở làng Mỹ Lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi Yếu lược không đậu nên anh ta lại thôi. […] Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng - hay nói cho đúng lương năm - của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

Chiều hôm ấy lúc thoáng thấy bóng chồng đi về đến cổng, cô Thảo liền vội vàng ẵm con ra sân để đón. Thấy anh Vận ra dáng mệt nhọc nên cô ta chưa dám hỏi gì hết. Vào tới sân, anh Vận liền đến ngồi trên cái chõng. Cô Thảo để con ngồi một bên chồng rồi đột ngột chỉ cây thanh-trà bên bờ hè nói khẽ:

- Cây thanh trà mới đấy mà đã có trái rồi cậu ạ.

Anh Vận để con ngồi trên chân, rồi cúi đầu xuống nhìn mặt con dịu lời đáp:

- Thế à, cây thanh trà ấy trông dáng khô khan không ngờ lại giống tốt.

Cô Thảo ghé ngồi một bên chồng nói tiếp:

- Cây thanh trà ấy tôi đem từ bên nhà qua đây. Mới hai năm đã có trái ăn được kể cũng nhanh thật.

Anh Vận như sực nhớ một việc gì, nhìn vợ hỏi vội:

- Tôi nhớ ra rồi. Hôm ấy là ngày giỗ ông bên mợ. Mợ về làng ăn giỗ rồi đem cây thanh trà ấy qua cho tôi. Tôi cũng quên lúc ấy mợ đã có thằng Lụn chưa?

- Rồi, nhưng nó mới được ba tháng.

- Mà tôi quên giỗ ông nhằm ngày mấy?

Cô Thảo nhìn chồng mỉm cười:

- Được vài ông rể quý như cậu thì ngày giỗ của nhà tôi cũng không khỏi hương tàn bàn lạnh. Giỗ ông nhằm một ngày dễ nhớ nhất mà cậu cũng quên.

[…]

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sắm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia cô từng qua lại làng Mỹ Lý ngày một để bán gạo, nhưng sau lúc cô ra lấy chồng thì quê nhà đối với cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nắp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong trí cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho là thân nhất.

Đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng bằng như nhau hết. Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Qua khỏi đầu làng Duyên Hải thì cô Thảo gặp cô Đài, người bạn cùng làng thường chơi với cô ngày trước. Cô Thảo nhờ cô bạn gánh hộ buồng chuối mật và mấy gói bánh mua bên chợ Kỳ Lâm. Cô Đài vui vẻ nhận lời ngay. Vào quán nước ở gần đấy nghỉ một chốc, hai cô lại cùng nhau lên đường chuyện trò không ngớt.

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đằng xa đã kêu réo om sòm như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm cô chuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có khá hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quấn quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết.

[…]

Sung sướng nhất là cô con gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều, mãi đến lúc gần cúng cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lễ thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói:

- Con phải lễ thế phần chồng con nữa. Nó làm gì bên ấy mà không qua.

Cô Thảo sau khi thụt lùi ra khỏi chiếu, mới khẽ đáp:

- Dạ, nhà con mắc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đấy trề môi nói tiếp:

- Thứ đồ làm Hương thơ mỗi năm ăn ba mẫu ruộng mà cũng gọi là việc quan.

Ai nấy đều nghe thấy nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy cô lại gặp cặp mắt của mẹ đang nhìn cô chòng chọc. Cô đau lòng quá đến để hai dòng lệ chảy dài trên má.

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp quần áo ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tăm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn.

Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vơ vẩn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

(Trích Tuyển tập truyện ngắn, NXB Thuận Hóa, 2006)

**I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào đáp án đúng**

**Câu 1: Nội dung chính của truyện “Quê mẹ” là gì?**

**A. Miêu tả cảnh vật và con người làng quê nơi cô Thảo sinh ra.**

**B. Bộc lộ nỗi nhớ quê hương và tình yêu gia đình của cô Thảo.**

**C. Kể chuyện gia đình cô Thảo và tâm trạng khi cô về thăm quê ngoại.**

**D. Kể chuyện cô Thảo về quê làm giỗ cho ông bà ngoại.**

**Câu 2. Cốt truyện “Quê mẹ” thuộc dạng nào?**

**A. Cốt truyện kỳ lạ, khác thường. B. Cốt truyện giản dị, đời thường**

**C. Cốt chuyện trào phúng, hài hước D. Cốt truyện giàu tính triết lí**

**Câu 3:Nhân vật cô Thảokhông được khắc họa ở khía cạnh nào?**

**A. Hành động B. Lời nói C. Suy nghĩ D. Ngoại hình**

**Câu 4: Những chi tiết sau cho thấy điều gì ở nhân vật cô Thảo?**

**- Mấy cậu em đua nhau ra níu áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt.**

**- Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt.**

**A.Cô Thảo là người nhạy cảm, dễ xúc động.**

**B.Cô Thảo rất yêu thương cha mẹ và quý mến các em.**

**C.Cô Thảo rất quan tâm đến việc dạy bảo các em.**

**D.Cô Thảo luôn nghĩ đến việc chăm sóc bố mẹ già.**

**Câu 5: Câu văn nào thể hiện rõ nhất nỗinhớ nhung và sự trăn trở về gia đình của cô Thảo?**

**A.**Qua những con đường mòn chạy nắp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước.

**B.**Cô muốn đi đò cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

**C.**Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn.

**D.**Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vơ vẩn nhìn về làng Quận Lão.

**Câu 6:** Câu văn nào sau đây có chứa trợ từ?

A.Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

**B.**Dạ, nhà con mắc việc quan.

C. Thế à, cây thanh trà ấy trông dáng khô khan không ngờ lại giống tốt.

**D.** Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tăm cả mày mặt.

**Câu 7: Vì sao sau khi nghe lời nói của cô Khuê,c**ô Thảo “gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp”.

**A. Vì cô cảm thấy tức giận cô Khuê và buồn bã vô cùng.**

**B. Vì cô cảm thấy rất ngượng ngùng, xấu hổ và tủi thân.**

**C. Vì cô cảm thấy rất xúc động vì được cả nhà quan tâm, hỏi han.**

**D. Vì cô cảm thấy vui mừng vì được về nhà ngoại ăn giỗ.**

**Câu 8: Theo em, truyện “Quê mẹ” có ý nghĩa gì?**

**A. Thể hiện tình yêu quê hương, gia đình, làng xóm của cô gái đi lấy chồng xa.**

**B. Ca ngợi tình cảm gia đình, tình thương bạn bè và tình nghĩa làng xóm.**

**C.Thể hiện nỗi cảm thương sâu sắc cho tâm sự của người con gái lấy chồng nghèo.**

**D. Bộc lộ sự cay đắng, chua chát trong lòng người con gái khi về thăm quê mẹ.**

**B. Tự luận**

**Câu 1:Tóm tắt nội dung chính của văn bản Quê mẹ trong khoảng 7 đến 10 dòng.**

**Câu 2:Theo em, nhân vật cô Thảo là người như thế nào? Hãy phân tích một vài chi tiết để thấy rõ phẩm chất nhân vật này.**

**Câu 3:Có người cho rằng “Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những nỗi niềm cảm thương cho tâm sự của người con gái đi lấy chồng nghèo”? Em nghĩ như thế nào về ý kiến trên?**

**Câu 4:Văn bản gợi cho em suy nghĩ như thế nào về tình cảm của người con dành cho gia đình? Hãy trình bày thành đoạn văn (6-8 dòng) có sử dụng ít nhất 01 thán từ.**

**Phần 2: Làm văn : Phân tích truyện ngắn Trẻ con không được ăn thịt chó của Nam Cao.**

**ĐỀ 12 :**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

**NGÔI NHÀ NHỎ BÊN HỒ**

(Phạm Duy Nghĩa)

Mùa thu năm ấy, hoạ sĩ Viễn rời thành phố về sống tại ngôi nhà cũ kĩ ở vùng hồ.Trước nhà là triền cỏ thoai thoải màu đỏ hung, phía sau là rừng bổđề bát ngát.

Không khí ở đây thật dễ chịu.

Buổi trưa Viễn thường hóng mát trên chiếcvõng mắc đầu thềm. Cạnh đó có một lùm nhót to khoe mặt trái lá nhấp nhánhnhư bạc, dệt bao nhiêu là hoa nắng trên mặt đất. Rì rào trong nắng thu xanhdịu, nó tự hào rằng nếu không cho đời bao trái chín đỏ, bà cụ chủ nhà hayquên lẫn không biết nơi đây từng có một mùa hè.

Vào buổi chiều, nếu trời nắng, đứng trên rừng bồ đề nhìn ra dãy đồi mờxanh phía trước sẽ thấy một vệt sáng như ánh thép loé lên từ lưỡi dao sắcmỏng. Đó là hồ Thác Xanh.

- Hôm nào chú theo cháu ra hồ cất tôm nhé - Nhi nói.

Từ ngôi nhà anh ở, muốn ra hồ phải đi theo lối mòn trên đồi cỏ trải dàiphía trước. Có buổi chiều tà se lạnh, sương mù màu xanh lam rất mỏng từ hồtoả lên đồi. Những thân bạch đàn mảnh dẻ trắng xanh như tấm thân ngườiphụ nữ vừa ốm dậy, thì thầm thả xuống màn sương chiếc lá úa màu đỏ tía cólẽ đó là cách tỏ tình âu yếm nhất của chúng đối với mùa thu.

“Mọi vật đều có linh hồn” - Viễn thầm nghĩ. “Cái khó là làm sao lôi đượcchúng ra, để cái ánh trăng mơ hồ ấy bàng bạc trên nền vải”. Anh thườngđứng rất lâu ở đó, nghe tiếng vỗ rì rào ấm áp. Không phải của sóng, của gió,mà của tâm hồn.

Anh quen cô bé Nhi vào một buổi chiều. Hôm ấy đang dạo chơi trongrừng bồ đề, anh bắt gặp một cô bé khá xinh xắn. Đứng ôm một cây bồ đề lớn,tai áp vào vỏ cây, nó ngước nhìn lên vòm lá bồi hồi lấp lánh nắng. Cô bé trạctuổi mười lăm, nom có vẻ nghịch ngợm, mặc chiếc áo lính tuột khuy đã bạcsờn. Cạnh chân là bó củi bồ đề khô.

- Cháu đang nghe gì thế? - Anh cất giọng dịu dàng.

Gió thổi mạnh. Cả khu rừng ào ào như sóng biển. Những vệt nắng nhảymúa trên vai và tóc cô bé, trông như những đồng xu bạc sáng màu.

- Chú nghe thấy gì không? Nó đang khóc đấy - Cô bé thì thầm – Khôngbiết ai chém nó thế.

Trên thân cây bồ đề có vết chặtvết chặt nham nhở bằng bàn tay, trong kẽ đọngmột cục nhựa màu hổ phách thơm ngọt ngào, lóng lánh. Anh gỡ nó ra, giúivào những ngón tay thon rám nắng của cô bé. Nó nhìn người đàn ông lạ mặtmặc áo kẻ ca rôrô đỏ, trìu mến phủi bụi bám trên quần anh: “Quần chú lấm hếtrồi”. Rồi xốc bó củi lên vai và bỏ đi. Được một quãng, cô bé ngoảnh lại nói to:

- Nhà cháu ở bên hồ.

Viễn mỉm cười, nhìn theo cái bóng bé nhỏ khuất dần dưới chân đồi.

[…]

Một buổi trưa, Viễn ngôi vẽ trong những tiếng chí chát như có muôn ngón tay vô hình gõ lên chiếc máy chữ khổng lồ. Mọi nhà quanh vùng bămnứa, dẹ và giang bán cho nhà máy giấy. Ngoài sân, bà cụ chủ nhà đang nóichuyện với người nào đó. Viễn buông bút, bước ra cửa. Nắng loang vàng trênsân. Cô bé anh gặp trong rừng hôm trước đang ngồi băm nứa. Mấy sợi tócmàu lửa dính bết trên bầu má đẫm mồ hôi của nó. Vụn nứa tươi bắn tung lênlấp lánh như những tia nắng rộn ràng.

[…]

- Con bé tốt đáo để - Bà cụ cười, nói với Viễn - Chả phải con cháu gìmà cứ rảnh là lên đây giúp bà. Nó học giỏi nhất vùng này đấy, nhưng bướngbinh ghê lắm.

[…]

Một buổi chiều, cô bé Nhi đến rủ Viễn ra hồ. Mùa thu trải dọc ven hồ nhưmột tấm khăn san sặc sỡ. Hơi thu hiu hắt trong sắc cỏ đỏ hung, trong lác đáclá khô đúc bằng vàng nguyên chất. Mênh mông bạch đàn uốn rạp thân mềm, thê thiết ru mình trong gió xanh.

Giữa núi đồi thăm thẳm tứ bề, hồ ThácXanh như một tiếng thở dài trầmtư từ vách đá. Hồ xanh biếc một nỗi buồn, ẩn giấu trong lòng bí mật ngànnăm. Xa xa một chiếc tàu sơn trắng chạy băng băng, vẽ ra dải bọt trắng tinhnhư vệt tuyết.

Hai người men theo dải đất nâu đỏ ven đồi. Gió khua trong lau lách nhữngtiếng reo lộng khô khan. Nhi vác chổng vó tôm, để lại trên đất những vết chânmịn màng thiếu nữ. Đến một quãng vắng vẻ khuất gió, Nhi bắt đầu thả vó.Những càng vó khum khum nở xoè trên mặt nước. Khoảng hồ vừa tắt nắng,nước lặng lờ thẳm xanh, nhưng dải đồi bên kia vẫn rực lên như được mạ vàng.Một anh đi cắm rọ tôm chèo thuyền ngang qua, vui vẻ kêu to: “Chào em Nhi,nàng tiên cá!”. Nhi cười: “Kính chào anh, hoàng tử cóc của đầm lầy!”

Viễn thấy vui vui. Hình như ai cũng mến cô bé. Anh hỏi:

- Ở nhà cháu được bố mẹ chiều lắm nhỉ?

- Bố cháu là sĩ quan ở trong Nam, cả năm mới về một lần, có năm cũngchả về. Mẹ thì chẳng bao giờ nói chuyện với cháu, mà cháu cũng ít ở nhà. Mùađông cháu theo đám bạn đi hớt tôm riu, hái quả chè, mùa hè vào rừng bócmăng nứa, có dạo ra công ty Thuỷ sản cất nước mắm về cho mẹ bán. Cháu cònthích ra đảo xa, thật xa chặt củi nữa cơ!

Nhi dùng cần vớt từng chiếc vó, khéo léo hắt tôm vào rổ. Viễn thả hồntrên trang sổ kí hoạ.

Anh muốn để cuộc sống tươi rói, giãy đạp trên từng nétvẽ. Bắt một khoảnh khắc phải dừng lại trong nhiều năm,khátvọngmuôn đời của hoạ sĩ. [...]

*(Lược một đoạn:Viễn đến thăm nhà cô bé Nhi. Anh ngạc nhiên khibiết cuộc sống vất vả của Nhi nhưng cô bé lại có một tình yêu đặc biệt vớivăn chương và đã đọc rất nhiều sách)*

Căn nhà nhỏ chìm trong không khí tĩnh mịch của đêm thu. Đã khuya,mẹ Nhi vẫn chưa về. Rì rầm ngoài kia, tiếng sóng hồ trầm đục xô vào bãi.Ánh sáng từ mặt hồ lan toả vào đêm, làm cho bóng đêm trở nên trong suốtdịu dàng. Xa xa có tiếng ù ù từ rừng bồ đề đưa lại. Hình như khu rừng rụnglá suốt đêm.

Nước mắt Viễn ứa ra. Anh hiểu vì sao mình khóc. Anh hỏi Nhi, giọngkhàn hẳn:

- Chú thấy cháu vất vả bận bịu thế, thời gian đâu mà đọc sách?

- Cháu đọc từ hồi bé. Ngày ấy bố cháu còn công tác ở ngoài này, chiềucháu lắm. Bố cháu bảo: “Hãy đọc sách đi, nếu con muốn trở thành người tốt. Sở dĩ có những đứa đê tiện, chật hẹp, nhỏ nhen vì chúng không được đọcnhiều từ bé. Đọc ngấm rồi, lớn lên dù muốn cũng không sống ác được đâu”.

Mấy ngày sau, Viễn trở về thành phố. Buổi sáng hôm anh đi, tiết trời selạnh, sương trắng nhờ nhợ trên hồ. Anh không gặp được Nhi. Cô bé phảiđi học.

Ngồi trên tàu thuỷ, Viễn mở chiếc phong bì hôm trước cô bé tặng anh.Giữa mảnh giấy gấp đôi chỉ có chiếc lá bạch đàn đỏ úa.

[…]

Viễn thêm nhớ ngôi nhà nhỏ nhiều sách tại vùng hổ nắng gió nơi anhđã sống những ngày ngắn ngủi vào cuối thu, và nhớ cô bé đáng yêu có cái bĩumôi xinh xắn ấy. Đôi lúc Viễn băn khoăn tự hỏi: “Không biết cuộc đời nó sẽ ra sao?”

Có một điều anh biết rõ rằng, chính từ khu vườn đầy hương thơm của vănhọc, cái tâm hồn bé bỏng ấy đã vỗ đôi cánh ngập ngừng, trong suốt, để rồi baymãi vào bầu trời xa thẳm.

(Phạm Duy Nghĩa, Tiếng gọi lưng chừng dốc, NXB Văn học, 2002, tr.145 -166)

**Câu 1.** Hoạ sĩ Viễn đến từ đâu và gặp cô bé Nhi trong bối cảnh nào?

**Câu 2.** Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Đó là người kể chuyện ở

ngôi thứ mấy?

**Câu 3.**Ngôi nhà nhỏ bên hồ kể về câu chuyện gì? Qua nội dung câu chuyện kể, nhàvăn bày tỏ tình cảm như thế nào đối với nhân vật Nhi.

**Câu 4.***“Có một điều anh biết rõ rằng, chính từ khu vườn đầy hương thơm của vănhọc, cái tâm hồn bé bỏng ấy đã vỗ đôi cánh ngập ngừng, trong suốt, để rồibay mãi vào bầu trời xa thẳm”.*Hãy cho biết cách hiểu của em về nội dung câu văn trên.

**Câu 5.Thử tưởng tượng khi trưởng thành, em có muốn có một ngôi nhà nhỏ bên hồ với nhiều cây xanh không? Vì sao? (Trình bày thành đoạn văn 6-8 dòng có sử dụng ít nhất 01 trợ từ, 01 thán từ)**

*Ngày soạn:28/1/2024*

**Tiết 85,86,87,88**

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**( MỜI TRẦU, CẢNH KHUYA)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của thơ Đường luật (thể thơ, bố cục, đề tài, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ Đường luật trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**1. Mục tiêu:** Củng cố tri thức nền của thơ Đường luật đặc biệt là thể thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối); phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thế hiện qua VB.

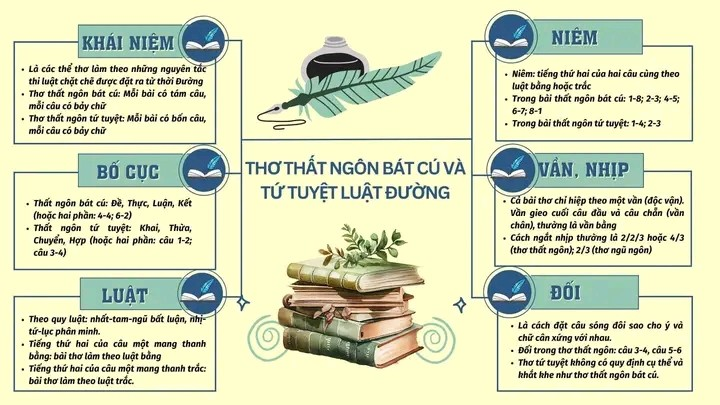
**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát bản nội dung tri thức** về thơ Đường cho hs đọc thầm trong 5 phút.  **- GV phát phiếu học tập:**  *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về thơ Đường luật qua việc điền các thông tin vào bảng thống kê sau.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Nguồn gốc*** |  | | ***Thể loại chính*** |  | | ***Quy tắc*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  GV dùng hình ảnh dưới để chốt. | **I. TRI THỨC NỀN VỀ THƠ ĐƯỜNG LUẬT CẦN GHI NHỚ**  **1.*Thơ Đường luật hay thơ luật Đường*** là thuật ngữ chỉ các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật). Vì được định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc) từ năm 618 đến năm 907 nên được gọi là thơ Đường luật. Thơ Đường luật phát triển hết sức mạnh mẽ tại quê hương của nó và nhanh chóng ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trong khu vực.  ***Thơ Đường luật*** có hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật.  ***Bài thơ Đường luật*** có hệ thống quy tắc phức tạp thể hiện ở 5 điều sau: luật, niêm, đối, vần và bố cục.  + Niêm nghĩa là dán cho dính lại. Niêm trong thơ hiểu là quy tắc sắp xếp các câu thơ trong bài dính lại với nhau về âm điệu. Các câu trong thơ Đường luật giống nhau về luật thì được gọi là những câu niêm với nhau.  Trong bài thất ngôn bát cú thì nguyên tắc niêm như sau:  Câu 1-8  Câu 2-3  Câu 4-5  Câu 6-7  + Luật thơ Đường căn cứ vào các quy định chặt chẽ về thanh trắc và thanh bằng. Thanh bằng bao gồm những *chữ không dấu hoặc thanh huyền*, thanh trắc bao gồm các dấu còn lại: *hỏi, sắc, ngã, nặng.*  *Những bài thơ thuộc loại luật bằng là những bài sử dụng thanh bằng ở chữ thứ 2 trong câu đầu tiên; ngược lại nếu chữ thứ 2 ở câu đầu mà sử dụng thanh trắc thì được gọi là thơ luật trắc. Chữ thứ 2 và chữ thứ 6 trong cùng 1 câu phải giống nhau về thanh điệu và đồng thời chữ thứ tư không được có thanh điệu giống 2 chữ kia. Để dễ nhớ người ta quy ước:*  Nhất tam ngũ bất luận  Nhị tứ lục phân minh  *( Chữ thứ 1,3,5 không cần theo luật; chữ thứ 2,4,6 phải theo luật đối âm) Nếu một câu không làm theo quy định thì bị coi là thất luật.*  *+* Thơ Đường luật đặt ra yêu cầu đối chủ yếu ở câu 3-4;5-6 đối với thể thất ngôn bát cú.( Đối thanh, đối cảnh, đối ý, đối từ loại)  ***Ngôn ngữ thơ Đường luật*** rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình.  ***Bố cục bài thơ Đường luật:***  \*Thơ thất ngôn bát cú chia làm 4 phần, mỗi phần 2 câu: (Đề, thực, luận, kết)  \*Thơ tứ tuyệt chia làm 4 phần, mỗi phần câu: (Khai, thừa, chuyển, hợp) |



**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA**

**VĂN BẢN THU ĐIẾU ( MÙA THU CÂU CÁ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lệnh: Chép thuộc lòng bài thơ Thu điếu vào vở.**  **Câu hỏi:**   1. *Xác định thể thơ?* 2. *Bài Thu điếu viết bằng chữ Hán hay Nôm?* 3. *Trình bày luật đối thanh, cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ.* 4. *Bài thơ làm theo luật bằng hay trắc?* 5. *Em có nhận xét gì về cách gieo vần trong 2 câu đầu?* 6. *Hãy chỉ ra tác dụng của nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu 3-4.*   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II.NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA VĂN BẢN THU ĐIẾU ( MÙA THU CÂU CÁ)**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật (8 câu, mỗi câu 7 chữ)  - Chữ: Nôm  - Luật đối thanh trong bài thơ:  "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  B B T T T B B  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  T T B B T T B  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  T T B B B T T  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  T B T T T B B  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  B B B T B B T  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  T T B B T T B  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  T T B B B T T  Cá đâu đớp động dưới chân bèo"  T B T T T B B   * *Đối giữa câu 3-4; câu 5-6* * Bài thơ viết theo luật bằng (chữ thứ 2 trong câu đầu sử dụng thanh bằng ) * Gieo vần “eo” ở tiếng cuối của các câu 1,2,4,6,8. * Ngắt nhịp 4/3   \* Cách gieo vần trong 2 câu đề: Có 4 tiếng gieo vần “eo”: lạnh lẽo, trong veo, tẻo teo -> Tác dụng: miêu tả không khí lạnh lẽo và không gian nhỏ hẹp tất đặc trưng của ao chuôm vùng chiêm chũng Bắc Bộ. Hai từ có vần eo được đặt trong 1 câu thơ khiến cho cảm giác về cái lạnh và sự ngưng đọng của không gian tĩnh lặng càng trở nên tuyệt đối.  \* Nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu thực: Tả cái động của sóng “ hơi gợn tí” và sự chuyển động của lá “ sẽ đưa vèo” càng khắc họa rõ nét hơn cái tĩnh lặng của mùa thu làng quê Việt Nam xưa. Không gian có tĩnh lặng thì người nghe mới có thể nghe thấy những âm thanh rất nhỏ, rất khẽ ấy. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về thơ Đường luật (thể thơ, cấu trúc, niêm, luật, đối, ngôn từ....); cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản thơ Đường luật cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **BÀI TẬP SỐ 1** Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi: *"*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  Cá đâu đớp động dưới chân bèo*"*  **Câu 1:** Bài thơ Thu điếu được viết bằng chữ gì?  A. Chữ Hán.  B. Chữ Nôm.  C. Chữ Quốc ngữ.  D. Chữ viết khác.  **Câu 2:** Thu điếu được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt.  B. Thất ngôn bát cú.  C. Thất ngôn trường thiên.  D. Thất ngôn.  **Câu 3:** Cái gì không được miêu tả trong sáu câu thơ đầu bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Bầu trời.  B. Tầng mây.  C. Mặt nước ao.  D. Âm thanh.  **Câu 4:** "Vắng teo" trong câu thơ "Ngõ trúc quanh co khách vắng teo" (Câu cá mùa thu - Nguyễn Khuyến) nghĩa là:  A. Rất vắng, không có hoạt động của con người.  B. Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.  C. Vắng vẻ và thưa thớt.  D. Vắng vẻ và lặng lẽ.  **Câu 5:** Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong hai câu cuối bài thơ *Thu điếu?*  A. Tả cảnh ngụ tình.  B. Tăng tiến.  C. Lấy động tả tĩnh.  D. Hình ảnh ước lệ, tượng trưng.  **Câu 6:** Ý nào không có trong chủ đề của bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Nỗi niềm u hoài của nhân vật trữ tình - tác giả.  B. Tâm hồn thanh cao của tác giả.  C. Vẻ đẹp u tĩnh của cảnh vật mùa thu.  D. Những trăn trở của tác giả trong một lần đi câu cá.  **Câu 7:** Nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?  A. Cảnh thu được đón nhận từ cao, xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.  B. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa rồi lại từ cao, xa trở lại gần.  C. Cảnh thu được đón nhận theo trình tự thời gian.  D. Cảnh thu được đón nhận từ không gian rộng đến không gian hẹp.  **Câu 8:** Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ là:  A. Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.  B. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại.  C. Bài thơ cũng cho tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến: Ông bỏ lại  lối sống mưu cầu danh lợi để trở về quê sống thanh nhàn, ẩn dật.  D. Tất cả đều đúng.  **Câu 9:** Tâm trạng tác giả được thể hiện như thế nào qua hai câu thơ cuối?  A. Tác giả thấy buồn vì ngồi lâu mà không câu được cá.  B. Không gian tĩnh lặng khiến ta cảm nhận nỗi cô đơn man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.  C. Đất nước đang bị thực dân xâm lược, lòng ông không thể ung dung đi câu cá như một ẩn sĩ thực thụ.  D. Cả B và C đều đúng.  **Câu 10:** Tác dụng của cách gieo vần “eo”:  A. Góp phần diễn tả không gian bao la, rộng lớn.  B. Góp phần diễn tả không gian gần gũi.  C. Góp phần diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng uẩn khúc của thi nhân.  D. Không có đáp án nào đúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi trong phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Động viên, khích lệ các hs có nhiều câu trả lời đúng.**  **BÀI TẬP 2:** Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi: “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,  Cá đâu đớp động dưới chân bèo.”  (*Câu cá mùa thu*, Nguyễn Khuyến)  **Câu 1:** Bài thơ “Câu cá mùa thu” thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao?  **Câu 2:**  Bài thơ “Câu cá mùa thu” được viết trong ngữ cảnh nào?  **Câu 3:** Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?  **Câu 4:** Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?  **Câu 5:** Nghệ thuật của “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc?  **Câu 6:** Lập dàn bài cho đề văn:  Phân tích bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **Đáp án phiếu bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | **1** | **B** | | **2** | **B** | | **3** | **D** | | **4** | **A** | | **5** | **C** | | **6** | **D** | | **7** | **B** | | **8** | **D** | | **9** | **D** | | **10** | **C** |   **Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 2:**  **Câu 1:** Bài thơ có nhan đề “Câu cá mùa thu” nhưng không chú ý vào việc câu cá mà chú ý đến cảnh thu: những biến đổi tinh tế của cảnh vật, để rồi từ đó thể hiện nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong lòng nhà thơ.  **Câu 2:** Bài thơ được viết trong thời gian sau khi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.  **Câu 3:**Cách gieo vần “eo” độc đáo, kết hợp với những từ ngữ tăng tiến gợi lên bức tranh thu rất thơ mộng rất đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ: không khí trong lành, thoáng mát yên tĩnh, vắng vẻ, đẹp nhưng buồn. Bên cạnh đó còn thấy được tình thu ẩn hiện: mội nỗi đau đời của nhân vật trữ tình.  **Câu 4:** Qua bài thơ ta thấy Nguyễn Khuyến là người vô cùng yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, một con người yêu nước thầm kín- tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc.  **Câu 5:**Ngôn ngữ giản dị, trong sáng biểu hiện thần thái của sự vật       - Cách gieo vần độc đáo.        - Hình ảnh dân dã, quen thuộc nhưng giàu sức biểu cảm.  **Câu 6: Lập dàn ý cho đề văn**  **( tham khảo dàn ý bên dưới)** |

**DÀN BÀI GỢI Ý**

|  |
| --- |
| **1, Mở bài**  - Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến, chùm thơ thu 3 bài của ông, bài thơ *Câu cá mùa thu.*   - Khái quát nội dung bài thơ.    - Trích dẫn bài thơ  **2, Thân bài**  **a. Khái quát đầu**  - Mùa thu là đề tài quen thuộc của thi ca. Thơ viết về mùa thu của văn học Trung đại Việt Nam thường miêu tả cảnh đẹp vắng vẻ, úa tàn và u buồn. Cảnh thu được ghi lại một cách ước lệ tượng trưng với những nét chấm phá, chớp lấy cái hồn của tạo vật. Thu điếu của Nguyễn Khuyến cũng mang nét đặc trưng của thi pháp ấy .  - Nhưng Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của làng quê Việt Nam. Gần suốt đời mình , ông gắn bó với thôn quê , hòa hợp và thấu hiểu mảnh đất quê nhà. Thế nên, cảnh vật làng quê trong thơ ông hiện lên rất chân thực, giản dị, tinh tế. Đọc *Thu điếu* , ta bắt gặp một bức tranh thu đặc trưng của vùng chiêm trũng Bắc Bộ, quê hương của nhà thơ. Đấy chính là nét mới mẻ của tác phẩm so với thi pháp truyền thống của văn học Trung đại Việt Nam.  - *Thu điếu* viết bằng chữ Nôm, làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Cảnh thu được miêu tả trong hầu hết 8 câu thơ, hình ảnh con người chỉ xuất hiện trực tiếp ở hai câu cuối bài. Cảnh trong bài vẫn là trời, nước, gió,trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.  **b. Phân tích**  Mục tiêu: Phân tích bài thơ để thấy bức tranh mùa thu tiêu biểu cho vùng quê Bắc Bộ.   - 6 câu đầu: là một bức tranh thu có màu sắc, đường nét, dáng hình: ao thu, nước, thuyền câu, sóng biếc, lá vàng, tầng mây, trời xanh ngắt, ngõ trúc.  → Bức tranh buồn, đẹp, tĩnh lặng, thanh bình, yên ả; nét đặc trưng của mùa thu là bầu trời và chiếc lá vàng ( Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao; Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt); ngõ trúc là đặc trưng quê hương Hà Nam.  → Tâm hồn nhạy cảm, tài năng quan sát thâu cảnh vật vào tâm hồn; từ ngữ gợi cảm, tượng hình, từ láy; nghệ thuật đối câu 3,4, vần *eo* tài tình.  → Lòng yêu thiên nhiên, hòa mình thiên nhiên, cảnh vật, gắn bó cuộc sống làng quê.   - Nhận xét của Xuân Diệu: *cái thú vị của bài* Thu điếu *là ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi.*   - Hai câu cuối: người đi câu cá tư thế bất động chợt giật mình trở về thực tại; tâm sự thầm kín nặng trĩu suy tư về quê hương đất nước, về trách nhiệm của bản thân đối với quê hương đất nước, một nhân cách lớn; lòng đau đớn trước cảnh mất nước, nhà tan; lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha.  **c. Khái quát cuối**  **- Nghệ thuật**  - Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.  - Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.  **- Ý nghĩa bài thơ**  Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.  - Liên hệ bản thân: thêm yêu mùa thu quê hương, yêu thêm xóm thôn đồng nội, đất nước.  **3. Kết bài**  - Khái quát lại những nét đặc sắc về cảnh thu và tình thu trong tác phẩm.  - Đánh giá Nguyễn Khuyến là nhà thơ kiệt xuất đã chiếm một vị trí vẻ vang trong nền thơ ca cổ điển Việt Nam. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

## Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi dưới đây:

*Năm gian nhà cỏ thấp le te,*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.*

*Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*

*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

*Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.*

*Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.*

*Độ năm ba chén đã say nhè.*

*(Thu ẩm - Uống rượu mùa thu – Nguyễn Khuyến)*

**Câu 1. Đề tài của bài thơ có nét tương đồng với đề tài của bài thơ nào sau đây:**

A. Tự tình (bài 2) – Hồ Xuân Hương

**B. Thu điếu (Câu cá mùa thu) – Nguyễn Khuyến**

C. Thuật hoài (Tỏ lòng) – Phạm Ngũ Lão

D. Bạn đến chơi nhà – Nguyễn Khuyến

**Câu 2. Những hình ảnh nào đồng thời xuất hiện cả trong bài thơ Thu ẩm và Thu điếu?**

A. Ngõ, ao, khói;

B. Nhà, ao, trăng;

**C. Ao, trời, ngõ;**

D. Thuyền, khói, mây.

**Câu 3. Những câu thơ nào miêu tả hành động của nhà thơ được gợi lên trong nhan đề?**

A. Hai câu đề;

B. Hai câu thực;

C. Hai câu luận;

**D. Hai câu kết;**

**Câu 4. Tâm trạng của Nguyễn Khuyến được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nào?**

**A. Hình ảnh “đôi mắt”;**

B. Hình ảnh “đêm sâu”;

C. Hình ảnh “khói nhạt”;

D. Hình ảnh “rượu”.

**Câu 5. Về thi pháp, hình ảnh trong hai câu thơ của Nguyễn Khuyến: “Năm gian nhà cỏ thấp le te – Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè” so với hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du: “Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san” có điểm gì khác biệt?**

**A. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du mang tính ước lệ, còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến không có ước lệ tượng trưng mà gần gũi, quen thuộc.**

B. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du đơn điệu, chỉ có rừng phong, còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến sinh động, phong phú hơn.

C. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du mang gam màu nóng, sáng còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến có gam màu lạnh, tối.

D. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du đặt trong thời gian ban ngày còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến đặt trong thời điểm ban đêm.

**Câu 6. Qua sự miêu tả của Nguyễn Khuyến, hình ảnh làng quê trong Thu ẩm hiện lên như thế nào?**

A. Kì vĩ, tráng lệ;

**B. Thanh bình, yên ả;**

C. Nghèo đói, xác xơ;

D. Tiêu điều, hiu hắt.

**Câu 7. Hình ảnh đôi mắt của Nguyễn Khuyến biểu đạt điều gì?**

A. Sự thờ ơ không chú tâm vào việc uống rượu;

**B. Nỗi buồn ngưng đọng thành nước mắt;**

C. Sự mệt mỏi, đau yếu của tuổi già;

D. Sự tác động của men rượu.

**Câu 8. Nhận xét bức tranh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài thơ.**

**Lời giải:**

Bức tranh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài thơ: Cảnh vừa mang nét chân thực, gần gũi của thiên nhiên, đất trời khi vào thu, vừa đẹp một vẻ đẹp huyền ảo, lung linh, mang đậm hồn thu đặc trưng của nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ; chứa đựng những nét chung của làng quê Việt Nam.

**Câu 9. “Tả cảnh ngụ tình” là bút pháp quen thuộc của thơ trung đại, được thể hiện như thế nào trong bài thơ?**

**Lời giải:**

“Tả cảnh ngụ tình” là bút pháp quen thuộc của thơ trung đại, được thể hiện trong bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh thu nhưng qua bức tranh phong cảnh ta nhận thấy tâm trạng u buồn của thi nhân. Cái buồn gợi lên từ thời điểm đặc biệt: Ban đêm, từ không gian u tối tĩnh mịch với ngõ tối đêm sâu, chỉ có đóm lập lòe. Cái buồn gợi lên từ màu khói nhạt phất phơ, làn ao trăng lóng lánh – cảnh nhòe mờ như nhìn qua làn nước mắt.. Đôi mắt “đỏ hoe” trong câu thơ thứ 7 thể hiện rõ nhất “tình” của người ngắm cảnh: Nỗi buồn trước thời cuộc, nỗi buồn vì cảm giác bất lực đã trào dâng thành nước mắt rưng rưng.

**ĐỀ SỐ 2:**

## Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi dưới đây:

*Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

*Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không, ngỗng nước nào?*

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

***(Thu vịnh – Nguyễn Khuyến)***

**Câu 1. Xác định 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ.**

**Đáp án:**

02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ:

– Miêu tả: cảnh bầu trời, mặt nước, bóng trăng, hoa, tiếng ngỗng.

– Biểu cảm: cảm xúc buồn, day dứt của Nguyễn Khuyến.

**Câu 2. Tìm trong bài thơ những hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Những hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong bài thơ: Trời thu xanh ngắt, cần trúc lơ phơ, gió hắt hiu, nước biếc, bóng trăng, hoa, tiếng (ngỗng).

Nhận xét về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ: bức tranh thiên nhiên trong Thu vịnh là một bức tranh đẹp, cảnh vật hiện lên trong trẻo, sống động, màu sắc, âm thanh hài hòa, thanh sơ, dịu nhẹ. Tuy nhiên, đó cũng là một bức tranh buồn bởi cảnh đẹp mà tĩnh lặng, cảnh đẹp mà lòng người nhiều suy tư.

**Câu 3. Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ sau, nêu tác dụng:**

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Đáp án:**

**Hai câu thơ:**

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

Sử dụng biện pháp nghệ thuật:

– So sánh: nước biếc như tầng khói phủ;

– Đối: nước biếc >< song thưa; tầng khói phủ >< bóng trăng vào;

**Tác dụng:** các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ trên góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên đẹp huyền ảo, thơ mộng; Đồng thời tăng tính gợi hình, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho lời thơ.

**Câu 4. Xác định đề tài của bài thơ? Nhận xét về đề tài mà nhà thơ lựa chọn?**

**Đáp án:**

Xác định đề tài của bài thơ: Bài thơ viết về đề tài mùa thu. Đây là đề tài quen thuộc không chỉ trong thơ trung đại mà quen thuộc đối với thơ ca mọi thời đại.

**Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về nhan đề “Thu vịnh”?**

**Đáp án:**

Nhan đề “Thu vịnh” : Thu vịnh là bài thơ vịnh về mùa thu (Nguyễn Khuyến làm thơ về mùa thu), cũng có thể hiểu mà mùa thu làm thơ (Nguyễn Khuyến làm thơ vào mùa thu).

**Câu 6. Nhận xét về không gian mùa thu được biểu hiện trong 2 câu thơ:**

*Nước biếc trông như từng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Đáp án:**

Nhận xét về không gian mùa thu được biểu hiện trong 2 câu thơ:

*Nước biếc trông như từng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

Trước hết, hai câu thơ gợi lên một không gian đặc trưng của mùa thu với nước biếc, những làn sương mỏng bao phủ mặt nước; ánh trăng thu sáng đẹp;

Đó còn là một không gian rộng: Không gian của mặt nước, của song thưa với ánh trăng phủ vàng khắp nơi;

Không gian trong hai câu thơ trên là không gian huyền ảo: Sự huyền ảo ấy được tạo nên bởi độ nhòe mờ của tầng sương khói; bởi sự lung linh của ánh trăng thu.

**Câu 7. Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Cảnh thu đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng đằng sau đó là nỗi buồn chất chứa trong lòng người ngắm cảnh. Người buồn nên giọng điệu thơ cũng man mác, suy tư. Mỗi dòng thơ, mỗi âm tiết thơ trong bài đều ắp đầy những băn khoăn trăn trở của cụ Tam Nguyên trước cuộc đời. Cụ xót xa cho thời cuộc, cho cảnh ngộ đất nước trong nạn xâm lăng. Cụ day dứt cho chính mình, chưa giúp gì được cho nước, cho vua đã vội “chạy làng”. Nên nghĩ tới Đào Tiềm mà cụ bỗng “thẹn” cho chính mình. Thẹn vì không có được tài thơ, không có được chí khí như Đào Tiềm.

=> Như vậy, dù cáo quan về ở ẩn, nhưng tâm hồn Nguyễn Khuyến vẫn nặng tình đời, tình người. Nỗi buồn, của thi nhân vì thế là nỗi buồn đẹp của một tâm hồn chưa khô héo, chưa phó mặc cuộc đời cho con tạo vần xoay. Qua đó, ta thấy được không chỉ tình yêu thiên nhiên mà còn là lòng yêu quê hương, đất nước. Bài thơ đã tỏa sáng vẻ đẹp nhân cách của người.

**Câu 4. Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ:

Trước hết, trong bài thơ, ta nhận thấy Nguyễn Khuyến là người có tình yêu thiên nhiên đắm say, mãnh liệt. Yêu thiên nhiên, ông cảm nhận thiên nhiên bằng mọi giác quan và thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên mùa thu bằng những vần thơ đẹp, giàu hình ảnh, đậm cảm xúc của một tâm hồn nhạy cảm;

Yêu thiên nhiên chính là yêu quê hương, đất nước – đây là vẻ đẹp không chỉ trong bài thơ này mà thể hiện trong hầu hết các bài thơ của Nguyễn Khuyến. Tình yêu quê hương đất nước trong bài thơ nói riêng và trong thơ Nguyễn Khuyến nói chung không ồn ào, phô trương mà lặng lẽ, sâu sắc, mãnh liệt;

Cuối cùng, qua bài thơ, ta còn thấy ở Nguyễn Khuyến một tâm hồn nhạy cảm, nhiều suy tư, những suy tư ấy là suy tư về thời cuộc, về đất nước. Mang nặng niềm suy tư ấy, ông ngắm cảnh, làm thơ mà vẫn nghĩ về đất nước, nhân dân. Nên cái “thẹn” cuối bài thơ là nỗi thẹn của một con người luôn cảm thấy day dứt vì không có được danh khiết như bậc danh nhân xưa, không giúp ích được gì cho nhân dân, đất nước. Đó là nỗi thẹn của con người có nhân cách.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: QUA ĐÈO NGANG ( BÀ HUYỆN THANH QUAN)**

****

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA VĂN BẢN: QUA ĐÈO NGANG**

* **Mục tiêu:** HS nhận diện đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan.
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **- GV yêu cầu HS:** đọc thuộc lòng bài Qua Đèo Ngang.  **- GV phát vấn câu hỏi.**  + Qua đèo Ngang thuộc thể loại thơ gì?  + Em hãy chỉ ra các đặc điểm của thể thơ qua bài*Qua Đèo Ngang.*  *( GV phát phiếu học tập để HS chỉ ra đặc điểm thơ )*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA VĂN BẢN: QUA ĐÈO NGANG**  - “Qua Đèo Ngang” là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật (gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ).  + Vần được gieo ở tiếng cuối các câu: 1, 2, 4, 6, 8. Gieo vần “a”.  + Trong bài thơ, câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.  + Phép đối:  Câu 3 và câu 4:  *lom khom* đối với *lác đác*  *dưới núi* đối với *bên sông*  *tiều vài chú* đối với *chợ mấy nhà*     Đối ở câu 5 và 6  *nhớ nước* đối với *thương nhà*  *đau lòng* đối với *mỏi miệng*  *con quốc quốc* đối với *cái gia gia*  + Đối theo luật BT  Bước tới đèo Ngang bóng xế tà  B T B B T T B  Cỏ cây chen đá lá chen hoa  T B B T T B B  Lom khom dưới núi tiều vài chú  B B T T B B T  Lác đác bên sông chợ mấy nhà  T T B B T T B  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  T T B B B T T  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  B B T T T B B  Dừng chân đứng lại trời, non, nước  B B T T B B T  Một mảnh tình riêng ta với ta  T T B B B T B |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về thơ Đường luật (thể thơ, cấu trúc,

niêm, luật, đối, ngôn từ....); cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản thơ Đường luật cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

* **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu 1:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình. * **Mục tiêu 2:** HS biết cách đọc hiểu các văn bản cùng loại. * **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1** * **HS TIẾP NHẬN NHIỆM VỤ**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**   **Câu1:** Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày? Thời điểm đó có lợi thế gì trong việc bộc lộ tâm trạng tác giả?   * **HS TIẾP NHẬN NHIỆM VỤ**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **BÀI TẬP 1:**  **Lựa chọn một chữ cái là đáp án đúng nhất cho những câu hỏi sau:**  **Câu 1:** Tác phẩm Qua đèo Ngang viết theo thể thơ gì?   1. Song thất lục bát. 2. Lục bát. 3. Thất ngôn tứ tuyệt. 4. Thất ngôn bát cú.   **Câu 2:** Ai là tác giả của bài thơ Qua đèo Ngang?   1. Hồ Xuân Hương. 2. Bà Huyện Thanh Quan. 3. Nguyễn Khuyến. 4. Nguyễn Du.   **Câu 3:** Bài thơ Qua đèo Ngang được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày?   1. Buổi sáng sớm. 2. Buổi trưa. 3. Buổi xế chiều. 4. Đêm khuya.   **Câu 4:** Nghệ thuật nổi bật trong câu thơ 3 – 4 là gì?   1. So sánh. 2. Nhân hóa. 3. Đảo ngữ. 4. Điệp ngữ.   **Câu 5:** Từ nào dùng để diễn tả cảnh heo hút, hoang vắng của đèo Ngang?   1. Lác đác. 2. Lom khom. 3. Quốc quốc. 4. Gia gia.   **Câu 6:** Các từ nào dưới đây là tự tượng thanh diễn tả tâm trạng của tác giả về nỗi nhớ nước thương nhà?   1. Lom khom. 2. Quốc quốc, gia gia. 3. Lác đác. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 7:** Bài thơ Qua đèo Ngang gieo vần gì?   1. Vần “uôc”. 2. Vần “ươc”. 3. Vần “oa”. 4. Vần “a”.   **Câu 8:** Bài thơ viết bằng chữ gì?   1. Chữ quốc ngữ. 2. Chữ Hán. 3. Chữ Nôm. 4. Tất cả các đáp án trên đều sai.   **Câu 9:** Thơ thất ngôn bát cú là thể thơ có đặc điểm gì?   1. Gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ. 2. Gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. 3. Gồm 4 câu, mỗi câu 8 chữ. 4. Gồm 8 câu, mỗi câu 4 chữ.   **Câu 10:** Bài thơ được viết trong hoàn cảnh nào?   1. Khi Bà Huyện Thanh Quan vào Huế nhậm chức. 2. Khi Bà Huyện Thanh Quan đi xa nhà. 3. Khi Bà Huyện Thanh Quan trên đường về quê. 4. Khi Bà Huyện Thanh Quan trên đường đi du ngoạn đất nước.   **Câu 11:** Cảnh đèo Ngang hiện lên như thế nào trong hai câu thơ đầu?   1. Hoang vắng, buồn bã. 2. Tươi tắn, sinh động. 3. Phong phú, đầy sức sống. 4. Um tùm, rậm rạp.   **Câu 12:** Tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ như thế nào qua bài thơ?   1. Yêu say mê vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước. 2. Đau xót, ngậm ngùi trước sự đổi thay của quê hương. 3. Cô đơn trước thực tại, da diết nhớ về quá khứ của đất nước. 4. Buồn đau da diết khi phải sống trong cảnh cô đơn.   **Câu 13:** Bài thơ có phương thức biểu đạt chủ yếu là gì?   1. Tự sự. 2. Biểu cảm. 3. Nghị luận. 4. Miêu tả.   **Câu 14:** Trong 4 câu đầu bài thơ, khung cảnh hiện lên như thế nào?   1. Đèo Ngang rất hùng vĩ. 2. Đèo Ngang tràn đầy sức sống. 3. Thiên nhiên đèo Ngang sống động, um tùm, con người thì thưa thớt. 4. Đèo Ngang rất vắng vẻ, thiên nhiên và con người đều mang sắc thái buồn.   **Câu 15:** Nội dung chính của bài thơ là gì?   1. Cảnh tượng đèo Ngang heo hút, hoang vắng và nỗi nhớ nước thương nhà tha thiết của tác giả. 2. Cảnh đèo Ngang đẹp, heo hút, hoang sơ. 3. Con người ở đèo Ngang ít ỏi, thưa thớt. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 16:** Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu 3 – 4 là gì?   1. Tạo nhịp điệu buồn bã cho bài thơ. 2. Nhấn mạnh vào sự thưa thớt, vắng vẻ, ít ỏi, nhỏ bé của sự sống nơi đèo Ngang. 3. Thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tẻ của nhân vật trữ tình. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 17:** Câu thơ cuối thể hiện tâm trạng gì của nhà thơ?   1. Căm giận. 2. Vui sướng, tự hào. 3. Buồn man mác, cô đơn. 4. Hào hứng.   **Câu 18:** Việc tác giả chọn cách bộc lộ mảnh tình riêng giữa trời đất bao la của đèo Ngang có tác dụng gì?   1. Nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô độc của con người giữa không gian bao la, rộng lớn của đèo Ngang. 2. Nhấn mạnh không gian bao la, rộng lớn, thiếu vắng sự sống của con người của đèo Ngang. 3. A, B đúng. 4. A, B sai.   **Câu 19:** Đâu là những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?   1. Biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc. 2. Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. 3. Âm điệu trầm lắng. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 20:** Đâu **không phải** là cách gọi khác của con quốc quốc?   1. Chim đỗ quyên. 2. Chim vành khuyên. 3. Chim cuốc. 4. Con cuốc cuốc.   **Câu 21:** Nguyễn Thị Hinh là tên thật của nhà thơ nào dưới đây?   1. Hồ Xuân Hương. 2. Bà Huyện Thanh Quan. 3. Đoàn Thị Điểm. 4. Xuân Quỳnh.   **Câu 22:** Hiện Bà Huyện Thanh Quan còn bao nhiêu bài thơ?   1. 3 bài. 2. 4 bài. 3. 5 bài. 4. 6 bài.   **Câu 23:** Bà Huyện Thanh Quan sống vào thế kỉ bao nhiêu?   1. Thế kỉ XIX. 2. Thế kỉ XVIII. 3. Thế kỉ XX. 4. Thế kỉ XVII.   **Câu 24:** Đèo Ngang thuộc khu vực nào?   1. Nơi giáp ranh giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Bình. 2. Nơi giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. 3. Đà Nẵng. 4. Quảng Bình.   **Câu 25:** Tác phẩm nào sau đây **không phải** của Bà Huyện Thanh Quan?   1. Thăng Long thành hoài cổ. 2. Qua chùa Trấn Bắc. 3. Chiều hôm nhớ nhà. 4. Long thành cầm giả ca.   **PHIẾU BÀI TẬP TỰ LUẬN NGẮN**  ***Gợi ý:***  Cảnh tượng đèo Ngang được miêu tả vào thời điểm *bóng xế tà*.  - Tác dụng: *bóng xế tà* (bóng chiều) là một khoảng thời gian nghệ thuật rất quen thuộc trong thơ trung đại, đồng thời cũng là nét đặc trưng trong phong cách thơ của Bà Huyện Thanh Quan. Thời gian trong câu thơ được nhắc tới là buổi chiều nhưng không phải là lúc đầu hôm mà là chiều tà, đây thời điểm chuyển giao giữa chiều và tối, ánh nắng chỉ còn nhạt nhòa và sắp lặn. Đây cũng là quãng thời gian rảnh rỗi nhất trong ngày, là thời điểm của gặp gỡ, đoàn tụ, trở về (con chim dáo dát bay về tổ, thủy triều cũng vội vã về với biển, con người cũng trở về với mái ấm, chỗ dựa của lòng mình là tình yêu và tình cảm gia đình). Có lẽ vì thế, người xưa khi nói về tâm sự, nỗi buồn thường mượn cảnh để ký thác, đặc biệt là hình ảnh bóng chiều và lời thơ “ Bước tới đèo Ngang bóng xế tà” vang lên như mang theo cả một khoảng trời nhớ thương nhức buốt, là những khoảng trống vô hình, là những lời tâm sự thiết tha chân tình của kẻ lữ thứ xa quê.  **Câu 2: Phân tích tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ láy: *lác đác, lom khom* trong 2 câu 3-4 của bài thơ.**  ***Gợi ý:***     Trong hai câu thơ : “Lom khom dưới núi tiều vài chú/ Lác đác bên sông chợ mấy nhà” tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ láy *lom khom, lác đác* nhằm mang lại giá trị biểu cảm cao cho bài thơ. Theo cách diễn đạt thông thường, hai câu thơ trên phải được viết là: Vài chú tiều lom khom dưới núi (hoặc: Vài chú tiều dưới núi lom khom), Mấy nhà chợ lác đác bên sông (hoặc: Mấy nhà chợ bên sông lác đác). Nhưng viết như vậy không tạo được ấn tượng bằng cách diễn đạt mà Bà Huyện Thanh Quan đã chọn. “Lom khom” là từ láy tượng hình gợi tư thế cúi người nhưng luôn luôn nhấp nhô chuyển động. Đó là động tác cúi nhặt củi của người tiều phu. Nó gợi lên hình ảnh đời sống lam lũ, vất vả suốt đời “bán mặt cho đất bán lưng cho trời” của người lao động.Từ “lác đác” cũng có sức gợi tinh tế như thế. Nó chỉ sự vắng vẻ, thưa thớt, bé nhỏ, thậm chí tiêu điều hoang vắng mà ở đây là mấy nhà chợ. Như ta đã biết, chợ búa là nơi tập trung buôn bán, thể hiện đời sống kinh tế của người dân, chợ vắng vẻ nghĩa là nơi ấy nghèo đói, lam lũ lắm. Điều đặc biệt là hai từ láy tượng hình ấy lại được đảo lên đầu câu thơ có tác dụng nhấn mạnh vào sự vất vả, lam lũ, đói nghèo của người dân vùng Đèo Ngang. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

## Đọc kĩ bài thơ sau và thực hiện theo các yêu cầu:

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn,*

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn.*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?”.*

**Chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1. Về thể loại, bài thơ Chiều hôm nhớ nhà – Bà Huyện Thanh Quan giống bài thơ nào sau đây?**

A. Tự tình 2 – Hồ Xuân Hương

B. Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương

C. Tỏ lòng – Phạm Ngũ Lão

D. Rằm tháng giêng – Hồ Chí Minh

**Đáp án đúng:** **A –** Tự tình 2 – Hồ Xuân Hương cùng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 2. Dòng nào nêu đúng đặc điểm về vần trong bài thơ trên:**

A. Bài thơ gieo vần trắc ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

B. Bài thơ gieo vần bằng – trắc bằng hoặc trắc – bằng – trắc ở các tiếng 2, 4, 6 trong mỗi câu

C. Từng cặp câu: Câu 2 – câu 3, câu 4 – câu 5, câu 6 – câu 7, câu 1 câu 8 vần với nhau.

D. Bài thơ gieo vần bằng, độc vận, vần gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

**Đáp án đúng:** **D –** Bài thơ gieo vần bằng, độc vận, vần gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8: Hôn – dồn – thôn – dồn – ôn.

**Câu 3. Bài thơ nào sau đây có nét tương đồng về thời gian nghệ thuật với bài Chiều hôm nhớ nhà:**

A. Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến

B. Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ

C. Tự tình bài 2 – Hồ Xuân Hương

D. Tỏ lòng – Phạm Ngũ Lão

**Đáp án đúng:** **B –** Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ – thời gian nghệ thuật đều là buổi chiều (*Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn/ Bạch Đế thành cao cấp mộ châm* ).

**Câu 4. Hình ảnh miêu tả trong hai câu thơ Gác mái, ngư ông về viễn phố – Gõ sừng, mục tử lại cô thôn biểu đạt được điều gì?**

A. Hình ảnh ông ngư gác mài chèo về bến xa, chú mục đồng gõ sừng (trâu) về thôn xóm đã gợi lên cuộc sống thảnh thơi, an nhàn của những người dân quê.

B. Hình ảnh ông ngư gác mài chèo về bến xa, chú mục đồng gõ sừng (trâu) về thôn xóm đã gợi lên nhịp sống đều đều buồn tẻ của những người dân quê.

C. Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi nhớ nhà, nhớ quê trong lòng người khách tha phương.

D. Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi xót xa cho hoàn cảnh li tán của chính mình trong lòng người lữ khách.

**Đáp án đúng:** **C –** Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi nhớ nhà, nhớ quê trong lòng người khách tha phương.

**Câu 5. Cùng viết về sự tác động của ngoại cảnh đến tâm trạng, cảm xúc chủ thể trữ tình, hai câu Gác mái, ngư ông về viễn phố – Gõ sừng, mục tử lại cô thôn có nét tương đồng với những câu thơ nào sau đây:**

A. Xiên ngang mặt đất rêu từng đám – Đâm toạc chân mây đá mấy hòn;

B. Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước – Thành Bạch chày vang bóng ác tà;

C. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí – Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo;

D. Buồn trông gió cuốn mặt duềnh – Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

**Đáp án đúng:** **B –** *Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước – Thành Bạch chày vang bóng ác tà:* Đỗ Phủ nghe những âm thanh gợi cảnh người dân rộn ràng may áo ấm, giặt giũ quần áo ấm mà chạnh nhớ nhà, nhớ quê hương; Đó cũng là tâm trạng bà Huyện Thanh Quan khi chứng kiến cảnh sống bình dị của người dân thôn quê.

**Câu 6. Dòng nào nêu cách hiểu chưa đúng về nội dung hai câu thơ: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi – Dặm liễu sương sa khách bước dồn” :**

A. Hai câu thơ gợi lên hình ảnh ngàn mai xào xạc trong gió cuốn, cánh chim mỏi mệt bay về rừng tìm tổ. Sương sa mù mịt dặm liễu, trên con đường sương gió lạnh lẽo ấy chỉ có người lữ khách, một mình một bóng đang bước đi vội vã.

B. Hai hình ảnh “chim bay mỏi” và “khách bước dồn” là hai nét vẽ đăng đối, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn của con người phải tha phương nơi đất khách.

C. Hai câu thơ được viết nên từ tâm trạng bơ vơ, lạc lõng, từ những trải nghiệm của một con người đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn nơi đất khách.

D. Hình ảnh trong hai câu thơ mang đậm tính tượng trưng, ước lệ của thơ cổ điển.

**Đáp án đúng:** **D** – Hình ảnh tượng trưng ước lệ là phương diện nghệ thuật biểu hiện (không phải nội dung).

**Câu 7. Nét đặc sắc về nghệ thuật trong hai câu cuối: Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ – Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn là:**

A. Phép tiểu đối trong câu trên và sử dụng câu hỏi tu từ trong câu dưới nhấn mạnh hoàn cảnh li biệt và nỗi cô đơn trong lòng người lữ khách.

B. Sử dụng điển cố Chương Đài giúp lời thơ thêm hàm súc.

C. Sử dụng từ Hán Việt trang trọng, cổ điển.

D. Cả A, B, C

**Đáp án đúng:** **D –** Cả A, B, C đều là nghệ thuật biểu hiện của hai câu thơ cuối, góp phần biểu đạt tình cảnh ly biệt, tâm trạng bơ vơ của người khách xa quê.

**Câu 8. Em hãy nhận xét về điểm khác biệt trong ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ này với ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài Tự tình 2.**

**Lời giải:**

Điểm khác biệt trong ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ này với ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình 2*:

– Ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ mang vẻ đẹp cổ điển trang nhã. Ấn tượng đó được tạo nên bởi những từ Hán Việt được sử dụng nhiều: *hoàng hôn, ngư ông, viễn phố, mục tử, cô thôn, mai, liễu, Chương Đài, lữ thứ, hàn ôn* .

– Ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình 2* mang vẻ đẹp vừa tự nhiên, dân dã vừa độc đáo, cá tính qua việc bà sử dụng chủ yếu là các từ thuần Việt (*văng vẳng, trơ, cái, nước non, chén rượu, vầng trăng, bóng xế, khuyết, tròn, mảnh tình, san sẻ, tí con con* ) cùng các động từ mạnh: *xiên ngang, đam toạc*

**Câu 9. Em hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thực và hai câu luận.**

**Lời giải:**

– Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thực và hai câu luận: Phép đối: Gác mái >< Gõ sừng; ngư ông >< mục tử; về viễn phố >< lại cô thôn.

Ngàn mai >< Dặm liễu; gió cuốn >< sương sa; chim bay mỏi >< khách bước dồn.

– Tác dụng: Miêu tả cuộc sống bình yên nơi thôn quê, gợi lên tâm trạng bơ vơ, lạc lõng của người khách tha phương. Tạo sự cân xứng, hài hòa cho lời thơ.

**Câu 10. Cảm nhận của em về tâm trạng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong bài thơ trên.**

**Lời giải:**

Tâm trạng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong bài thơ trên:

Thơ của Bà Huyện Thanh Quan phảng phất niềm hoài cổ hoặc nỗi buồn li biệt. Bài Chiều hôm nhớ nhà nằm trong chùm thơ mà Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ sĩ vào kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn. Xa quê hương, xa gia đình, nỗi nhớ nhà da diết khiến bà không yên lòng khi nghe tiếng tù và gọi hoàng hôn về. Buổi chiều thường gợi thương gợi nhớ. Cảnh hoàng hôn đất khách đã gieo khơi sâu thêm nỗi nhớ ấy. Nhất là khi chứng kiến cảnh lão ngư gác mái chèo xuôi về bến xa, chú bé chăn trâu gõ sừng trở về thôn vắng. Nhịp sinh hoạt thường nhật cuối ngày với các hoạt động “về”, “lại” khiến nữ sĩ cảm thấy chạnh lòng. Ai cũng đang mải miết trở về, còn mình thì quê nhà mỗi lúc một cách xa.. Cảm giác cô đơn nhuốm cả vào những câu thơ tả cảnh cánh chim, dặm liễu. Chúng cũng như mỏi mệt, hiu hắt bởi mang tâm trạng của con người. Cảm xúc như vỡ òa trong hai câu kết. Phép tiểu đối trong câu thứ bảy và sử dụng câu hỏi tu từ trong câu cuối nhấn mạnh hoàn cảnh li biệt và nỗi cô đơn, trống vắng đến tận cùng trong lòng người lữ khách.

**Đề số 2**

**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*  
*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*  
*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*  
*Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,*  
*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?**

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ được viết theo thể Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?**

A.Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ được gieo vần chân: “hoàng hôn, trống dồn,…”

**Câu 3: Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?**

A.Vui mừng, phấn khởi

B. Xót xa, sầu tủi

C.  Buồn, ngậm ngùi

D. Cả ba phương án trên

**Đáp án đúng:** **C** – Nhân vật trong bài thơ mang tâm trạng buồn, ngậm ngùi khi nhớ về quê nhà.

**Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?**

A.Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Đáp án đúng:** **D** – Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt biểu cảm kết hợp miêu tả (thể hiện tâm trạng nhân vật trữ tình kết hợp với miêu tả cảnh vật để làm nổi bật tâm trạng ấy)

**Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?**

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của  người lữ  khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt

D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước

**Đáp án đúng:** A – Nội dung của bài thơ: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

**Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?**

A.Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

B.Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

**Đáp án đúng:** **A** – Nhận định đúng khi nói về thơ của Bà Huyện Thanh Quan: Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

**Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà?**

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**Đáp án đúng: C** – Bài thơ Chiều hôm nhớ nhà mang lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

**Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?**

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ đã làm nổi bật tình yêu nhà, yêu quê hương của tác giả

**Câu 9: Việc sử dụng nhiều từ Hán Việt mang lại giá trị lớn cho bài thơ. Hãy phân tích điều đó qua đoạn văn (5 – 7 dòng).**

**Lời giải:**

Giá trị của việc sử dụng từ Hán Việt trong bài thơ:

– Yếu tố từ Hán Việt trong hai bài thơ đã thực sự mang lại cho người đọc một sự cảm nhận tinh tế về tình cảm, nỗi niềm, tài năng và nhân cách của bà Huyện Thanh Quan.

– Điều đáng nói ở đây không phải là sự xuất hiện nhiều từ Hán Việt trong bài thơ một cách điêu luyện đã làm nên giá trị nghệ thuật đích thực cho toàn thi phẩm, gợi cho thi phẩm vẻ đẹp của sự tao nhã, đài các, thanh cao.

**Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)**

**Lời giải:**

– Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa.

– Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành dần từ những ngây thơ, vụng dại của ngày bé. Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được.

– Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình và rồi trở thành dòng suối mát lành tắm mát và gột rửa tâm hồn ta trước những muộn phiền, lo toan của cuộc sống.

**Đề số 3**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*  
*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*  
*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*  
*Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,*  
*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Câu 1: Bài thơ trên thuộc thể thơ gì?**

**Lời giải:**

Bài thơ thuộc thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2: Tìm 2 từ Hán Việt có trong bài thơ**

**Lời giải:**

Hai từ Hán – Việt có trong bài thơ là:

1. ngư ôn
2. cô thôn
3. lữ thứ
4. viễn phố

**Câu 3: Nêu nội dung chính của bài thơ?**

**Lời giải:**

Nội dung chính của bài thơi nói về tâm trạng của người con xa quê và nỗi nhớ quê hương

**Câu 4: Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về tâm trạng nhớ nhà của bà Huyện Thanh Quan qua bài thơ trên.**

**Lời giải:**

Trong Chiều hôm nhớ nhà, tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ rõ nét. Chỉ một áng mây, một góc quan sát nhưng nhà thơ lại có vô vàn những xúc cảm. Từ âm thanh đến hình ảnh, tất cả đều chứa chan những nỗi niềm, tâm trạng của con người. Nhân vật trữ tình tự ý thức mình là một người “lữ thứ’, một người xa nhưng lòng luôn không nguôi nhớ nhung. Ẩn chứa trong dòng thơ là niềm nhung nhớ quê hương, là niềm khao khát hướng về từng hình ảnh bình dị nơi quê nhà.

**Đề số 4**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Câu 1: Đọc đoạn thơ trên gợi cho em nhớ tới bài thơ nào cũng của Bà Huyện Thanh Quan? Hãy chép chính xác bài thơ và cho biết hoàn cảnh sáng tác bài thơ em vừa chép.**

**Lời giải:**

Đọc đoạn thơ trên gợi cho em nhớ tới bài thơ Qua đèo ngang.

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

*Dừng chân đứng lại trời, non, nước,*

*Một mảnh tình riêng ta với ta*

=> Hoàn cảnh sáng tác : khi bà được mời vào kinh đô Huế giữ chức Cung Trung giáo tập để dạy học cho công chúa và cung phi.

**Câu 2: Hãy tìm đại từ trong bài thơ em vừa chép và phân loại đại từ đó?**

**Lời giải:**

Đại từ: ta (dùng để xưng hô)

Tuy nhiên chữ ta cuối cùng với vẫn là dùng để xưng hô.

**Câu 3: Nêu tác dụng của từ láy được dùng trong hai câu thơ sau:**

*“Lom khom dưới núi tiều vài chú*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà”*

**Lời giải:**

Tác dụng của từ láy giúp câu thơ có vần, có nhịp điệu, đồng thời tạo ra khung cảnh hẻo lánh, cô đơn .

**Câu 4: Từ bức tranh thiên nhiên trong bài thơ em tìm được ở câu 1, hãy viết đoạn văn (8-10 câu ) nêu cảm nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước , từ đó cho biết em cần làm gì để bồi dưỡng tình yêu quê hương. Trong đoạn văn có sử dụng một cặp từ đồng nghĩa và trái nghĩa (gạch chân, chú thích).**

**Lời giải:**

Ngay từ khi sinh ra, ai cũng có cho mình một quê hương. Cho dù quê hương ấy có lớn hay nhỏ, trù phú hay nghèo nàn thì trong chúng ta vẫn luôn ghi nhớ, khắc sâu trong tim hình ảnh quê hương thân thuộc ấy. Bởi quê hương chính là nơi gắn bó với chúng ta suốt một thời thơ ấu là nơi nuôi chúng ta lớn từ những hạt gạo ngọt thơm, củ khoai thơm phức. Rồi cũng tại quê hương, ta có nhiều kỉ niệm thân thương. Đó là kỉ niệm cùng lũ bạn chăn trâu, hát hoa trong buổi chiều cùng tiếng sáo vi vu, hay được chứng kiến cảnh cả đồng lúa một màu vàng tươi thật đẹp, hay mỗi khi Tết đến, cả xóm lại tụ họp một nơi cùng nhau làm bánh chưng để ăn. Chao ôi! Cái mùi thơm của của lá cùng với mùi tiêu và mùi thịt lợn luôn khiến cho ta cảm thấy thèm thuồng.

Cứ như vậy, quê hương đã gắn bó với ta không biết qua bao cái Tết. Nhưng rồi khi ta lớn lên, trưởng thành, ta sẽ có cuộc sống riêng ở nơi thành thị ồn ào. Những lo âu, suy tư cứ bủa vây ta khiến ta mệt mỏi. Lúc đó, ta thật muốn về với quê mẹ, trải nghiệm những thứ mà hồi bé ta hay làm. Quê hương thật có ý nghĩa. Ta nên biết **yêu** quê hương, đừng **ghét** quê hương. Bởi nếu không có quê hương thì ta sẽ không có được những kỉ niệm tốt, tuyệt vời…

Từ trái nghĩa: yêu, ghét.

**Đề số 5**

**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

BÁNH TRÔI NƯỚC

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

I-ĐỌC HIỂU

Câu 1. Bài thơ trên làm theo thể thơ gì?

Câu 2. Ai là tác giả của bài thơ?

Câu 3. Tìm đại từ trong bài thơ? cho biết đại từ đó thuộc loại nào?

Câu 4. Tìm 2 quan hệ từ có trong bài thơ trên.

II-TẬP LÀM VĂN

Qua bài thơ *Bánh trôi nước* em viết 1 đoạn văn ngắn 5 đến 7 dòng nêu cảm nghĩ của mình về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

**GỢI Ý:**

I/ Đọc hiểu

1 - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luât

2 - Tác giả Hồ Xuân Hương

3 - Đại từ em - Đại từ dùng để trỏ

4 - Quan hệ từ: với, mà

II/ Tạo lập văn bản

1. Mở đoạn

+ "Bánh trôi nước" là một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sự nghiệp của Hồ Xuân Hương.

+ Ở đó, người ta bắt gặp hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam xưa: xinh đẹp, nết na và chung thủy, son sắt.

1. Thân đoạn

+ Khái quát nội dung và hoàn cảnh ra đời tác phẩm .

+ Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam được ví von với hình tượng chiếc bánh trôi nước, loại bánh dân dã bình dị cũng như người phụ nữ chân phương, giản dị.

+ "Vừa trắng lại vừa tròn": Vẻ đẹp hình thể của người phụ nữ, đẫy đà, tròn trịa.

+ "Bảy nổi ba chìm với nước non": Số phận long đong, lận đận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.

+ "Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn": Sự tủi hổ, bất công khi sinh ra là phụ nữ trong thời đại trọng nam khinh nữ.

+ "Mà em vẫn giữ tấm lòng son": Nét đẹp tâm hồn, luôn giữ được bản tính thiện lương, hiền lành giữa cuộc đời xô bồ, bất công.

1. Kết bài. Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật và hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa

ĐỀ SỐ 6:

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BÁNH TRÔI NƯỚC

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

Câu 1. Tác giả bài thơ trên là ai?

Câu 2. Bài thơ trên làm theo thể thơ gì?

Câu 3. Tìm cặp từ trái nghĩa trong bài thơ?

Câu 4. Tìm 2 quan hệ từ có trong bài thơ trên.

Câu 5. Nêu nội dung bài thơ.

Câu 6. Đặc điểm của thể thơ mà em vừa tìm được ở câu 2.

Câu 7. Tác dụng của cặp từ trái nghĩa trong bài thơ.

Câu 8. Tác dụng của việc sử dụng thành ngữ trong bài thơ trên.

Câu 9. Từ bài thơ, em suy nghĩ về thân phận người phụ nữ xưa và nay.

**GỢI Ý:**

1. - Tác giả: Hồ Xuân Hương

2. - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

3. - Cặp từ trái nghĩa: Rắn- nát; nổi chìm

4. - Quan hệ từ: Với, mà

5. - Nội dung: Thể hiện được nỗi bất hạnh của người phụ nữ thời phong kiến. Nhà thơ như đại diện cho những người phụ nữ ấy nói lên tiếng nói của mình, tố cáo kết tội xã hội đã trà đạp lên quyền sống của họ.

6. \*\*\* Đặc điểm:

- Một câu có 7 chữ

- Một bài có 4 câu

- Viết theo niêm luật , bố cục : khai thừa chuyển hợp.

- Tiếng cuối câu 1,2,4 hiệp vần với nhau.

- Nhịp 4/3

- Vần chân liền hoặc chân cách.

7. - Rắn - nát => nhấn mạnh vào cuộc đời long đong vất vả bất hạnh của người phụ nữ. - “Rắn nát” thể hiện cuộc sống sung sướng hạnh phúc hay cuộc sống bất hạnh đau khổ của người phụ nữ là do tay những tên nam giới trong xã hội trong nam khinh nữ ấy quyết định.

- Nhà thơ tố cáo xã hội phê phán xã hội cướp đi quyền tự quyết và tự chủ của người phụ nữ. Họ không có quyền quyết định hạnh phúc của bản thân mình, không có quyền chọn chồng hay cuộc sống của mình.

8. - Tác dụng: Thành ngữ "bảy nổi ba chìm" được vận dụng tài tình nhằm gợi tả số phận người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến xưa. Để bày tỏ nỗi xúc động thương cảm của bà Hồ Xuân Hương đứng trước số phận lênh đênh chìm nổi chẳng biết đi về đâu của người phụ nữ.

9. - Cuộc đời, số phận của người phụ nữ xưa: khổ cực, lận đận, truân chuyên.

- Cuộc đời của người phụ nữ ngày nay bình đẳng với nam giới. Họ có chỗ đứng trong xã hội và tự định đoạt cuộc đời, số phận của mình.

**ĐỀ SỐ 7:**

1. Chép nguyên văn bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.
2. Cho biết bài thơ được làm theo thể thơ gì? Kể tên hai bài thơ em đã học sử dụng cùng thể thơ trên.
3. Bài thơ mở đầu bằng cụm từ nào? Cụm từ mở đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Kể một số câu ca dao cũng mở đầu bằng cụm từ trên?
4. Bài thơ gồm mấy lớp nghĩa? Các lớp nghĩa đó có nội dung như thế nào? Lớp nghĩa nào là chính?

**GỢI Ý:**

a. Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son

b. - Bài thơ được làm theo thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.

- Bài thơ:

+ Sông núi nước Nam.

+ Xa ngắm thác núi Lư.

c. - Cụm từ mở đầu: Thân em.

- Biện pháp nghệ thuật: Ẩn dụ chỉ người phụ nữ

- Kể một số câu ca dao:

*Thân em như trái bần trôi*

*Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.*

*Thân em như tấm lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

d. Bài thơ gồm hai lớp nghĩa.

Nội dung:

- Lớp nghĩa đen: nói về chiếc bánh trôi nước ở màu sắc, chât liệu, hình dáng, cách làm.

- Lớp nghĩa bóng: nói về người phụ nữ có hình thức xinh đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt , thủy chung, tình nghĩa nhưng thân phận lại chìm nổi bấp bênh, không tự làm chủ.

- Lớp nghĩa bóng là chủ yếu.

*……………………………………………………………………………………………………*

*Ngày soạn:1/2/2024*

**BÀI 2: Tiết 92, 93**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH**

**BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được từ tượng hình và từ tượng thanh.

- Hiểu được tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh.

- Vận dụng được kiến thức vào thực hành giải quyết các dạng bài tập.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**TIẾT: 21**

**ÔN TẬP TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về *từ tượng hình và từ tượng thanh.* Hiểu được tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn:  1, *Em hãy trình bày cách hiểu của mình về từ tượng hình và từ tượng thanh. Cho vd minh họa.*  *2, Từ tượng hình và từ tượng thanh thừơng được dùng trong các văn bản nào? Hạn chế sử dụng trong các loại văn bản nào?*  - Học sinh nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Phần trả lời của học sinh.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Lưu ý hs: thông thường các từ tượng hình, từ tượng thanh là các từ láy nhưng cũng có những trường hợp không phải từ láy. VD: Bốp,bịch, ầm,… | **I.Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Từ tượng hình**  Từ tượng hình là những từ có khả năng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  VD: gập ghềnh, khẳng khiu, lom khom…  **2. Từ tượng thanh**  - Từ tượng thanh là những từ mô phỏng âm thanh tự nhiên.  VD: khúc khích, róc rách, tích tắc,…  \* Từ tượng thanh và từ tượng hình có tính biểu cảm cao nên thường được dùng trong các văn bản văn học, ít được dùng trong các văn bản hành chính và văn bản khoa học. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến từ địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 1:** Tìm từ tượng hình, tượng thanh trong những câu sau.  *- Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.*  *- Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.*  *- Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy bào cạnh anh Dậu.*  *- Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.*  **Bài 2:** Đọc các đoạn trích trong Lão Hạc của Nam Cao và trả lời câu hỏi:  *- Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc*  *- Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?.*  *- Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.*  a. Trong các từ in đậm trên, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật; những từ nào mô phỏng âm thanh tự nhiên, con người.  b. Những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự.  **Bài 3:** Tìm ít nhất năm từ tượng hình gợi tả dáng đi của người.  **Bài 4:** Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười: cười ha hả, cười hì hì, cười hô hố, cười hơ hớ.  **Bài 5:** Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh sau: lắc rắc, lã chã, lấm tấm, khúc khuỷu, lập lòe, tích tắc, lộp bộp, lạch bạch, ồm ồm, ào ào.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập sau khi nhận phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Trả lời bài 1:**  Từ tượng hình và tượng thanh trong những câu trích trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố.  a. Từ tượng thanh.  - Soàn soạt, bịch, đánh bốp.  - Nham nhảm.  b. Từ tượng hình.  - Rón rén, lực điền, chỏng queo.  **Trả lời bài 2:**  **a.** Đoạn trích Lão Hạc của Nam Cao có những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động trảng thái của sự vật, những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người:  - Móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc  đó là những từ tượng hình.  - Hu hu, ư ử  đó là những từ tượng thanh.  **b.**Những từ ngữ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động hoặc mô phỏng âm thanh rất có tác dụng trong văn miêu tả, tự sự. Các từ này gợi ra những cảm xúc, suy nghĩ hoặc tưởng tượng, hình dung ra sự vật mà nhà văn và tác phẩm muốn diễn tả.  **Trả lời bài 3:**  Năm từ tượng hình gợi tả dáng đi.  - Tất bật, hùng hục, thoăn thoắt, lom khom, rón rén.  **Trả lời bài 4:**  Theo từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê chủ biên:  - Ha hả: gợi tả tiếng cười to, tỏ ra khoái chí, thỏa mãn  - Hì hì: mô phỏng tiếng cười phát ra đằng mũi, âm thanh nhỏ, biểu lộ sự thích thú, có vẻ hiền lành  - Hô hố: mô phỏng tiếng cười to và thô lỗ, khó nghe, gây cảm giác khó chịu cho người khác.  - Hơ hớ: mô phỏng tiếng cười tự nhiên, thoải mái, không cần giữ gìn.  **Trả lời bài 5:**  Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh :   * Lắc rắc: Mưa xuân **lắc rắc** trên những thảm cỏ non. * Lã chã: Nước mắt nó cứ tuôn **lã chã** mãi khi nghe tin ông nội nó ốm nặng. * Lấm tấm: Mặt ba **lấm tấm** mồ hôi sau những giờ trên thao trường. * Khúc khuỷu: Đoạn đường vào nhà bạn tôi quanh co, **khúc khuỷu**. * Lập lòe: Ánh đèn **lập lòe** như đom đóm ban đêm * Tích tắc: Bác đồng hồ **tích tắc** không ngơi nghỉ. * Lộp bộp: Mưa rơi xuống tàu chuối **lộp bộp**. * Lạch bạch; Buổi chiều trên cánh đồng, bầy vịt **lạch bạch** về chuồng. * Ồm ồm: Giọng nói ông ấy **ồm ồm**, rất khó nghe. * Ào ào: Mưa mùa hạ tuôn **ào ào** qua những mái hiên. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ tượng hình và từ tượng thanh.**

**2. Làm các bài tập sau:**

**Bài 1:** *Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh.*

**Bài 2:** *Sưu tầm một bài thơ có sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh. Chỉ ra và cho biết tác dụng của việc sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình có trong các bài thơ đó. ( Ghi vào sổ tay văn học)*

*Đoạn văn tham khảo*

Mùa xuân đã về trên quê hương tôi. Không khí mùa xuân thật ấm áp. Những hạt mưa xuân l*ất phất(từ tượng hình)* bay. Chim đậu trên cành hót *líu lo (từ tượng thanh)* tạo thành một dàn đồng ca mùa xuân nghe mới thú vị làm sao! Người từ nhiều phương đổ về đông nghẹt, trông mặt ai cũng rạng rỡ trong bộ quần áo mới toanh, họ cười nói *ríu rít (từ tượng thanh)* , vui vẻ. Cành đào lúc bấy giờ mới nở rộ trông như những chiếc cúc áo của nàng tiên mùa xuân ban tặng cho cây. Khi ấy, trông mấy bông hoa đào mới thật là đẹp! Vườn cây sau nhà cũng rộn ràng tiếng hót của mấy chú chim. Bầu trời trong xanh,cao vun vút,tô điểm cho bầu trời là những cánh én chao lượn. Trời sáng hơn chút nữa,tôi có thể nhìn rõ được quang cảnh những con người đi lại *tấp nập (từ tượng hình)* nhờ màn sương đêm tan dần. Trên đầu những ngọn cỏ may sương đêm vẫn còn đọng lại lấp lánh, khi ánh mặt trời chiếu vào chúng càng trở nên lấp lánh hơn. Tôi yêu nhất mùa xuân quê tôi.

**TIẾT: 22**

**ÔN TẬP: BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* **Mục tiêu:** HS nắm chắc kiến thức về biện pháp tu từ đảo ngữ.

Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong diễn đạt.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát vấn câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.**   **Câu hỏi 1**: Từ trước đến giờ em đã học những biện pháp tu từ nào? Hãy kể tên một số biện pháp tu từ em đã học?  + Biện pháp tu từ đảo ngữ là gì?  + Tác dụng của tu từ đảo ngữ?  **Câu hỏi 2:** Những câu nào trong đoạn thơ, đoạn văn dưới đây có chủ định diễn đạt ngược với trật tự bình thường của các bộ phận trong câu (đảo ngữ – ví dụ: bộ phận vị ngữ đặt trước bộ phận chủ ngữ)? Tác giả diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh ý gì?  “ Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  Trên đường ta về lại Thủ đô  Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!”  *Tố Hữu*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại kiến thức đã học chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu cá nhân.  - HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt cần ghi nhớ**  **1. Biện pháp tu từ đảo ngữ là gì và tác dụng của nó trong việc diễn đạt?**  \* Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm *mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ.*  \* VD: Trong đoạn thơ:  “ Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  Trên đường ta về lại Thủ đô  Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!”  *Tố Hữu*  **Những câu có đảo ngữ:**  Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  **Tác dụng:**  Diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh các ý nêu trong bộ phận vị ngữ (“Đã tan tác”, “Đã sáng lại”; “Trong xanh”, “Trong vắt”; “Rắc trắng vườn nhà”, “Sáng cả đôi bờ”; “Đã qua rồi”). |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến bptt đảo ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát **phiếu học tập**.  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**  **Câu 1: Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng biện pháp đảo ngữ trong các đoạn thơ dưới đây.**  a, Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,  Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.  Xanh xanh mặt biển da trời,  Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.  Sóng Hồng  b,Chắt trong vị ngọt mùi hương  Lặng thầm thay những con đường ong bay.  Trải qua mưa nắng vơi đầy  Men trời đất đủ làm say đất trời.  Nguyễn Đức Mậu  c, Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường  Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương  Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại  Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương…  Tố Hữu  **Câu 2: Đọc câu văn sau:**  **Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa,** hoa sấukéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra.  Nguyễn Tuân  **Nhận xét:**  **a) Những từ ngữ in đậm được hiểu là bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ nào trong câu văn trên?**  **b) Cách viết câu văn theo lối đảo ngữ như trên giúp nhà văn diễn tả được điều gì?**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  **Đọc bài thơ sau:**  QUA ĐÈO NGANG  Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà  Cỏ cây chen đá, lá chen hoa  Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)  Lác đác bên sông chợ mấy nhà.  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(2)  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(3)  Dừng chân đứng lại trời non nước  Một mảnh tình riêng ta với ta.  Bà Huyện Thanh Quan  (1) Tiều: người kiếm củi.  (2) Cách chơi chữ: Quốc (là nước) đồng âm với cuốc (là chim cuốc, còn gọi là chim Đô Vũ. Tương truyền vua nước Thục tên là Đỗ Vũ mất nước, khi chết hoá thành chim, luôn nhớ nước, cứ kêu “quốc, quốc”).  (3) Cũng là cách chơi chữ: Gia (là nhà) gần đồng âm với đa, là loại chim rừng đa đa thuộc giống gà gô.  **Trả lời câu hỏi:**  **a) Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật? Nêu những câu thơ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.**  **b) Em cảm nhận được những gì về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả qua những câu thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật nói trên?**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**  **Dùng biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.**  a) Một thế giới ban trắng trời, trắng núi.  b) Dòng sông quê tôi đáng yêu biết bao.  c) Những cánh cò trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.  d) Những chuyến xe qua tấp nập trên đường.  e) Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.  f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.  g) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.  h) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tổ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm bài tập trên phiếu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 1:***  ***Câu 1:***  a, Gạch dưới các từ: Hiu hiu (**gợi tả mức độ** nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu của tác giả) ; Xanh xanh (gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc lạ trước thiên nhiên tươi đẹp).  b, Dòng thơ có sử dụng biện pháp đảo ngữ đã **góp phần nhấn mạnh** được ý nghĩa đẹp đẽ : sự lao động thầm lặng, không mệt mỏi của bầy ong thật đáng cảm phục.  c,– Hãy nhận xét về vị trí của những từ ngữ bổ nghĩa cho các danh từ “đường”, “đồng bãi”, “đồi nương”, “nông trại” so với cách diễn đạt thông thường để thấy được biện pháp đảo ngữ được dùng.  – So sánh với cách diễn đạt thông thường (không đảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ. Ví dụ: ngọt lịm đường (có đảo ngữ) / đường ngọt lịm (không đảo ngữ).  – Cách diễn đạt nào gợi tả, gợi cảm? Nhấn mạnh được điều gì?…  ***Câu 2:***   1. “Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa”   – bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ “hoa sấu”.  b) Viết theo lối đảo ngữ diễn tả được vẻ đẹp độc đáo, gợi cảm và giàu ý nghĩa của hoa sấu (chuẩn bị cho sự xuất hiện hình ảnh so sánh độc đáo ở cuối câu: như cót gạo nào của khu phô bung vãi ra).  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 2:***   1. Biện pháp nghệ thuật nổi bật: đảo ngữ. Các câu thơ: 3, 4, 5, 6.   Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)  Lác đác bên sông chợ mấy nhà.(2)  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(3)  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(4)  b) Cảm nhận về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả (qua những câu thơ có dùng biện pháp đảo ngữ): cảnh thưa thốt vắng vẻ, gợi nỗi buồn man mác; tâm trạng của tác giả cũng bâng khuâng, đượm buồn.  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 3:***  a) Trắng trời, trắng núi, một thế giới ban.  b) Đáng yêu biết bao, dòng sông quê tôi.  c) Tung tăng trên đồng lúa chín, những cánh cò trắng muốt.  d) Tấp nập trên đường, những chuyến xe qua.  e) Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.  f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, vằng vặc trên sông một vầng trăng, thiết tha dịu dàng một giọng hò mái đẩy.  g) Vây quanh em một biển lúa vàng, thoang thoảng đâu đây hương lúa chín.  h) Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim hiều bay về tổ. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về BPTT đảo ngữ.**

# 2. Làm bài tập sau: Trong khổ đầu của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ? Em hãy ghi lại các câu thơ đó và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ.

*-------------------------------------------------------------------------------------*

*Ngày soạn:3/2/2024*

**BÀI 2: Tiết 94,95,96: ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**THƠ ĐƯỜNG LUẬT ( THẤT NGÔN BÁT CÚ, TỨ TUYỆT)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Năng lực, xác định chủ đề, tìm ý, xây dựng cấu trúc một bài văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề tài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn phân tích tác phẩm văn học hoàn chỉnh.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NGỮ VĂN**

* **Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về đặc trưng kiểu bài phân tích

một tác phẩm văn học.

* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| .  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  *Dựa vào kiến thức đã đọc, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.   * **NV2: Mục tiêu:**   **- HS** biết cách làm được kiểu bài viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật.   * **Tổ chức thực hiện:**   **Hoạt động 1:** GV yêu cầu học sinh đọc các bài thơ đã sưu tầm được thuộc thể loại tất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú Đường luật.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- Gv phát vấn câu hỏi:**  **1/** ? Đọc các bài thơ, thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật mà em sưu tầm được?  2/ HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS:  - Nghe / đọc thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: GV** yêu cầu học sinh lựa chọn ngữ liệu và chuẩn bị cho việc thực hành viết.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  - GV phát phiếu học tập  Em hãy chép lại một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật và thực hiện các yêu cầu sau:  *? Cho biết tên bài thơ và tác giả của bài thơ em vừa chép ?*  *? Hãy nêu nội dung chính của bài thơ và khái quát chủ đề của bài thơ?*  *? Hãy cho biết những nghệ thuật nào được sử dụng trong bài thơ và chỉ rõ dấu hiệu của chúng?*  *? Theo em, một khi viết một bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật cần đảm bảo những yêu cầu gì?*  **Hoạt động 3: GV** yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu mẫu: Bài viết tham khảo “Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương”.  **->** Biết yêu cầu của một bài văn phân tích bài thơ .  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV phát văn bản mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:  *Em hãy chỉ ra bố cục của bài văn. Nêu rõ nhiệm vụ của từng phần.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản mẫu và trả lời câu hỏi.  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm | **I.TRI THỨC NỀN VỀ KIỂU BÀI PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC(THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT)CẦN GHI NHỚ.** **1. Phân tích văn học** là khám phá các giá trị văn học và vấn đề văn học qua từng khía cạnh và từng biểu hiện cụ thể của tác phẩm.  **2. Khi làm bài phân tích văn học, cần chú ý:**  - Xác định đúng thể loại của tác phẩm cần phân tích.(Thơ hay truyện..?)  - Phân tích tác phẩm văn học là ta phải làm rõ được các giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. CÁCH LÀM BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC **(Một bài thơ thất ngôn bát cú đường luật, Thất ngôn tứ tuyệt)**  **1. Yêu cầu.**  - Nắm được một số ý khái quát về tác giả và bài thơ.  -Hiểu được nội dung cơ bản, khái quát được chủ đề của bài thơ.  - Nhận biết và phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.  -Khẳng định được vị trí , ý nghĩa của bài thơ.  **2. Dàn ý**  **A. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả , tác phẩm .  - Nêu nhận xét chung về bài thơ.  - Trích dẫn bài thơ.  **B. Thân bài**  - Phân tích đặc điểm nội dung:   * Phân tích hình tượng thơ (thiên nhiên, con người…) * Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ. * Khái quát chủ đề của bài thơ.   - Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:   * Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân). * Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình. * Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc thơ, biện pháp tu từ…)   **C. Kết bài**  Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  **Bài mẫu:**  **Phân tích bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương.**  **A/ MB: Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương và bài thơ “Thương vợ”**  \*Tác giả: Tú Xương là nhà thơ trào phúng bậc thầy trong nền văn học Việt nam. Thơ ông bắt nguồn từ tâm huyết với dân, với nước, với đời. Tú Xương cũng đã việt hóa sâu sắc thể thơ Nôm Đường luật, hình ảnh ngôn ngữ bình dị, đậm sắc thái dân gian và nóng hổi hơi thở đời sống.  \* Tác phẩm: “Thương vợ” là bài thơ cảm độngnhất trong chùm thơ văn câu đối về đề tài bà Tú. Với tình -cảm thương yêu quý trọng, tác giả đã ghi lại một cách chân thực xúc động hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh.  **B/ THÂN BÀI:**  **Ý 1: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.**  Giá trị của tác phẩm:  \* Giá trị nội dung:  -Xây dựng thành công hình ảnh của bà Tú - một người vợ tảo tần, giàu đức hi sinh, đã gánh vác gia đình với những gánh nặng cơm áo gạo tiền đè lên đôi vai gầy. Đồng thời, thông qua đó, người đọc cũng có thể cảm nhận được tình thương yêu, quý trọng người vợ của Trần Tế Xương.  - Ẩn đằng sau hình ảnh của người vợ tảo tần sớm khuya ấy là hình ảnh của ông Tú với đầy những tâm sự. Bà Tú hiện lên càng đảm đang, tháo vát vất vả bao nhiêu thì ông Tú lại càng nhỏ bé, nhạt nhòa, vô dụng bấy nhiêu. Đây chính là sự bất lực của người trí sĩ đương thời trước dòng đời nổi trôi và xã hội quan liêu thối nát.  \* Giá trị nghệ thuật  - Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt bình dị, tự nhiên và giàu sức biểu cảm; cảm xúc chân thành tiêu biểu cho thơ trữ tình của Trần Tế Xương.  - Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò và cách nói của văn học dân gian trong việc khắc họa hình ảnh của bà Tú  - Hình ảnh của bà Tú được nhắc đến với giọng điệu ngợi ca, đầy yêu thương còn hình ảnh của tác giả ẩn đằng sau đó lại được nhắc đến với giọng điệu trào phúng, bất lực  **Ý 2: Phân tích tác phẩm.**  a. Hai câu thực:  “Quanh năm buôn bán ở mom sông  Nuôi đủ năm con với một chồng”  -Công việc của bà Tú là buôn bán. Thời gian làm việc là quanh năm, tức là từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi. Địa điểm làm việc ở mom sông. Phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán. Ở đây cũng gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.  -“Nuôi đủ năm con với một chồng” ý nói gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ. Tú Xưng dùng cách đếm con, chồng nhằm ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải “ăn lương vợ”  -Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.  b. Hai câu đề:  “Lặn lội thân cò khi quãng vắng  Eo sèo mặt nước buổi đò đông”  -Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm. Câu thơ dùng phép đảo ngữ đưa từ "lặn lội" lên đầu câu và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ vì thế mà cũng sâu sắc hơn, thấm thìa hơn.  -Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú. Từ "eo sèo" là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu, gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi “mặt nước”. Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ. Chi tiết “buổi đò đông” hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng". Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để “nuôi đủ năm con với một chồng” phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.  c. Hai câu luận  “Một duyên hai nợ, âu đành phận,  Năm nắng, mười mưa dám quản công.”  -Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ “một duyên hai nợ” và “năm nắng mười mưa”, đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt. Từ “duyên” là duyên số, duyên phận, là cái “nợ” đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng. Còn “nắng”, “mưa” tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực. Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: “một… hai… năm… mười… làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình. Từ “Âu đành phận”, “dám quản công” làm giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le. Ta thấy sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.  d. Hai câu kết  “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,  Có chồng hờ hững cũng như không.”  -Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi “mom sông” lúc “buổi đò đông” đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị. Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.  -Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.  **Ý 3: Khái quát cuối:**  \*Vài nét đặc sắc về nghệ thuật + Liên hệ mở rộng.  "Thương vợ" là một trong những bài thơ mà Tú Xương vận dụng một cách rất sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian.  -Về hình ảnh: Trong ca dao, hình ảnh con cò có khá nhiều ý nghĩa: có khi nói về thân phận người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó; có khi lại tượng trưng cho thân phận người lao động với nhiều bất trắc thua thiệt.  *Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*  *Hay:*  *Con cò mày đi ăn đêm Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*  Như thế, con cò trong ca dao vốn đã gợi nhiều cay đắng, xót xa. Song dường như ứng vào nhân vậ cụ thể là bà Tú thì nó lại càng gợi sự xót xa, tội nghiệp nhiều hơn. Hơn thế nữa so với từ "con cò" trong ca dao thì từ "thân cò" của Tú Xương mang tính khái quát cao hơn, đó như thân phận của người phụ nữ trong cuộc sống gia đình, hi sinh tất cả vì chồng vì con. Do vậy, mà tình yêu thương của Tú Xương cũng thấm thía và sâu sắc hơn.  - Về từ ngữ:  -Thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng một cách rất sáng tạo.  - Cụm từ "nắng mưa" chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với "nắng, mưa" tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.  -Bên cạnh đó chủ đề “Duyên nợ” trong ca dao cũng được tác giải sử dụng sáng tạo “một duyên hai nợ” muốn nhấn mạnh rằng duyên phận vợ chồng như số phận trời sắp đặt, tình nghĩa vợ chồng vì vậy cũng gắn bó hơn.  **III/ KẾT BÀI**  \*. Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  “Thương vợ’” là bài thơ trữ tình đặc sắc của Tú Xương nói về người vợ, người phụ nữ ngày xưa với bao đức tính tốt đẹp, hình ảnh bà Tú được nói đến trong bài thơ rất gần gũi với người mẹ, người chị trong mỗi gia đình Việt Nam. Tú Xương chiếm một địa vị vẻ vang trong nền văn học Việt Nam. Tên tuổi ông sống mãi với non Côi, sông Vị. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG**

**VÀO THỰC HÀNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

* **Mục tiêu** Giúp HS nắm được quy trình viết bài văn văn phân tích một tác phẩm theo các bước.
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu 1:** Giúp HS   - Biết cách tìm ý và lập dàn ý cho bài văn văn phân tích một tác phẩm theo các bước.   * **Tổ chức thực hiện:**   B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV phát phiếu học tập số 1.  Đề bài: Em hãy phân tích bài thơ sau:  *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc cần câu bé tẻo teo*  *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*  *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*  *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,*  *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*  *Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*.  ( Thu điếu – Nguyễn Khuyến)  HS tiếp nhận nhiệm vụ:  ? Tìm ý, lập dàn ý cho đề bài trên?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc bài thơ, tìm ý cho bài viết, lập dàn bài.  HS:  - Đọc bài thơ.  - Tìm ý.  - Lập dàn ý ra giấy.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **II. THỰC HÀNH THEO CÁC BƯỚC LÀM BÀI VÁN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**  **TRƯỚC KHI VIẾT**  **1) Tìm ý**  - Nhan đề bài thơ: Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu” việc câu cá chẳng qua là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu mà thôi.  - ND chính:Văn bản là một bức tranh đẹp về mùa thu ở làng quê VN, một không gian thu trong trẻo, thanh sạch và bình yên với những hình ảnh, đường nét xinh xẻo. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế.  - Nghệ thuật:  + Cách sử dụng yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình….Các từ gợi tả âm thanh, biểu cảm, các biện pháp tu từ( so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ….)  **2) Lập dàn ý**  - *Mở đoạn* giới thiệu khái quát, ngắn gọn về Nguyễn Khuyến và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.  - *Thân đoạn*:  + Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung  Phân tích hình tượng bài thơ  Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.  Khái quát về chủ để của bài thơ.  + Ý 2 Phân tích một số nét về nghệ thuật.  Cách sử dụng thể thơ.  Những nét đặc sắc trong tả cảnh tả tình.  Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ  - *Kết đoạn*: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. |

**GV phát phiếu học tập số 2.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.**

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

**DÀN Ý CHI TIẾT**

### I. Mở bài:

- Giới thiệu một vài nét về tác giả:

+ Hồ Xuân Hương, nữ sĩ tài ba được ca ngợi là ‘bà chúa thơ Nôm’.

+ Nữ sĩ còn để lại khoảng 50 bài thơ Nôm.

+ Thơ bà có đề tài bình dị, ngôn ngữ thuần Nôm, rất sắc sảo, hóm hỉnh, đa nghĩa.

+ Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, là lời cảm thông, bênh vực người phụ nữ trong cuộc đời.

- Giới thiệu văn bản và chủ đề bài thơ.

+ Bài thất ngôn tứ tuyệt ‘bánh trôi nước’ tiêu biểu cho hồn thơ của nữ sĩ (chép trọn vẹn văn bản):

‘Thân em... tấm lòng son’

+ Chủ đề: Qua việc miêu tả chiếc bánh trôi nước, nữ sĩ gửi gắm bao tình cảm tốt đẹp về phẩm chất và thân phận của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc đời.

### II. Thân bài:

**“Bánh trôi nước”** là một bài thơ bình dị về đề tài, mang hàm nghĩa sâu sắc.

**1.**Bài thơ tả thực cái bánh trôi nước, một món ăn dân tộc được làm bằng bột nếp, sắc trắng trong, dáng bánh tròn. Nhân bánh bằng đường phên (tấm lòng son). Bánh được nấu chín trong nồi nước sôi ‘bảy nổi ba chìm với nước non’.

**2.**Câu thơ thứ nhất nhân hóa cái bánh:

‘Thân em vừa trắng lại vừa tròn’

‘Thản em’là một cách nói khiêm nhường, dịu dàng, kín đáo, một nét đẹp của thiếu nữ.

- Hai vế tiểu đối: ‘vừa trắng II vừa tròn’ có giá trị gợi tả, liên tưởng về vẻ đẹp trinh trắng, duyên dáng của thiếu nữ.

**3.**Câu thơ thứ 2 và thứ 3 mang hàm nghĩa về thân phận người phụ nữ trong cuộc đời ngày xưa:

‘Bảy nổi ba chìm với nước non,

Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn’

- Thành ngữ được vận dụng ‘bảy chìm ba nổi, chín lênh đênh’ trong văn cảnh hàm ý về thân phận vất vả của người phụ nữ, chịu nhiều thiệt thòi do lễ giáo phong kiến trọng nam khinh nữ, do đạo ‘tam tòng’ khắc nghiệt gây nên.

- Hai chữ ‘rắn nát’ ấm chí sô' phận của người phụ nữ được sung sướng hạnh phúc, hoặc bất hạnh đều do ‘tay ke’ nặn’, do cha mẹ hay chồng con định đoạt. Việc hôn nhân do cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Đạo tam tòng chính là ‘tay kẻ nặn’...

- Vần thơ biểu lộ niềm cảm thông sâu sắc của nữ sĩ đối với số phận, thân phận người phụ nữ ngày xưa.

**4.**Câu cuối, hình ảnh ẩn dụ ‘tấm lòng son’ nói về lòng son sắt thủy chung trong tình yêu của người phụ nữ. Đó là vẻ đẹp đôn hậu, vị tha của người mẹ, người chị quê ta.

- Cấu trúc câu thơ: ‘Mặc dù... mà vẫn...’ ở hai câu cuối bài thơ, đặc biệt chữ ‘vẫn’ làm cho ý thơ được khẳng định và ngợi ca tâm hồn trong sáng, tình yêu thủy chung của người phụ nữ Việt Nam:

‘Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son’

### III. Kết bài:

- ‘Bánh trôi nước’là một bài thơ Nôm đa nghĩa, nó thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha của Hồ Xuân Hương đối với nền văn hóa dân tộc. Chiếc bánh bình dị của quê hương đã đi vào hồn thơ nữ sĩ và trở thành một bài thơ hay. Nữ sĩ đã dành những lời tốt đẹp ca ngợi bao phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam.

- Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, vận dụng sáng tạo tục ngữ, cách nói cách cảm của dân gian để tạo nên những vần thơ hàm súc đậm đà mang phong cách Hồ Xuân Hương.

**GV phát phiếu học tập số 3.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài:**

– Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ tài ba vĩ đại của dân tộc Việt Nam, lại vừa là một nhà thơ xuất sắc.

– Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời của bài thơ: bài thơ được viết năm 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tại chiến khu Việt Bắc.

– Đánh giá: là bài thơ xuất sắc của Hồ Chí Minh.

**2. Thân bài:**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

– Vẻ đẹp của thiên nhiên vào một đêm trăng nơi chiến khu: hình ảnh trăng, hoa, cây cổ thụ, tiếng suối… Hình ảnh thơ cho thấy một đêm trăng khuya đẹp, thơ mộng.

– Nổi bật lên giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng “lo nỗi nước nhà”. (có thể so sánh : Trong thơ cổ, cảnh đẹp thượng đi liền với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần. Nhưng trong bài thơ này nổi bật lên giữa thiên nhiên là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng nặng lòng “lo nỗi nước nhà”).

– Cảnh vật thiên nhiên hiện lên mang vẻ đẹp của sự trầm mặc, huyền ảo của ánh trăng khuya. Nó không chỉ có màu sắc vàng yên ả mà nó còn có âm thành của tiếng suối chảy róc rách trong trẻo như tiếng hát vỏng lại từ phía xa.

– Câu thơ thứ ba có dấu phẩy ở giữa như cắt ngang hai sự đối lập nhau. Đối với thiên nhiên hiền hòa lung linh yên bình đẹp như vẽ kia là tâm trạng của nhà thơ. Đó là một tâm trạng đầy bất trắc, âu lo không yên bình.

– Người vẫn chưa ngủ chỉ có chưa ngủ thì mới có thể tả hết được cảnh đẹp đêm khuya được. Không phải người thức để ngắm cảnh mà vì Người đang lo nỗi nước nhà.

⇒ Trái ngược với sự hài hòa của thiên nhiên là tâm trạng đầy âu lo của nhà thơ, lo ngày mai chiến tranh, lo ngày mai có giành được độc lập cho dân tộc hay không.

– Tính cổ điển và hiện đại trong phong cách thơ Hồ Chí Minh:

+ Thể thơ đường luật cùng với hình ảnh thiên nhiên làm cho bài thơ có màu sắc cổ điển. Nhưng hình ảnh nhân vật trữ tình “lo nỗi nước nhà” kèm theo sự phá cách trong hai câu cuối đã làm cho bài thơ mang tình hiện đại)

+ Nhận định về giá trị tư tưởng, nghệ thuật của bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ

**3. Kết bài:**

Với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọc, xúc tích, hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển mà bình dị, gần gũi, bài thơ vừa vẽ lên bức tranh thiên nhiên tại chiến khu Việt Bắc hiền hòa với màu sắc của ánh trăng, sống động trong trẻo với âm thanh của tiếng suối, lại vừa thể hiện tâm trạng âu lo của nhà thơ qua đó thấy được tấm lòng đối với thiên nhiên và con người của nhà thơ vĩ đại.

**GV phát phiếu học tập số 4.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh.**

“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,  
Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên;  
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,  
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**A.** Mở bài:  
– Giới thiệu những hiểu biết về Bác Hồ Chí Minh (là một vị lãnh tụ, nhà thơ, nhà thi sĩ tài ba,….)  
– Giới thiệu bài thơ “Rằm tháng giêng ” và cảm nghĩ của em về bài thơ. (Có thể nêu chút ít về hoàn cảnh)  
B. Thân bài:  
– Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác  
 Rằm xuân lồng lộng trăng soi  
– Thời gian và không gian trong hai câu thơ đầu của bài thơ “Nguyên tiêu” như đã tràn ngập vẻ đẹp và sức xuân.  
– Rằm xuân -> Hai từ này đã gợi cho chúng ta những liên tưởng không thể khác nhau đó là hình ảnh mặt trăng tròn đầy, ánh trăng bao trùm vạn vật trong đêm nguyên tiêu -> có cảm giác ánh trăng chưa bao giờ đẹp và tròn như thế.  
 Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân  
– Dưới ánh trăng sáng trong thật đẹp dẽ đó, điệp từ “xuân” gợi hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống của mùa xuân: cây cối, sông nước, bầu trời, mây gió,… trong đêm rằm đầu năm.  
– Cảnh vật vừa như có chiều cao của ánh trăng vừa có chiều rộng của sông nước “tiếp” giáp với bầu trời  
-> Tạo ra một không gian bao la vô tận.  
– 2 câu thơ này không tả mà giàu sức gợi hình ảnh, nhưng chứa đựng rất nhiều tâm trạng và nỗi lòng trong đó, như gợi màu sắc dù nó là bức tranh về cảnh khuya có 2 gam màu trắng và đen, sáng tối  
-> Người đọc như cảm thấy thích thú khi hình dung cảnh đêm xuân đẹp bao nhiêu thì càng cảm phục cái tài thơ của Bác bấy nhiêu…  
Giữa dòng bàn bạc việc quân  
– Chuyển ý  
– Trong khung cảnh nên đẹp và thơ mộng đến đi vào trong thơ ấy, giữa nơi mịt mù khói sóng Bác Hồ đang làm gì? Ánh trăng tuyệt đẹp kia không thể làm Bác xao lãng việc nước, việc quân  
 *Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*  
– Khuya rồi vậy mà trăng vẫn “mãn thuyền” vẫn như đang ngân nga đầy thuyền, trăng tràn ngập khắp nơi, tràn cả không gian rộng lớn, vẫn chờ, vẫn đợi cho dù Bác có bận đến đâu.  
– Con thuyền nhỏ cứ lờ lững xuôi dòng trong đêm nhưng không hề tối vì đã có ánh trăng đồng hành như một người bạn chung thủy sâu sắc -> thật hạnh phúc biết bao nhiêu  
– Trăng như đã gắn bó với người nghệ sĩ biết thưởng lãm, biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên hay nói gần hơn là vẻ đẹp của ánh trăng  
– Trong hoàn cảnh đất nước còn có biết bao nhiêu khó khăn gian khổ, ta vẫn cảm nhận sự hòa hợp kì diệu giữa cảnh và người  
-> thể hiện phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác về tương lai đât nước tươi sáng -> kính yêu Bác hơn  
C. Kết bài:  
Bài thơ “Rằm tháng giêng” giúp người đọc như đã hình dung một cách cụ thể bức tranh đêm trăng trên sông nước thật đẹp, hiểu thêm tấm lòng yêu dân, yêu nước, yêu thiên nhiên sâu sắc của vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già kính yêu của dân tộc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 2:** Giúp HS  - Biết viết đoạn văn ứng với nhiệm vụ từng phần trong bài viết phân tích một tác phẩm văn học.  **Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  HS tiếp nhận nhiệm vụ:   * + Chọn một dàn bài đã lập mà em ưng ý nhất theo những đề văn trên.   + Viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý đã lập sẵn.   B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS viết thành bài.  HS:  -Luyện viết  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **LUYỆN VIẾT VĂN THEO DÀN Ý**  **BÀI VIẾT THAM KHẢO CHO ĐỀ VĂN PHÂN TÍCH BÀI THƠ NGUYÊN TIÊU CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**  Bài thơ “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) là một trong những bài thơ nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bài thơ đã khắc họa được khung cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng cũng như qua đó bày tỏ tấm lòng yêu nước sâu nặng của Người:  “Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên, Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên; Yên ba thâm xứ đàm quân sự, Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”  Có lẽ hình ảnh ánh trăng không còn xa lạ gì trong thơ ca. Ta đã từng bắt gặp ánh trăng nhớ trong thơ Lý Bạch:  “Sàng tiền minh nguyệt quang, Nghi thị địa thượng sương. Cử đầu vọng minh nguyệt, Đê đầu tư cố hương.”  (Đầu giường ánh trăng rọi, Ngỡ mặt đất phủ sương. Ngẩng đầu nhìn trăng sáng, Cúi đầu nhớ cố hương)  Ánh trăng trong thơ Lý Bạch dường như mang nỗi nhớ về quê hương. Còn trong “Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh, ánh trăng lại mang một ý nghĩa khác.Nhà thơ đã xây dựng hình ảnh ánh trăng trong một đêm rằm tháng giêng với vẻ đẹp “nguyệt chính viên” - đó là lúc trăng ở vào độ tròn đầy và sáng nhất. Ánh trăng trong đêm rằm vốn đã đẹp nhưng ánh trăng trong đêm rằm tháng giêng lại đẹp hơn cả. Không chỉ vậy, sắc xuân từ ánh trăng giống như đang bao trùm lên mọi cảnh vật khiến cho “sông xuân”, “nước xuân” và “trời cũng thêm xuân”. Từ “xuân” được điệp lại tới ba lần như muốn khẳng định sắc xuân đang lan tỏa khắp không gian. Không gian ấy mở rộng ra cả ba chiều: chiều cao, chiều rộng và chiều sâu làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên rộng lớn hơn chứ không bó hẹp. Sự nối tiếp giữa “sông xuân”, “nước xuân” và “trời xuân” cũng gợi ra vẻ đẹp giao hòa giữa bầu trời và mặt đất đều tràn ngập ánh trăng.  Trong bức tranh thiên nhiên đầy thơ mộng đó, người chiến sĩ cách mạng vẫn không quên đi một nhiệm vụ quan trọng. Những năm tháng chiến tranh, mọi công việc hoạt động cách mạng đều phải diễn ra một cách âm thầm và kín đáo. Chính vì vậy, những người chiến sĩ cách mạng đã lựa chọn thời điểm trong đêm khuya để bàn bạc việc quân việc nước. Vì quá say sưa bàn luận mà họ dường như quên mất đi thời gian, để đến khi công việc đã xong xuôi mới nhận ra đêm đã khuya. Và ánh trăng lúc này cũng là sáng nhất. Hình ảnh “con thuyền” ẩn dụ cho sự thắng lợi của cách mạng. Con thuyền chứa đầy ánh trăng giống như thắng lợi của cách mạng không còn xa nữa. Đó chính là niềm tin của Bác Hồ vào sự nghiệp đấu tranh của dân tộc.  Như vậy, bài thơ “Rằm tháng giêng” đã khắc họa được bức tranh thiên nhiên trong đêm rằm tháng giêng đầy thơ mộng cùng tình yêu nước sâu sắc của Hồ Chí Minh. Không chỉ vậy, người đọc cũng thấy được một tâm hồn thi sĩ đầy tinh tế nhạy cảm của Bác Hồ. |

* **HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ**

**GV phát phiếu học tập số 5:**

**TÌM Ý, LẬP DÀN Ý VÀ VIẾT THÀNH BÀI VĂN HOÀN CHỈNH CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan.**

“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn”

**……………………………………………………………………………………….**

*Ngày soạn:15/2/2024*

**BÀI 1 - CHỦ ĐỀ 1: NHỮNG CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ**

**Tiết 97,98,99,100**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN LỊCH SỬ**

****

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện lịch sử trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện lịch sử.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để

ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại truyện lịch sử.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại truyện lịch sử, đặc trưng (cốt truyện; ngôn ngữ).  -Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I. TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ CẦN GHI NHỚ**  1. **Khái niệm**  *Là những tác phẩm truyện tái hiện lại nhân vật, sự kiện ở 1 thời gian của 1 giai đoạn lịch sử cụ thể.*  *Bối cảnh của thời đại trong quá khứ thường hiện lên 1 cách sống động dựa vào khả năng tưởng tượng, hư cấu của nhà văn.*  2. Đặc trưng  - Cốt truyện: Là những sự kiện đã xảy ra, được nhà văn tái tạo, hư cấu và sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật.  - Nhân vật:  +Thường là những nhân vật nổi tiếng (*Vua, chúa, anh hùng, danh nhân,…)*  + Các nhân vật thường hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện sự lí giải độc đáo của nhà văn.  - Ngôn ngữ:  + Có thể viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.  + Thể loại đa dạng.  + Thường mang những đặc trưng riêng, phù hợp với thời đại và mang nét tính cách của các đối tượng khác nhau.  II. Chủ đề của tác phẩm văn học  - Khái niệm: Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hoặc thông điệp chính mà tác giả truyền tải tới người đọc.  - Cách xác định:  + Dựa vào nội dung, sự việc chính.  + Dựa vào hệ thống nhất vận,  + Dựa vào cách đánh giá, thái độ của tác giả |

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ QUA VĂN BẢN LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi, phiếu học tập, yêu cầu HS trả lời và hoàn thành nội dung phiếu học tập.  ***Câu hỏi phát vấn****: Dựa vào kiến thức đã học, em liệt kê những yếu tố giúp ta có thể nhận biết một câu chuyện lịch sử?*  ***Câu hỏi phiếu học tập:*** *Em hãy điền các thông tin vào bảng thống kê sau để chứng minh* ***Lá cờ thêu sáu chữ vàng*** *là một tác phẩm truyện lịch sử.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Bối cảnh*** |  | | ***Cốt truyện*** |  | | ***Nhân vật*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ QUA VĂN BẢN LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG.**  1. Để xác định được tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* là một câu chuyện lịch sử, ta cần căn cứ vào đặc điểm của thể loại truyện lịch sử như: *Bối cảnh, cốt truyện, nhân vật và ngôn ngữ.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Bối cảnh*** | Câu chuyện xảy ra vào thời nhà Trần (Thế kỉ 13), lúc đó dân tộc ta đang phải đối mặt với sự xâm lược của giặc Nguyên Mông lần thứ 2. | | ***Cốt truyện*** | ***Gồm những sự kiện có thật trong lịch sử:***  -Vua Trần và các vương hầu họp bàn kế sách chống giặc Nguyên Mông tại bến Bình Than.  -Do nhỏ tuổi, Trần Quốc Toản không được dự họp nên chàng không màng sống chết xông vào thuyền đòi gặp vua để bày tỏ mong muốn đánh giặc.  -Vua hiểu nỗi lòng của chàng nên không trách phạt mà ban cho một quả cam.  - Quốc Toản quyết định trở về quê chiêu mộ binh mã để đánh giặc. | | ***Nhân vật*** | Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo ( Tức vua Trần Nhân Tông), Hưng Đạo Vương, Chiêu Quốc Vương, Chiêu Minh Vương, Chiêu Thành Vương là những nhân vật có thật trong lịch sử. | | ***Ngôn ngữ*** | Sử dụng các từ ngữ mang màu sắc lịch sử, thời đại xa xưa như:*thần tử, hội sư, vương hầu, đồ nghi trượng, người nội thị, chiêu binh mãi mã…*  Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật thể hiện nguyên tắc giao tiếp của thời đại như:*Cúi xin quan gia cho chém đầu để nghiêm quân lệnh; Ta tâu với quan gia cho đánh; Quan gia ban cho ta quả cam này; Ơn vua lộc nước, ta đem về biếu mẫu thân.* | |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản truyện lịch sử trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **BÀI TẬP 1:**  **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu câu hỏi trắc nghiệm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi trong phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Động viên, khích lệ các hs có nhiều câu trả lời đúng.**    **BÀI TẬP 2:**  **Mục tiêu:** giúp HS rèn kĩ năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình về nhân vật, chi tiết sự việc trong tác phẩm văn học trước đám đông.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc lại văn bản trong SGK.  ( Phân vai cho hs đọc)  - GV phát vấn:  *Câu 1: Em có những ấn tượng như thế nào về nhân vật Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản?*  *Câu 2: Chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam thể hiện điều gì?*  *Câu 3: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI TẬP 3**  **Mục tiêu:** giúp HS củng cố thêm kĩ năng làm bài đọc hiểu qua một đoạn trích với các dạng câu hỏi khác nhau.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV phát phiếu học tập cho HS .  **Đọc kĩ đoạn văn sau**  *[…] Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm:*  *- Không buông ra, ta chém!*  *Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vưong hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá, viên tướng nói:*  *- Quân pháp vô thân, hầu không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng 1ệnh.*  *Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:*  *- Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!*  *Viên tướng tái mặt, hô quân sĩ vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.*  (Trích Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng).  **\* Trả lời các câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất:**  **1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?**  A.Tự sự  B. Miêu tả  C. Biểu cảm  D. Nghị luận  **2**. **Ngôi kể nào được sử dụng trong đoạn văn?**  A. Ngôi thứ nhất  B. Ngôi thứ 2  C. Ngôi thứ 3  D. Không có ngôi kể.  **3. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?**  A. Vua  B. Viên tướng  C. Hoài Văn  D. Viên tướng và Hoài Văn  **4. Sự việc Hoài Văn gây náo loạn diễn ra ở đâu?**  A. Bến Nhà Rồng  B. Bến Bình Than  C. Bến Sông Hương  D. Sông Bến Hải Câu .  **5. Tại sao Hoài Văn lại không được tham gia cuộc họp ở Bến Bình Than?**  A. Vì chàng chưa đủ tuổi.  B. Vì chàng không đủ tài năng để dự họp.  C. Vì vua cấm chàng không được họp.  D. Vì chàng muốn tới đó để tỏ rõ uy thế của mình.  **6. Tại sao Hoài Văn lại muốn gặp vua?**  A. Vì Hoài Văn và vua có mối quan hệ ruột thịt.  B. Vì Hoài Văn muốn tham gia nghị bàn việc nước.  C. Vì Hoài Văn muốn bày tỏ quan điểm và nói với vua “xin đánh” giặc chứ không cho giặc mượn đường.  D. Không có lí nào cả.  **7. Tại sao quân lính lại nể mặt Hoài Văn và cho chàng đứng trên bến Bình Than từ sáng?**  A. Vì Hoài Văn là một vương hầu.  B. Vì Hoài Văn rất cứng cỏi.  C. Vì Hoài Văn là một người khó bảo.  D. Vì ai cũng sợ Hoài Văn chém.  **8. Câu văn nào diễn tả hành động quyết tâm gặp vua bằng mọi giá của Hoài Văn?**  A. Không buông ra, ta chém!  B. Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!  C. Cả A và B  D. Xin hãy cho ta được gặp bệ hạ.  **9. Những câu văn nào trong đoạn diễn tả suy nghĩ của Hoài Văn để chàng quyết định xuống bến gặp bằng được nhà vua?**  A. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.  B. Đứng mãi đây cho đến bao giờ?  C. Thôi thì liều một chết vậy.  D. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.  **\* Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau bằng vài gạch đầu dòng.**  **Câu 1. Em cảm nhận được điều gì về nhân vật Hoài Văn qua dòng độc thoại sau:***“Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.”?*  **Câu 2. Từ câu chuyện của Hoài Văn, em có cho rằng trong cuộc sống, người không tuân thủ quy định, luật lệ luôn đáng trách không? Vì sao?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phiếu học tập và chuẩn bị trình bày câu hỏi tự luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đáp án.  - GV yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI TẬP 4**  **Mục tiêu:** Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm văn học cho HS.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn hs lập ý viết đoạn.  - GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn.  ***Câu hỏi****:* Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản qua đoạn trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS viết đoạn văn và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời hs phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, sửa lỗi cho hs. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **BÀI TẬP 1: Chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời câu hỏi**  **Câu 1:**  Lá cờ thêu sáu chữ vàng thuộc thể loại truyện gì?   1. Truyện lịch sử. 2. Truyện đồng thoại. 3. Truyện ngắn. 4. Hồi kí.   **Câu 2:**  Tác giả của “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?   1. Nguyễn Huy Tưởng. 2. Xuân Diệu. 3. Tố Hữu. 4. Nguyễn Du.   **Câu 3:**  “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” sáng tác năm bao nhiêu?   1. 1942. 2. 1960. 3. 1946. 4. 1961.   **Câu 4:** “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” gồm bao nhiêu phần?   1. 16 phần. 2. 17 phần. 3. 18 phần. 4. 19 phần.   **Câu 5:** Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” trong SGK được trích từ phần nào của tác phẩm?   1. Trích phần 1 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 2. Trích phần 2 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 3. Trích phần 3 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 4. Trích phần 4 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*   **Câu 6:** Nhân vật chính trong tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?   1. Văn Hoài. 2. Trần Quốc Tuấn. 3. Hưng Đạo Vương. 4. Trần Quốc Toản.   **Câu 7:** Trần Quốc Toản là một thiếu niên sớm mồ côi mẹ đúng hay sai?   1. Đúng. 2. Sai.   **Câu 8:** Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta?   1. Cấu kết với nước ta xâm chiếm nước khác. 2. Thông thương với nước ta. 3. Giúp đỡ nước ta. 4. Xâm chiếm nước ta.   **Câu 9:** Trần Quốc Toản xin gặp vua để làm gì?   1. Để xin vua ra lệnh hòa hoãn. 2. Để xin vua ra lệnh đầu hàng. 3. Để xin vua ra lệnh đánh giặc. 4. Để xin vua ra lệnh rút lui.   **Câu 10:** Gặp được vua, Trần Quốc Toản đã nói gì với vua?   1. Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước. 2. Xin quan gia suy xét! Cho giặc mượn đường là mất nước. 3. Xin quan gia cảnh giác! Cho giặc mượn đường là mất nước. 4. Xin quan gia cân nhắc! Cho giặc mượn đường là mất nước.   **Câu 11:** Cốt truyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* dựa trên bối cảnh lịch sử nào?   1. Cuộc kháng chiến chống Pháp. 2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ. 3. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ hai. 4. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ nhất.   **Câu 12:** Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản có tâm trạng như thế nào khi phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than?   1. Vô cùng ấm ức, vừa hờn vừa tủi. 2. Vui mừng, hạnh phúc. 3. Buồn bã, do dự. 4. Tất cả các đáp án trên đều sai.   **Câu 13:** Quang cảnh, không khí ở bến Bình Than – nơi diễn ra hội nghị quan trọng như thế nào?   1. Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch. 2. Đầy những thuyền lớn nhỏ, cờ, hoa và biểu ngữ, không khí vui tươi, hân hoan. 3. Tấp nập người qua lại, nhộn nhịp, không khí mới lạ đầy thú vị. 4. Đầy những thuyền lớn của vua quan, không khí vui vẻ.   **Câu 14:** Tác phẩm khai thác những gương mặt tiêu biểu nào?   1. Thúy Kiều, Thúy Vân, Sở Khanh. 2. Sơn Tinh, Thủy Tinh. 3. Mị Châu, Trọng Thủy. 4. Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật.   **Câu 15:** Điều gì sẽ xảy ra khi Hoài Văn có hành động vượt khuôn phép?   1. Hoài Văn sẽ được gặp vua. 2. Hoài Văn sẽ bị binh lính bắt giữ. 3. Hoài Văn sẽ chết. 4. Đáp án A,C đúng.   **Câu 16:** Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương – các con trai của Hưng Đạo Vương hơn Hoài Văn bao nhiêu tuổi?   1. 3 tuổi. 2. 4 tuổi. 3. 5 tuổi 4. Dăm 6 tuổi.   **Câu 17:** Hoài Văn có hành động gì khi không chịu được cảnh chờ đợi?   1. Liều mạng xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. 2. Mắt trừng lên một cách điên dại: “Không buông ra, ta chém!”. 3. Mặt đỏ bừng bừng, quát binh lính. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 18:** Hoài Văn giải thích như thế nào về hành động liều mạng của mình?   1. Khi có quốc biến, đến đứa trẻ cũng phải lo. 2. Vua lo thì thần tử cũng phải lo. 3. Tuy Hoài Văn chưa đến tuổi dự bàn việc nước nhưng chàng không phải giống cỏ cây nên không thể ngồi yên được. 4. Tất cả các đáp đều đúng.   **Câu 19:** Chọn câu **không** đúng trong các câu dưới đây   1. Trần Quốc Toản là thiếu niên anh hùng, sau này chính là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. 2. Trần Quốc Toản là anh vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên. 3. Trần Quốc Toản là con trai vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên. 4. Trần Quôc Toản là em vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.   **Câu 20:** Vì sao vua không những tha tội mà còn ban cho Quốc Toản cam quý?   1. Vì Quốc Toản là em trai vua nên có thể tha thứ được. 2. Vì vua cho rằng quốc toản còn nhỏ tuổi nên nông nổi. 3. Vì vua thấy Quốc Toản còn nhỏ mà có chí lớn. 4. Vì Quốc Toản thuộc tôn thất.   **BÀI TẬP 2:**  **Câu 1:** Ấn tượng về nhân vật Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản:   * *Tuổi trẻ, nóng tính, thiếu kiềm chế bản thân.* * *Mạnh mẽ, dũng cảm, ngay thẳng, dám làm dám chịu.* * *Có lòng yêu quê hương và có ý thức trách nhiệm với vận mệnh của đất nước.*   **Câu 2:** Chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam thể hiện:tâm trạng *tủi hổ vì bị coi thường là trẻ con, uất giận, căm thù lũ giặc và quyết tâm đánh giặc cứu nước của Trần Quốc Toản.*  **Câu 3:** Bài học gì từ câu chuyện:   * *Tuổi trẻ phải có trách nhiệm với đất nước.* * *Biết đặt lợi ích của đất nước lên trên lợi ích của bản thân.* * *Góp công sức của mình để bảo vệ, xây dựng quê hương đất nước.* * *Khi quyết tâm thực hiện điều gì thì phải cố gắng tìm mọi cách dể đạt được kết quả như mong muốn.* * *Người lãnh đạo cần có cái nhìn độ lượng, khoan dung với cấp dưới, không trách nhầm, phạt nhầm với người ngay thẳng, chính trực.*   **BÀI TẬP 3**  ***Gợi ý đáp án câu 1***  - Hoài Văn nôn nóng, sốt ruột muốn được muốn gặp vua; dám liều mạng dù biết là tội chết vì Hoài Văn biết nếu triều đình cho giặc mượn đường sẽ mất nước, chàng rất lo cho sự an nguy của đất nước, vì thế thà liều chết còn hơn mất nước.  - Hoài Văn là người tuổi trẻ nhưng đầy dũng cảm, bản lĩnh, có chí khí, trí tuệ, tầm nhìn và đặc biệt có lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước…  ***Gợi ý đáp án câu 2***  \* Không đáng trách  - Nếu luật lệ cứng nhắc, vô lý.  - Nếu sự việc cấp bách, không thể chậm trễ, trì hoãn. Hoài Văn không tuân thủ phép nước. Song, đặt vào hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, khi vận nước lâm nguy, việc nước không thể chậm trễ thì sự không tuân thủ của Hoài Văn lúc đó lại là cần thiết.  \* Đáng trách  Quy định, luật lệ nếu đúng thì việc tuân thủ là vô cùng cần thiết.  Bởi vậy, nếu không tuân thủ sẽ là đáng trách vì:  + Thể hiện tính vô tổ chức kỷ luật, không tôn trọng người khác, không tôn trọng tập thể.  + Gây ảnh hưởng đến tập thể, thậm chí gây ra những hậu quả tai hại khôn lường…  \* Vừa đáng trách, vừa không đáng trách  - Kết hợp hai cách lí giải trên.  **BÀI TẬP 4**  **Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản qua đoạn trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.**  *“Lá cờ thêu sáu chữ vàng” của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng là một tác phẩm truyện lịch sử tiêu biểu kể về sự việc giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ 2 (năm 1285). Đây là giai đoạn lịch sử hào hùng với hào khí Đông A tỏa sáng. Đọc xong tác phẩm, chúng ta không khỏi cảm thán về Trần Quốc Toản - nhân vật chính của truyện. Trần Quốc Toản được xây dựng trong tác phẩm là một thiếu niên anh dũng, sớm có ý thức trách nhiệm với non sông. Tủi hổ vì bị coi là trẻ con,không được tham gia Hội nghị Diên Hồng, Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đã nhịn đói, rong ruổi ngựa suốt một ngày dưới nắng hè tìm đến bến Bình Than - nơi họp bàn việc nước của nhà vua, xông vào đó bất chấp sự ngăn cản của các tướng sĩ chỉ để bày tỏ ý chí quyết tâm đánh giặc mà không màng nguy hiểm đến tính mạng. Uất giận, căm thù lũ giặc cướp nước,Trần Quốc Toản đã tự dựng cờ nghĩa với sáu chữ vàng Phá cường địch báo hoàng ân, nhanh chóng thu phục được hơn sáu trăm trai tráng thành lập quân đội, luyện tập võ nghệ, lên đường đánh giặc… Có thể nói, qua hình tượng Hoài V ăn Hầu, Nguyễn Huy Tưởng đã rất thành công khi khắc họa tấm gương thiếu niên yêu nước dũng cảm để người đời sau học tập và noi theo.* |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*( …) Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương : “Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?” Hưng Vũ Vương thưa: “Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!” Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.*

*Lại một hôm Trần Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:“Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ” Quốc Tuấn rút gươm kể tội:“Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra”. Định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương: “Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.”(…)*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 43, SGK Ngữ văn 10, Tập II, NXBGD 2006)

1. Văn bản trên kể về sự việc gì?

2. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?

3. Xác định biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó?

4. Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học giáo dục con cái trong cuộc sống hôm nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1. Văn bản trên kể về sự việc: Quốc Tuấn thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau.

2. Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự.

3. Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai: biện pháp đối lập.

Hiệu quả nghệ thuật: Qua biện pháp đối lập, câu chuyện thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau: ngầm cho là phải (với Quốc Hiến) và định giết, kể tội, đến chết không cho gặp mặt…(với Quốc Tảng) đã càng làm rõ tính cách thận trọng, trung nghĩa và lối giáo dục con cái trong nhà một cách rất công bằng và nghiêm khắc của Hưng Đạo Vương.

4. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức:

- Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Nội dung:

+ Cách giáo dục con cái của Hưng Đạo Vương vừa công bằng, vừa nghiêm khắc. Hưng Vũ Vương có cách trả lời ứng xử thấu tình đạt lí. Quốc Tảng trả lời có ý bất trung đã làm cho Hưng Đạo Vương nổi giận rút gươm định trị tội đứa con nghịch tử.

+ Ngày nay, những bậc làm cha mẹ cần học cách giáo dục con cái một cách đúng đắn. Được giáo dục tốt, con người sẽ sống lương thiện, tích cực, có trách nhiệm với xã hội, gia đình, bản thân. Không nhận được sự giáo dục tốt, con người sẽ trở nên ích kỷ, xấu xa, độc ác.

+ Trong xã hội hiện nay có nhiều cha mẹ nuông chiều con cái, chăm lo về tri thức, vật chất nhưng thiếu quan tâm, uốn nắn đến tính cách cho con dẫn đến nhiều bạn trẻ sống ích kỷ, có suy nghĩ lệch lạc, sai lầm.

**ĐỀ 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Tháng 6, ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:*

*“Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?”*

*Hưng Đạo Vương trả lời:*

*- “Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.”*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 42, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

1/ Nêu ý chính của văn bản trên ?

2/ Xác định biện pháp tu từ( về từ) trong đoạn: Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

3/ Trong văn bản có nói đến binh pháp. Binh pháp là gì? Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1/ Văn bản trên có ý chính: Lời trình bày về kế sách giữ nước của Trần Quốc Tuấn với vua.

2/ Biện pháp tu từ( về từ): so sánh:

*- Quân nó kéo đến như lửa, như gió*

*- Nó tiến chậm như các tằm ăn*

- Xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy

- Có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được

Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.

3/ Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng.

- Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tuỳ thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức:

- Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Nội dung:

+ Tư tưởng khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.

+ Những biểu hiện cụ thể khoan thư sức dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống lấy dân làm gốc của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi.

+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.

+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

**Đề 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: “[Người này] ngày sau cổ thê giúp nước cứu đời”. Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng, mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn […]*

*Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất mrớc, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”. Quốc Tuấn trả lời: “[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”. Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chủng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thẳng lớn.*

(Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên… soạn thảo, Đại Việt sử kí toàn thư, Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam dịch, NXB Khoa Học Xã Hội)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2: Câu văn Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ có đặc điểm gì đặc biệt về cấu trúc ngữ pháp? Điều này thể hiện đặc điểm gì của phương thức biểu đạt của văn bản mà anh (chị) vừa chỉ ra ở câu trên?

Câu 3: Trần Quốc Tuấn được miêu tả trên mấy phương diện? Đó lá những phương diện nào? Đoạn trích có sử dụng chi tiết kì ảo nào?

Câu 4: Trong khoảng 5-7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về một bậc anh hùng trong lịch sử mà anh (chị) biết.

**\*** **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là phương thức thuyết minh (về một nhân vật lịch sử), cụ thể ở đây là thuyết minh về Trần Qúốc Tuấn.

Câu 2: Câu văn là câu rút gọn (rút gọn thành phần chủ ngữ).

Thể hiện đặc điểm của văn bản thuyết minh: ngắn gọn, chủ yếu hướng đến việc cung cấp thông tin cho người đọc.

Câu 3: Trần Quốc Tuấn được miêu tả trên hai ý chính:

+ Ý 1: Trần Quốc Tuấn thời còn nhỏ với lời tiên đoán của thầy tướng và những nét khái quát nhất về tuổi thơ của ông.

+ Ý 2: Khi Trần Quốc Tuấn trưởng thành, ông được miêu tả là một con người quyết đoán, có tấm lòng yêu nước sâu sắc, đánh giặc lập công hiếm có, tiếng vang khắp nơi.

Trong đoạn trích có sử dụng yếu tố huyền bí, kì ảo là: Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng.

lớn vừa thể hiện đặc điểm của văn học cổ với niềm tin của nhân dân vào thần thánh, vừa để nâng cao vị thế của Trần Quốc Tuấn hiện lên mức thánh thần của dân tộc, nâng cao vẻ đẹp của nhân vật lịch sử.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Bậc anh hùng đó là ai? Diện mạo, tính’cách của nhân vật đó như thế nào?

- Học sinh có thể kể những câu chuyện mình biết về nhân vật anh hùng đó.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

**Đề 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

*Tháng 6 , ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:“Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?” Hưng Đạo Vương trả lời:*

*-“Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.”*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 42, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

a. Xác định biện pháp tu từ( về từ) trong đoạn: Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Biện pháp tu từ( về từ): so sánh:  *quân nó kéo đến như lửa, như gió - nó tiến chậm như các tằm ăn - xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy - có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được*.

- Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.

b. Trong văn bản có nói đến binh pháp. Binh pháp là gì?

Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng. Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tùy thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

Câu 2: Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

-Nội dung:

+ Tư tưởng khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.

+ Những biểu hiện cụ thể khoan thư sức dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống lấy dân làm gốc của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi.

+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.

+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

**Đề 5: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

(…) Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương: “Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?” Hưng Vũ Vương thưa: “Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!” Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Trần Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa: “Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.”

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

- “Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra”.

Định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương: “Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.”(…)

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 43, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

a. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

a. Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự

b. Xác định biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai?

Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó ?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai: biện pháp đối lập.

Hiệu quả nghệ thuật: Qua biện pháp đối lập, câu chuyện thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau: ngầm cho là phải (với Quốc Hiến) và định giết, kể tội, đến chết không cho gặp mặt…( với Quốc Tảng) đã càng làm rõ tính cách thận trọng, trung nghĩa và lối giáo dục con cái trong nhà một cách rất công bằng và nghiêm khắc của Hưng Đạo Vương.

Câu 4: Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học giáo dục con cái trong cuộc sống hôm nay.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

-Nội dung:

+ Cách giáo dục con cái của Hưng Đạo Vương vừa công bằng, vừa nghiêm khắc. Hưng Vũ Vương có cách trả lời ứng xử thấu tình đạt lí. Quốc Tảng trả lời có ý bất trung đã làm cho Hưng Đạo Vương nổi giận rút gươm định trị tội đứa con nghịch tử.

+ Ngày nay, những bậc làm cha mẹ cần học cách giáo dục con cái một cách đúng đắn. Được giáo dục tốt, con người sẽ sống lương thiện, tích cực, có trách nhiệm với xã hội, gia đình, bản thân. Không nhận được sự giáo dục tốt, con người sẽ trở nên ích kỷ, xấu xa, độc ác.

+Trong xã hội hiện nay có nhiều cha mẹ nuông chiều con cái, chăm lo về tri thức, vật chất nhưng thiếu quan tâm, uốn nắn đến tính cách cho con dẫn đến nhiều bạn trẻ sống ích kỷ, có suy nghĩ lệch lạc, sai lầm.

Câu 5: Trong khoảng 5-7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về một bậc anh hùng trong lịch sử mà anh (chị) biết.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Bậc anh hùng đó là ai?

- Diện mạo, tính cách của nhân vật đó như thế nào?

- Học sinh có thể kể những câu chuyện mình biết về nhân vật anh hùng đó.

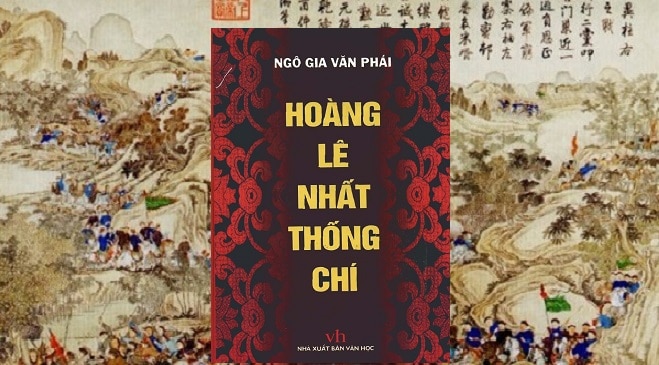
Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí .

**Bài mẫu tham khảo:**

*Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300) – người đã được vua Trần giao cho thống lĩnh quân đội, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang. Người nổi tiếng là biết trọng kẻ sĩ thu phục nhân tài. Trần Quốc Tuấn là một người anh hùng dân tộc, nhà quân sự thiên tài, lòng yêu nước của ông nước thể hiện rõ qua văn bản "Hịch tướng sĩ", văn bản khích lệ tướng sĩ học tập cuốn "Binh thư yếu lược" do ông biên soạn. Trước sự lâm nguy của đất nước, lòng yêu nước thiết tha của vị chủ soái Trần Quốc Tuấn được thể hiện ở lòng căm thù sục sôi quân cướp nước. Ta hãy nghe ông kể tội ác của giặc: "Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, vét của kho có hạn, thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai hoạ về sau!". Tác giả gọi giặc là "cú diều, dê chó, hổ đói" không chỉ vạch trần sự tham lam, độc ác mà còn vạch rõ dã tâm xâm lược của giặc; thể hiện sự khinh bỉ, căm ghét tột độ. Không chỉ kể tội ác của giặc mà Trần Quốc Tuấn còn bày tỏ nỗi đau xót trước nỗi nhục của quốc thể, nỗi đau đớn xót xa. Đó là biểu hiện của sự sẵn sàng xả thân để rửa nhục cho nước, để bảo vệ nền độc lập của dân tộc, khát vọng nước xả thân cho nước: "Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".*

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

**( TRÍCH “ HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ” – NGÔ GIA VĂN PHÁI)**

****

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ**

**QUA VĂN BẢN: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

****

* **Mục tiêu: hs ghi nhớ nội dung cốt truyện, nhận diện đặc điểm thể loại truyện lịch sử qua văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.  ***Câu hỏi phát vấn****:*   1. *Em hãy kể tóm tắt văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh.* 2. *Câu chuyện diễn ra vào bối cảnh lịch sử nào?* 3. *Em hãy kể tên các nhân vật lịch sử có trong đoạn trích.* 4. *Hãy đọc lại đoạn vua Quang Trung ra doanh phủ dụ binh lính. Qua đoạn trích này, em có nhận xét gì về ngôn ngữ của nhân vật vua Quang Trung khi phủ dụ binh sĩ.* 5. *Ấn tượng của em về nhân vật vua Quang Trung qua đoạn trích?*   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi phát vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu.  - GV yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức văn bản cần ghi nhớ:**  **1.** ***Tóm tắt văn bản:***  Ngày 21 tháng 12 năm 1786, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ nhận được tin báo khẩn cấp của Ngô Văn Sở về việc quân Tây Sơn bỏ Thăng Long rút lui về Tam Điệp. Ngày hôm sau, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lập tức thống lĩnh đại quân Tây Sơn tiến ra Bắc. Ngày ba mươi tháng Chạp, đến núi Tam Điệp, vua mở tiệc khao quân, hẹn mùng bảy năm mới vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Bằng tài chỉ huy thao lược của Quang Trung, đạo quân của Tây Sơn tiến lên như vũ bão, nửa đêm mùng 3 Tết, đánh chiếm thành công đồn Hà Hồi, sau đó tiến vào Ngọc Hồi, quân giặc thua chạy tán loạn. Trưa mồng 5, Quang Trung tiến quân giải phóng Thăng Long. Quân giặc thảm bại, Tôn Sĩ Nghị khiếp vía trốn về nước. Lê Chiêu Thống sợ hãi đưa thái hậu cũng tùy tùng bỏ trốn cướp cả thuyền của dân, đuổi theo Tôn Sĩ Nghị.  2. ***Bối cảnh lịch sử nước ta cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19.***Câu chuyện tái hiện lại sự kiện có thật trong lịch sử, mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789) vua Quang Trung đã chỉ huy nghĩa quân Tây Sơn đánh tan 20 vạn quân Thanh một cách thần tốc. Bè lũ vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước cầu vinh cũng phải bỏ chạy theo giặc hết sức thảm hại.  3. ***Tên các nhân vật lịch sử*** có trong đoạn trích: Quang Trung, Nguyễn Thiếp, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị…  4. ***Nhận xét về ngôn ngữ nhân vật vua Quang Trung khi phủ dụ binh sĩ***: mang đậm màu sắc lịch sử, thể hiện được địa vị, sự oai phong, bản lĩnh, tính cách mạnh mẽ, thái độ quyết đoán, rõ ràng, giàu tự tôn dân tộc, tỏ rõ ý chí quyết tâm đánh đuổi kẻ thù xâm lược và tầm nhìn xa trông rộng của một vị tướng có tài năng quân sự….  5. ***Nhận xét về nhân vật vua Quang Trung***:  - Quyết đoán, mạnh mẽ, anh minh, có tầm nhìn xa trông rộng, có tài dùng người.  - Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, có tài thao lược…. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản truyện lịch sử trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   GV đặt câu hỏitạo tình huống để hs trình bày cảm nhận cá nhân về nhân vật trong tác phẩm và giá trị nghệ thuật trong xây dựng hình tượng nhân vật theo tuyến đối lập, nhận thức được thông điệp của tác phẩm.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi:  *1.* *Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật nào? Tại sao?*  *2. Chia sẻ những hiểu biết của em về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ?* 3. Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích? *4.Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? Thông điệp ấy có giá trị với cuộc sống hôm nay như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **BÀI TẬP 1**   1. HS có thể trình bày cảm nhận cá nhân của mình dựa trên sự hiểu biết về các nhân vật được phản ánh trong đoạn trích. Có thể là nhân vật chính diện hoặc nhân vật phản diện.   Ví dụ:  \* *Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật chính diện vua Quang Trung – một vị tướng tài ba, mạnh mẽ, oai phong, giàu tinh thần tự tôn dân tộc, có tài dùng binh, thao lược thần tốc trên chiến trường – một vị vua anh minh sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng.*  *\* Hoặc: Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật phản diện vua Lê Chiêu Thống.*  *- Vua Lê Chiêu Thống là một ông vua bù nhìn, đặt lợi ích cá nhân lên trước lợi ích của đất nước, là kẻ bán nước cầu vinh, vì quyền lợi của bản thân sẵn sàng quỳ gối nhận lễ sắc phong bề tôi của vua Thanh, mở đường cho quân giặc vào thành xâm lược nước ta.*  *- Hèn nhát, run sợ bỏ chạy theo Tôn Sĩ Nghị về phương Bắc khi quân Tây Sơn tấn công vào thành Thăng Long và quân Thanh thảm bại.*  *2 Chia sẻ những hiểu biết của em về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ.* ***Trả lời*** *Nguyễn Huệ (1755 - 1792), còn gọi là vua Quang Trung, là người anh hùng áo vải đã đánh đổ cả hai chính quyền phản động ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, người đã lập nên những chiến công hiển hách chống quân xâm lược Xiêm và Mãn Thanh, thực hiện được khát vọng thống nhất đất nước của dân tộc vào cuối thế kỉ thứ 18.*  3/ *Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích*  ***Trả lời*:** *Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn có tác dụng ca ngợi sự dũng mãnh, đồng lòng chiến đấu, sẵn sàng xả thân vì đất nước, tôn vinh những chiến công hiển hách của quân Tây Sơn => Qua đó làm nổi bật hình tượng vị anh hùng áo vải với trí tuệ sáng suốt, mạnh mẽ và quyết đoán trong lịch sử nước nhà. Đồng thời phê phán, tố cáo kẻ thù xâm lược và bè lũ vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước hại dân.*  4/.Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn *gửi* *gắm đến người đọc thông điệp về lòng yêu nước và tôn trong lịch sử dân tộc.*   * *Thông điệp ấy đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Từ xưa đến nay, dân ta luôn có một lòng yêu nước nồng nàn và cách thể hiện lòng yêu nước trong mỗi thời kì có khác nhau để phù hợp với điều kiện lịch sử.* * *Tôn trọng lịch sử dân tộc cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước, thể hiện sự kính trọng với những gì mà thế hệ trước đã làm được, đồng thời cũng là bài học để thế hệ sau học hỏi, tránh phải những sai lầm không cần thiết.* |

**-------------------------------------------------------------------------**

**Ngày soạn: 23/2/2024**

**TIẾT 105,106:**

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**Đề 1: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.**

(1)Thái Tổ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam Sơn, xứ Thanh Hóa, có chí khí từ thuở nhỏ. Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng như áng, một bữa đi qua lam sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng chỗ này là chỗ đất hay đây mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trưởng ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

(2)Cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh sang đánh bắt được cả hai bố con Hồ Quý Ly đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lắm sự tàn ác: Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng; nào là bắt dân mò hạt trân châu. Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa rùa chín đuôi, vượn bạch, trăn to. Lại lắm chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi thế trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm. Thái Tổ trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

(Phan Kế Bính, Lê Thái Tổ, in trong Nam Hải dị nhân, NXB Trẻ)

***Câu 1: Sửa những lỗi chính tả có trong đoạn (1).***

***Câu 2: Xét về cấu tạo ngữ pháp, các câu:***

Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa rùa chín đuôi, vượn bạch, trăn to. Lại lắm chính sự tàn ác thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi thế trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm***có gì đặc biệt? Em hãy phân tích tác dụng của việc sử dụng những câu có cấu tạo ngữ pháp như vậy.***

***Câu 3: Đoạn (2) sử dụng những phép liên kết nào?***

**GỢI Ý LÀM BÀI**

**Câu 1**: Đoạn trích sai những lỗi về dấu câu và viết hoa.

a, Đoạn sai: Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng như áng, một bữa đi qua lam sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng chỗ này là chỗ đất hay đây mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cải làm hào trưởng ở xứ ấy.

* + Sửa lại:

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng Như Áng, một bữa đi qua Lam Sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng: “Chỗ này là chỗ đất hay đây!” mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trưởng ở xứ ấy.

Đã sửa những chỗ in hoa, đổi câu nói của ông cụ thành lời dẫn trực tiếp (được trích trực tiếp trong câu văn) và thêm dấu câu.

Yêu cầu: học sinh chỉ cần chép đúng được đoạn văn, chỉ ra đã sửa chỗ nào, không cần chép lại nội dung đoạn sai.

**Câu 2**: Các câu được trích dẫn xét theo cấu tạo ngữ pháp được xếp vào câu rút gọn (rút gọn thành phần chủ ngữ).

Tác dụng:

Thể hiện được đặc điểm của văn bản thuyết minh, chỉ chú trọng cung cấp được nhiều thông tin nên có những câu ngắn gọn như vậy.

Sử dụng những câu rút gọn có cùng cấu trúc là cách tác giả liệt kê những chính sách bóc lột của chính quyền làm cho nhân dân khốn đốn.

**Câu 3**: Các phương thức liên kết sử dụng trong đoạn trích (2) là:

Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về bóc lột: chiếm giữ, tàn ác, khai mỏ vàng, cấm, nộp cống, chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, khốn đốn…

Phép điệp: Lại, nào là,…

Tác dụng: Liên kết nội dung của đoạn văn hướng về chủ đề chính là phê phán chính sách bóc lột vô lí khiến nhân dân khốn đốn. Đặc biệt là việc liệt kê đã khiến cho tội ác được nhấn mạnh rõ ràng.

**Đề 2: Đọc văn bản sau và thực hiện theo các yêu cầu:**

*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**TRẢ LỜI CÂU HỎI BẰNG CÁCH CHỌN MỘT PHƯƠNG ÁN ĐÚNG NHẤT.**

**Câu 1:** Tác giả của bài Bên bờ Thiên Mạc là ai?

A. Hà Ân

B. Đỗ Phủ

C. Hàn Mặc Tử

D.  Trương Kế

**Câu 2:** Bối cảnh được đặt ra trong đoạn trích là khi nào?

A. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ nhất.

B. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai.

C. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ ba.

D. Tất cả những ý trên đều đúng.

**Câu 3:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Tự sự

B. Biểu Cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

**Câu 4.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 5.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 6.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 7*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 8.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 9.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**Câu 1:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

→ Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

# Câu 2*.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (7 đến 9 câu) em hãy nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Chi tiết:**

+ “ Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh”.

+ Màn đấu kiếm giữa Quang Trung và một tướng quân Thanh trong trận Chi Lăng.

+….

* Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu.
* Ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy.
* Tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh , mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc.
* Sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung được thể hiện rõ qua chi tiết này.

→ Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền.

* Em khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong văn bản "Quang Trung đại phá quân Thanh," chi tiết "Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh" là một điểm nhấn đặc biệt khiến em ấn tượng sâu sắc. Đây là một hành động mạnh mẽ và bất ngờ, tạo nên một cảm giác của sự quyết đoán và sự táo bạo trong cuộc chiến. Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu. Hành động này không chỉ thể hiện sự tương xứng với tình hình chiến đấu, mà còn cho thấy ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy. Quang Trung đã không để cho quân Thanh có thời gian thu xếp và lấy lại quyền kiểm soát trong khu vực đó. Thay vào đó, ông đã tận dụng sự ngạc nhiên của đối phương để tạo ra một cuộc tấn công không chút do dự. Việc thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh không chỉ đòi hỏi sự táo bạo mà còn đòi hỏi sự kiên nhẫn và quyết định dứt khoát. Quang Trung đã chứng tỏ một tinh thần không chịu đánh mất thời gian và không sợ khó khăn. Ông đã tận dụng cơ hội để tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh và mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc. Qua chi tiết này, người đọc như cảm nhận được sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung. Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền. Điều này gợi lên trong em sự khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

1. Tìm đọc các tác phẩm truyện lịch sử. Ghi lại nội dung cốt truyện và chỉ ra các yếu tố lịch sử có trong tác phẩm.
2. Chuẩn bị nội dung bài ôn tập tiếp theo.

*…………………………………………………………………………………………………….*

*Ngày soạn:*

**BÀI 1: CHỦ ĐỀ 1**

**TUẦN 2 - Tiết 6,7: ÔN TẬP PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆT NGỮ XÃ HỘI VÀ TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương.

- Hiểu và phân biệt được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương và từ toàn dân.

- Vận dụng được kiến thức vào thực hành giải quyết các dạng bài tập.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**TIẾT 6: ÔN TẬP BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**Mục tiêu:** HS hiểu và nhận diện được biệt ngữ xã hội, biết lụa chon sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp với ngữ cảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập và yêu cầu HS làm nhanh trong vòng 5 phút.**   **Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất để trả lời câu hỏi:**  Câu 1: Biệt ngữ xã hội là gì?  A. Là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một địa phương nhất định  B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân  C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định  D. Là từ ngữ được dùng trong nhiều tầng lớp xã hội  Câu 2: Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  Câu 3: **Đọc kĩ câu văn sau và trả lời các câu hỏi.**  *Cá nó để ở dằm thượng áo ba đờ suy, khó mõi lắm.*  (Nguyên Hồng)  a, Từ “dằm thượng” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Túi áo trên  B. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng thân cây tre.  C. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng kim loại để cài áo.  D. Cả A, B, C đều sai  b, Từ “mõi” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Lấy cắp, lấy trộm  B. Mắc bẫy, mắc lừa  C. Mệt mỏi  D. Cả A, B, C đều sai  c, Hai từ ở “dằm thượng”, “mõi” ở ví dụ trên là từ ngữ địa phương hay biệt ngữ xã hội?  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  **Bài 2: Đọc kĩ đoạn văn sau và chỉ ra các biệt ngữ xã hội có trong đoạn văn.**  *[…] Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm* ***vua****, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy.* ***Ta*** *cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho* ***triều đình******luận tội****. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một* ***viên tướng*** *hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm:*  *- Không buông ra,* ***ta*** *chém!*  *Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một* ***vưong hầu****, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá,* ***viên tướng*** *nói:*  *-* ***Quân pháp vô thân****,* ***hầu*** *không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng* ***khinh thường phép nước****, anh em tất phải* ***chiếu theo thượng 1ệnh****.*  *Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:*  *- Ta xuống xin* ***bệ kiến quan gia****, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!*  ***Viên tướng*** *tái mặt, hô* ***quân sĩ*** *vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.*  (Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* - Nguyễn Huy Tưởng).  **\* NV2: GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời**:  Nội dung câu hỏi:  *+ Khi sử dụng biệt ngữ xã hội ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại kiến thức đã học chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu cá nhân.  - HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Biệt ngữ xã hội là gì?**  Biệt ngữ xã hội là các từ ngữ được dùng hạn chế trong phạm vi ở một nhóm người nhất định trong xã hội.  **2.** **Một số lưu ý khi sử dụng biệt ngữ xã hội:**  Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ sử dụng trong hoàn cảnh hạn chế, không được phổ biến rộng rãi trong toàn dân nên cần lưu ý sử dụng cho phù hợp, tránh lạm dụng gây khó hiểu cho người đọc, người nghe thông tin.  Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng trong các hoàn cảnh dưới đây:  **Thứ nhất:** Trong khẩu ngữ, việc sử dụng biệt ngữ xã hội để giao tiếp với người cùng tầng lớp với mình để tạo sự thân mật, gần gũi.  **Thứ hai:** Trong thơ văn, sáng tác các tác phẩm văn học để làm tăng tính biểu cảm cũng như thể hiện rõ tầng lớp xã hội, làm nổi bật tính cách của nhân vật.  Để tránh lạm dụng biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến biệt ngữ xã hội.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát **phiếu học tập số 1**.  ***Chỉ ra biệt ngữ ở những câu sau và giải thích nghĩa của các biệt ngữ đó.***  a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  (Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu).  b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.  \* GV phát **phiếu học tập số 2**  Đọc các ví dụ sau đây và trả lời câu hỏi:  a) Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến ***mẹ*** tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng ***mẹ*** tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.  Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:  – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào ***mợ*** cháu cũng về.   (Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu).  Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ lại dùng từ mợ? Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng mợ, cha được gọi bằng cậu?  b)  – Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ***ngỗng*** cho bài tập làm văn.  – ***Trúng tủ***, hắn nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.  Các từ ngữ ngỗng, trúng tủ có nghĩa là gì? Tầng lớp xã hội nào thường dùng các từ ngữ này.  \*GV phát **phiếu học tập số 3:**  ***Chỉ ra biệt ngữ trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:***  a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?  - Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu biết vì sao không?  - Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm bài tập trên phiếu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Thực hành tiếng Việt**  **\* Hs nhận diện và giải thích được nghĩa của các biệt ngữ xã hội ở bài tập 1.**  **Trả lời:**  \*Các biệt ngữ: - a, “gà”; - “tủ”  \*Giải thích:  - Từ “gà” trong câu trên được hiểu là người có năng khiếu, được ưu ái.  - Từ “tủ” trong câu trên được hiểu là học chọn lọc những kiến thức quan trọng, cần thiết để làm bài kiểm tra, làm bài thi.  **\* Hs cần hiểu được nội dung và phạm vi , mục đích sử dụng các biệt ngữ của tác giả qua ngữ liệu của bài tập 2.**  **Trả lời:**  a) Trong đoạn văn trên, tác giả có chỗ dùng “mẹ”, có chỗ lại dùng “mợ” bởi vì Trong lòng mẹ là hồi ký nên tác giả dùng từ “mẹ” – từ ngữ hiện tại.  Nhưng những dòng đối thoại tác giả dùng từ “mợ” vì đoạn đối thoại đó nằm trong kí ức.  Trước Cách mạng tháng Tám 1945 tầng lớp thượng lưu ở nước ta gọi mẹ là “mợ”, gọi cha là “cậu”.  Điều này cũng thể hiện sự tinh tế, uyển chuyển trong việc dùng từ của nhà văn Nguyên Hồng, bởi những dòng hồi ký với cách dùng từ “mẹ” – từ ngữ toàn dân dễ giúp người đọc hiểu hơn về người mà nhà văn đang muốn nhắc đến, còn khi dùng từ “mợ” – biệt ngữ xã hội trong giao tiếp với người cô trong kí ức cho thấy sự chân thật của câu chuyện mà tác giả kể lại, ngay từ cách nói chuyện với người cùng tầng lớp trong quá khứ.  b) Từ “ngỗng” có nghĩa là điểm hai, việc gọi như vậy xuất phát từ hình dạng con ngỗng giống với điểm 2.  Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra.  Đây đều là những từ ngữ học sinh hay sử dụng.    **\*Với bài tập 3, hs cần rút ra được những nhận xét và lưu ý trong việc sử dụng biệt ngữ.**  **Trả lời:**  \* Các biệt ngữ:  a. lầy  b. hem  \* Nhận xét: Các biệt ngữ trên hình thành trên những quy ước riêng của những người trẻ tuổi, thường được sử dụng trong phạm vi hẹp.  Trong câu (a) sử dụng khi giao tiếp với bố - người lớn nên không phù hợp.  Trong câu (b) sử dụng khi giao tiếp với bạn bè – có thể sử dụng biệt ngữ. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về biệt ngữ xã hội**

**2. Làm bài tập sau**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn, trong đoạn văn em có sử dụng các biệt ngữ xã hội. Gạch chân dưới các biệt ngữ xã hội mà em dùng.

**TIẾT 7: ÔN TẬP TỪ ĐỊA PHƯƠNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về TĐP, nhận diện và hiểu được cách sử dụng TĐP phù hợp trong các ngữ cảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS làm nhanh trong 5 phút**   **Câu 1.** Thế nào là từ ngữ địa phương?  A. Là từ ngữ toàn dân đều biết và hiểu.  B. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.  C. Là từ ngữ chỉ được dùng ở một (một số) địa phương nhất định.  D. Là từ ngữ được ít người biết đến.  **Câu 2.** Cho hai đoạn thơ sau:  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo* ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sàng*  (Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  ***Bắp*** *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  (Tố Hữu, *Khi con tu hú*)  Hai từ “bẹ” và “bắp” có thể được thay thế bằng từ ngữ toàn dân nào khác?  A. Ngô  B. Khoai  C. Sắn  D. Lúa mì  **Câu 3.** Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  **Câu 4.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó   |  | | --- | | **Câu 5.** Khi sử dụng từ ngữ địa phương, cần chú ý điều gì?  A. Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương.  B. Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp.  C. Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương.  D. Cả A, B, C đều đúng.  **Câu 6.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó  **Câu 7.** Trong bài thơ sau đây, từ *cá tràu* là loại từ ngữ nào?  *Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế*  *Khế trong vườn thêm một tý rau thơm*  *Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ*  *Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!*  (Chế Lan Viên)  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  C. Từ ngữ toàn dân  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 8.** Từ địa phương *tía* của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì?  A. Lá tía tô  B. Bố  C. Màu đỏ  D. Quả na  **Câu 9.** Các từ in đâm trong đoạn thơ là từ ngữ ở vùng nào là chủ yếu?  *Đồng chí* ***mô*** *nhớ nữa,*  *Kể chuyện Bình – Trị – Thiên*  *Cho* ***bầy tui*** *nghe* ***ví****,*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong* ***nớ hiện chừ*** *vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.*  (Hồng Nguyên)  A. Miền Bắc  B. Miền Trung  C. Miền Nam  D. Đây là từ ngữ toàn dân |   **\* NV2:** **GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân.**  *+ Em hiểu gì về từ ngữ địa phương?*  *+ Khi sử dụng từ ngữ địa phương ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Từ ngữ địa phương là gì?**  Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng hạn chế trong phạm vi một hoặc một vài vùng địa phương nhất định. Khi giao tiếp toàn dân có thể gây khó hiểu đối với người khác.  **2. Những lưu ý khi sử dụng từ ngữ địa phương.**  - Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậ thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật.  - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, cùng tầng lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên.  - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến từ địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 1:** Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:  a. Ai đi vô nơi đây  Xin dừng chân xứ Nghệ  (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)  b. Đến bờ ni anh bảo:  - “Ruộng mình quên cày xáo  Nên lúa chín không đều.  Nhớ lấy để mùa sau  Nhà cố làm cho tốt”.  (Trần Hữu Thung, Thăm lúa)  c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy  Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!  (Tố Hữu, Huế tháng Tám)  d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)  e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.  (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)  **Bài 2:** Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:  a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích Biên bản họp lớp)  b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…  (Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)  c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”**đây!  (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)  d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.  (Trích một bản tường trình)  **Bài 3:** Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  d. Nhắn tin cho một bạn thân  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan.  **GV phát phiếu bài tập 4**  ***a, Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc vùng khác mà em biết. Nêu từ những địa phương tương ứng (nếu có).***  **Gợi ý:** Em hãy xem một số chú thích trong các văn bản đã được học ở phần Văn, sử dụng những hiểu biết của mình về từ ngữ địa phương, nêu lên ít nhất 10 ví dụ. Không được lấy lại từ địa phương trong bài học.  b***, Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương có sử dụng từ ngữ địa phương.***  **Gợi ý:**  Hãy xem một số bài ca dao, thơ trong chương trình, xem thêm các tập thơ, ca dao của các địa phương. Ghi vào vở các bài đáp ứng yêu cầu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi ra phiếu các thông tin theo yêu cầu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Bài 1: HS cần nhận diện được các từ ngữ địa phương sau:**  a. vô  b. ni  c. chừ  d. chi  e. má, tánh  **\* Chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đoạn ngữ liệu** nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.  **\* Với bài tập 2 hs cần nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương như sau:**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b. Nhớn và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **\* Với bài tập 3 hs cần biết những trường hợp giao tiếp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương.**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan  **\* Hs sưu tầm các biệt và tìm các từ ngữ toàn dân tương ứng ở bài tập 4**   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Từ toàn dân** | | **Con tru**  **( Trung Bộ)** | **Con trâu** | | **Trái mận**  **( Nam Bộ)** | **Trái roi** | | **Mần**  **( Nam Bộ)** | **Làm** | | **Tía**  **( Nam Bộ)** | **Cha** | | **Bù lào**  **( Trung Bộ)** | **Bí đỏ** | | **Bá ( Trung Bộ)** | **Bác** |   **b,** Ví dụ:  *Đứng bên* ***ni*** *đồng, ngó bên* ***tê*** *đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên* ***tê*** *đồng, ngó bên* ***ni*** *đồng, bát ngát mênh mông*  (Ca dao)  ***Bầm*** *ơi, có rét không* ***bầm***  *Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.*  (*Bầm ơi*, Tố Hữu)  *Trèo lên trên rẫy khoai lang*  *Chẻ tre đan* ***sịa*** *cho nàng phơi khoai.*  (Hò ba lí của Quảng Nam) |

**Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ địa phương.**

**2. Làm bài tập sau:**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn em có sử dụng từ ngữ địa phương. Gạch chân dưới các từ địa phương mà em sử dụng.

………………………………………………………………………………………………….

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 1: CHỦ ĐỀ 1**

**TUẦN 2 - Tiết 8,9,10: ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT CHUYẾN ĐI THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA.**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn trải nghiệm.

- Năng lực tìm ý, xây dựng cấu trúc một bài văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn tự sự hoàn chỉnh.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NGỮ VĂN**

* **Mục tiêu:** Nắm vững mục đích, yêu cầu và quy trình viết bài vănkể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  **+** Theo em mục đích của việc viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Yêu cầu đối với bài văn kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Quy trình thực hiện một bài văn...?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức cơ bản cần ghi nhớ**  **1/ Mục đích viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là:**  Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm có được qua chuyến đi, thu hút sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hoá của dân tộc.  **2/ Những yêu cầu với đối bài văn kể lại một chuyến đi.**  - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài viết.  **3/ Quy trình viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.**   * TRƯỚC KHI VIẾT  1. ***Lựa chọn đề tài, tìm hiểu thông tin.*** 2. ***Tìm ý cho bài viết.*** 3. ***Lập dàn ý. Thực chất là sắp xếp các ý trình bày sao cho hợp lí.***  * *Mở bài:*   + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.   * *Thân bài:* * Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...). * Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hoá đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...). * *Kết bài:* Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá. * **VIẾT THÀNH BÀI HOÀN CHỈNH** * **SAU KHI VIẾT: ĐỌC LẠI VÀ CHỈNH SỬA BÀI VIẾT** |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG VIẾT**

* **Mục tiêu:** HS biết lựa chọn đề tài, sưu tầm tư liệu và thực hiện thành thục các thao tác tìm ý, lập dàn ý để viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Quy trình 1: Trước khi viết cần lựa chọn đề tài và chuẩn bị tư liệu viết.**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS trình bày phần việc GV đã giao chuẩn bị ở nhà từ tiết học trước.  - HS chuẩn bị trình bày các báo cáo là sản phẩm dạy học dự án (Đã giao từ tiết trước.)  - Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:  Yêu cầu: Làm video giới thiệu về chuyến đi trải nghiệm của em khi được đến thăm quan một di tích lịch sử tại địa phương.  Ví dụ:  + Đền Nghè, đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm…  + Di tích lịch sử đền Tràng Kênh….  - Nhóm 3, 4: Nhóm nghệ sĩ (PP phòng tranh)  **GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tổ chức làm việc theo cặp đôi.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - **Nhịp 1:**  + Em hãy tự chọn một trong những điểm đến của em trong những chuyến đi trải nghiệm để làm đề tài.  **-Nhịp 2:**  **+** Dựa trên những tư liệu đã sưu tầm được, em hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Xác định nội dung đề tài cho bài viết  - HS tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Quy trình 2: Thực hiện viết bài.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV yêu cầu HS:  Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).  Với 1 địa điểm đến cụ thể.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS viết bài ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - GV mời HS đọc các đoạn, bài đã viết hoàn thành.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá bài bạn.  - GV chốt lỗi cần sửa cho HS.  **Quy trình 3: Sau khi viết**   * **Đọc và sửa lại bài.** | 1. **Lựa chọn đề tài:**   **Ví dụ:**Viết bài văn kể lại chuyến đi (tham quan di tích lịch sử, văn hóa) đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.  **2. Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa làm đề tài cho bài viết, hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm do ai tổ chức? Mục đích của chuyến đi là gì?  - Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,…).  - Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).  - Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…).  **3. Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý.  - Mở bài:  + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  - Thân bài:  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến thúc,…).  - Kết bài:  Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  **4. Viết bài**  **Bài văn tham khảo**  Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm tại Huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc cổ được xây dựng và gìn giữ qua biết bao thăng trầm mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu về cuộc đời của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.  Bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua những ruộng thuốc lá xanh rờn xen lẫn cánh đồng lúa chín vàng, chúng em đến thăm Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm trên quê hương ông ở làng Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Trên con đường trải đầy rơm rạ sau vụ gặt và nồng đượm mùi thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo nổi tiếng khắp nước, cũng có rất nhiều người như chúng em tìm về Khu di tích, thắp nén hương thơm, tưởng nhớ tới Nguyễn Bỉnh Khiêm, một danh nhân văn hoá, một nhà hiền triết mà sự nghiệp và tên tuổi của ông đã lưu danh mãi cùng đất nước.  Nguyễn Bỉnh Khiêm có tên chữ là Hanh Phủ, tên hiệu là Bạch Vân cư sĩ, sinh năm 1491 tại thôn Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương nay là huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc, thân phụ ông là Thái Bảo Nghiêm quận công Nguyễn Văn Định, thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan thượng thư Nhữ Văn Lan, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số, nên Nguyễn Bỉnh Khiêm từ sớm đã hấp thụ truyền thống gia giáo. Tuy nhiên, lớn lên trong giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, nhiễu loạn nên suốt thời trai trẻ, Nguyễn Bỉnh Khiêm phải sống trong ẩn dật, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535, khi đã 45 tuổi, ông mới đi thi và đỗ Trạng nguyên. Từ đấy, ông làm quan với tân triều, nhà Mạc phong chức Tả thị lang (chức đứng hàng thứ ba trong bộ Hình). Năm 1543, trước cảnh bầy tôi lộng quyền, Nguyễn Bỉnh Khiêm mạnh dạn vạch trần sự tha hóa, thối nát rồi dâng trảm sớ lên vua đối với 18 đình thần biến chất, mưu phản, song không được nhà vua chấp thuận. Ông bèn cáo quan về ở ẩn nơi quê nhà, lập am Bạch Vân, mở trường dạy học, làm thơ, nghiên cứu kinh sử, chắt lọc những tinh hoa của các đạo pháp ngoại lai, bổ sung vào đó tính chất giản dị mà sâu sắc của người Việt để giáo hóa người đời và dạy dỗ học trò thành người có đức có tài, hữu ích cho đất nước. Học trò của ông nhiều người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyền... Nguyễn Bỉnh Khiêm qua đời năm 1585, ông đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như Tập thơ Bạch Vân gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán và hai tập Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm thi với hàng trăm bài thơ chữ Nôm. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Thơ của ông là cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm hay nhắc tới sự thăng trầm "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành nương dâu) của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như "phù vân". Ông thương xót cho "vận mệnh" quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của "dân đen", "con đỏ". Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, "vận mệnh" của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế "chân vạc". Nguyễn Bỉnh Khiêm còn là nhà triết học lớn của Việt Nam. Ông cũng tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông đã cho ra đời hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình".  Để tưởng nhớ và khắc ghi những đóng góp của Nguyễn Bỉnh Khiêm, ở làng Trung Am, quê hương của ông, con cháu và dân làng đã xây dựng một khu di tích gồm nhiều hạng mục công trình, là nơi thờ cúng và trưng bày hiện vật về thân thế và sự nghiệp của ông. **Năm 1991, khu** di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã được **Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia, trở thành** một địa điểm du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng của Hải Phòng.  Đến với Khu di tích Trạng Trình, từ lúc đặt chân bước qua được cổng tam quan, chúng em đã được nhìn thấy ngay khu đền thờ cụ Trạng.  Ngôi đền được thiết kế dựa trên nền nhà cũ của Trạng Trình và đặt ngay chính giữa là tượng và bài vị của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tượng ông được làm bằng gỗ, trong thế ngồi trên ngai, mình mặc áo rồng vua ban, đầu đội mũ cánh chuồn, tay phải cầm cuốn tập giơ lên như đang giảng đạo thơ cho các học trò. Phía trước đền là hồ Thái Nhâm, trên khoảng đất giữa hồ có cầu bắc qua còn tấm bia đá làm năm Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) ghi lại việc làm đền thờ Trạng và tên những người đã đóng góp xây dựng đền. Phía trước đền chính là hồ Thái Nhâm rộng lên đến 1.000m2. Phía sau được thiết kế mô phỏng Am Bạch Vân với ba gian nhà lớp mái ngói.  Cách đó không xa chính là tượng Trạng Trình ngồi uy nghiêm, trang phục giản dị, nho nhã. Hay thú vị hơn chính là hai bức phù điêu cao hơn 5m, dài hơn 20m được thiết kế tỉ mỉ, công phu nhằm thể hiện rõ nét về cuộc đời bao thăng trầm, sự nghiệp trồng người vẻ vang của Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng như tái hiện chân thực từng giai đoạn lịch sử của nước Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược đến tận ngày nay.  Dạo quanh các khu vườn tại Khu di tích Trạng Trình, bạn sẽ dễ dàng bắt gặp được những bức tượng được tạc bằng đá với kích cỡ hệt như người thật. Các bức tượng này được sắp xếp một cách có chủ ý nhằm mô tả lại các khung cảnh đời thường trong cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm như cảnh dân làng mừng rỡ chào đón Trạng Trình từ quan trở về làng hay khi cụ ngồi giảng văn thơ cho các học trò.  Hàng năm cứ đến ngày 23/12, người dân trong vùng và các nơi lại kéo về đền thờ tế lễ, dâng hương tưởng niệm ngày mất của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bên cạnh phần lễ, phần hội với nhiều trò chơi dân gian đánh vật, kéo co, chọi gà, cờ người… đã mang đến một không khí lễ hội dân gian độc đáo, để lại những ấn tượng tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước.  Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng nhau đi dạo quanh làng, ghé vào các quán lưu niệm để mua đồ mang về. Buổi chiều, học sinh cả lớp sẽ tập trung lại để tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.  Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất. |

**Hướng dẫn học bài ở nhà: hoàn thiện bài tập làm văn theo yêu cầu.**

*------------------------------------------------------------------------------------------------*

*Ngày soạn:4/5/2024*

**TIẾT 137,138,139,140**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRIỂN KHAI PHÁT ĐỀ CHO HS LÀM BÀI.**

* **Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức và kĩ năng thực hành của HS sau khi học xong chủ đề 1**

**HOẠT ĐỘNG 2: HỌC SINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU KHI NHẬN ĐỀ.**

* **Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**HOẠT ĐỘNG 3: GV NGHIỆM THU SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH**

* **Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được kĩ năng làm bài tổng hợp của HS.

Chỉnh sửa, giúp đỡ HS sửa lỗi kịp thời.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * Tổ chức thực hiện:   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**.  + GV thu sản phẩm luyện tập tổng hợp của HS.  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS** nhận xét đánh giá bài của bạn, sửa lỗi của bản thân.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. |  |

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

[…] *Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.*

*Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:*

*- Xin hoàng thúc bình thân.*

*Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:*

*- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.*

*- Hạ thần xin chờ lệnh thánh.*

*- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi…*

*- Hạ thần xin tuân thánh chỉ.*

*Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng nghịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:*

*- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.*

*- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kẻo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.*

*- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.*

*Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phượng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.*

*Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ và bảo mọi người:*

*- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các ngươi mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nấn ná chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.*

*Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...].*

(Trích ***An Tư*** *–Phần 1,Chương 2*, Nguyễn Huy Tưởng, NXB Thanh niên)

**Chọn đáp án đúng nhất để trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

**Câu 2**. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc giã tấn công quá mạnh.

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

**Câu 3.** Các từ ngữ: *hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ*…là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A.Truyện đồng thoại

B.Truyện ngụ ngôn

C. Truyện lịch sử

D. Truyện khoa học viễn tưởng.

**Câu 4.** Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A.Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì “Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất… Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ”.

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A,B.

**Câu 5.** Vì sao các tráng sĩ lại “*có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ*” khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

A. Vì họ muốn “mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng”.

B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng.

C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng

D. Cả A,B,C

Câu 6. Lời dặn dò*: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta,* chứng tỏ:

A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.

B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của *Quỹ****.***

C. Chiêu Thành vương đã hết cách.

D. Cả A,B,C.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 7.** Lời căn dặn của Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ: “*Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy”* giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

**Câu 8.** Phân tích hiệu quả của phép tu từ so sánh trong câu văn**: “***Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều.”*

**Câu 9.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 7:** Chiêu Thành Vương là một vị tướng rất gần gũi và thấu hiểu quân sĩ. Là vị chủ tướng đầy trách nhiệm, biết nhìn xa, trông rộng, biết động viên khích lệ quân sĩ.

**Câu 8:** - **So sánh:** thế như trẻ tre.

**- Tác dụng:**

+ Về nội dung: Nhấn mạnh thế tấn công như vũ bão của quân giặc hung ác, tàn bạo khiến quân ta khó bề chống đỡ đồng thời thể hiện nỗi lo lắng, xót xa của người kể chuyện khi chứng kiến sự thất bại của quân ta.

+ Về nghệ thuật: làm cho câu văn giàu hình ảnh, cách diễn đạt sinh động**,** hấp dẫn.

- Tuổi trẻ xưa, khi đất nước có chiến tranh: chăm chỉ luyện tập; sẵn sàng đánh giặc mà không cần đợi tuổi; sẵn sàng tham gia quân đội khi đủ tuổi…

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau:**

*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên là:

A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần

B. Thời vua Lê, chúa Trịnh, xã hội phong kiến suy tàn.

C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

D. Trong thời kì hòa bình hiện nay.

**Câu 2.** Nhân vật ông già làng Xuân Đình được nói đến trong đoạn trích là ai?

A. Một vị tướng đã giúp nhà Trần đánh giặc.

B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc.

C. Một vị thần sông.

D. Một người có danh tiếng trong dòng dõi họ Trần.

**Câu 3.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 4.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 5.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 6*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 7.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 8.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.**Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*”giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**Câu 10***.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 9:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

=> Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

**Câu 10:**

-Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ.

- Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tỉnh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...)

**-** Cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kĩ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước.

**ĐỀ SỐ 3**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau:**

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.*

*Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.*

(Theo *Trần Thị Cẩm Quyên*, in trong *Văn học và tuổi trẻ*, số 11 - 2021)

**Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

1. Tự sự
2. Miêu tả
3. Nghị luận

D. Biểu cảm

**Câu 2.**  Theo tác giả, tại sao *Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?*

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

**Câu 3.** Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Câu 4**. Biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu: “*Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.*

A. Ẩn dụ, so sánh

B. So sánh, liệt kê

C. So sánh, điệp ngữ

D. So sánh, nhân hoá

**Câu 5.**  Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

*“Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc”.*

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 6.** Từ “*thành công*” trong đoạn văn trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

**Câu 7.** Dấu ngoặc kép trong câu sau có công dụng gì?

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”.*

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm nghĩa mỉa mai

D. Đánh dấu tên tác phẩm

**Câu 8.** Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

A. Đoàn kết là sức mạnh.

B. Thất bại là mẹ thành công.

C. Thất bại là thầy của chúng ta.

D. Đừng sợ thất bại.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**Em có tán thành với quan điểm *“Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”*? Vì sao?

**Câu 10.** Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của lòng quyết tâm, sự kiên trì trong cuộc sống. (viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu)

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)**

**Đề bài: Kể lại chuyến đi tham quan của em tại khu di tích lịch sử Tràng Kênh.**

**GỢI Ý VIẾT ĐOẠN VĂN**

Nội dung của đoạn viết:

Nêu được ý nghĩa, vai trò của lòng quyết tâm, sự kiên trì, trong cuộc sống.

+ Lòng quyết tâm, kiên trì *là sự nỗ lực hết mình, tập trung cao độ để đạt mục tiêu.*

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là một phẩm chất đáng quý, có vai trò quan trọng đối với mỗi người bởi trong cuộc sống, những khó khăn thử thách ta gặp phải là điều ko tránh khỏi nên phải kiên trì, nhẫn nại, dũng cảm đối mặt và quyết tâm vượt qua

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là động lực giúp con người vượt qua khó khăn thử thách để đạt được thành công; chủ động, tự tin trong cuộc sống; bồi dưỡng ý chí nghị lực, trí thông minh, bản lĩnh...

+ Học sinh cần có lòng quyết tâm, kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống để đạt được ước mơ.

**GỢI Ý VIẾT BÀI VĂN**

Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử Tràng Kênh tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc đẹp mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu rất nhiều kiến thức lịch sử.

Đúng bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua hai cây cầu chúng em thì sang đến huyện Thủy Nguyên. Sau thời gian khoảng 20 phút, xe dừng lại tại quần thể khu di tích lịch sử Tràng Kênh.

Khu di tích Tràng Kênh Hải Phòng có địa chỉ nằm tại thôn Tràng Kênh, thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm Thành phố Hải Phòng chỉ 20km về phía Đông Bắc.

Bạch Đằng Giang là 1 khu du tích lịch sử cổ đại nằm trong một khuôn viên rộng lớn, lưng tựa vào núi Tràng Kênh, mặt hướng ra con sông Bạch Đằng với biết bao chiến công lẫy lừng. Nơi đây có vẻ đẹp thuần khiết, và rất ấn tượng cho khách du lịch khi đến đây. Khi đến đây, du khách cảm nhận được sự thanh bình, trong lành và tĩnh tâm. Môi trường cảnh quan tại đây rất xanh, sạch, đẹp, vị trí sơn thủy hữu tình, nhiều hàng cây tạo bóng mát, luôn có người quét dọn thường xuyên. Du khách đến đây đều tự giác thu gom rác vào nơi quy định. Đây là một điểm sáng về công tác quản lý điểm di tích lịch sử văn hóa rất khoa học, không có việc chen lấn, xô đẩy, ồn ào. Trong khu di tích trồng rất nhiều cây xanh các loại. Trong số đó có các cây cổ thụ, tỏa bóng mát quanh năm, soi bóng xuống dòng sông Bạch Đằng thơ mộng, hùng vỹ. Khu di tích Bạch Đằng Giang rộng 20 ha, được xây dựng bởi các nhà hảo tâm. Nơi đây nằm trong quần thể danh thắng Tràng Kênh, được Nhà nước công nhận năm 1962. Tại đây có ngôi miếu cổ thờ các vong linh tử sĩ chiến đấu, hy sinh trên sông Bạch Đằng. Sau đó, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm nâng cấp, tôn tạo.

Theo bước chân và sự hướng dẫn của bác hướng dẫn viên, chúng em đi vào thăm quan khu di tích. Từ cổng vào chúng em đã nhìn thấy một vườn đá cuội và một trụ đá cao chừng 5m, mặt trước có 7 chữ “Giang san vượng khí Bạch Đằng thâu”. Ba mặt trái, phải, sau khắc công lao và thần tích của vua Ngô Quyền, vua Lê Đại Hành và đại vương Trần Hưng Đạo. Đi sâu vào trong là các dãy bon sai, cây cổ thụ. Ngôi đền đầu tiên trong di tích là Tràng Kênh Vọng Đế, thờ vua Lê Đại Hành. Tiếp đó là Linh từ Tràng Kênh thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, người chỉ huy chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, rồi đến đền Bạch Đằng Giang thời Ngô Quyền, đánh thắng quân Nam Hán năm 938. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa điểm cuối cùng trong tứ linh từ của di tích. Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn có: đền thờ Thánh Mẫu, khu nhà bảo tàng trưng bày hiện vật cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng trong bể thủy tinh. Từ ngôi chùa phỏng theo chùa Đồng (Yên Tử, Quảng Ninh) được xây trên núi Tràng Kênh, du khách sẽ bao quát được toàn cảnh vẻ đẹp của cả vùng Tràng Kênh. Mới đây, khu di tích xây thêm 3 pho tượng đồng tạc Ngô Quyền, Lê Đại Hành và Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, mỗi pho tượng cao 11m, đặt trên quảng trường nổi, hướng ra sông Bạch Đằng, xung quanh là một bãi cọc mô phỏng bãi cọc Bạch Đằng xưa kia… Khung cảnh của khu di tích được tô điểm bởi những hàng cau xanh tốt, như những người lính canh gác nơi tiền tiêu.Các học sinh tìm hiểu lịch sử tại khu di tích Bạch Đằng Giang Trong đó, việc duy trì các hoạt động như: trông xe, dọn dẹp vệ sinh đều do người dân tự nguyện tham gia, như một hình thức công đức cho khu di tích. Ban Quản lý không phải trả công nên không đặt nặng vấn đề kinh doanh. Mọi người đều rất tự nguyện, tự giác, mỗi người làm một phần việc. Đến đây tham quan, vãn cảnh, du khách sẽ cảm nhận được thanh tịnh, trang nghiêm và trật tự… Khu vực nhà khách khang trang, rộng rãi có sức chứa 1.000 người, có nước uống miễn phí; khu vực vệ sinh sạch sẽ, nhân viên dọn dẹp thường xuyên.

Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn là điểm tham quan lịch sử tích hợp trải nghiệm đối với các du khách, nhất là các bạn trẻ và học sinh các cấp như chúng em. Tại khu Nhà bảo tàng, chúng em được chiêm ngưỡng các hiện vật lịch sử như: cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng – nhân chứng lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng; sơ đồ diễn biến các trận Bạch Đằng; các di chỉ khảo cổ đồ gốm các thời kỳ Lê, Trần..; lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ, hình ảnh các vị lãnh tụ tới thăm, dâng hương và chiêm bái khu di tích. Theo sự thống kê của Ban quản lí khu di tích, chúng em đưoực biết hằng năm, khu di tích đã đón hàng chục đoàn học sinh của các trường học trong và ngoài thành phố đến tham quan, sinh hoạt ngoại khóa, tìm hiểu lịch sử dân tộc. Đây là phương pháp giáo dục lịch sử kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, thu hút rất đông các thầy, cô giáo, các phụ huynh và học sinh rất nhiệt tình tham gia.

Quảng trường Chiến thắng là điểm cuối trong chuyến tham quan, công trình được hoàn thành vào cuối năm 2016. Quảng trường lát đá granit vươn ra sông, gồm 3 pho tượng của Đức Ngô Quyền vương, vua Lê Đại Hành và Đức Thánh Trần cao 11m bằng đồng. Mô hình bãi cọc lim bịt sắt gồm 180 cọc được phục dựng lại dưới lòng sông.

Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em bảo nhau tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng đi dạo quanh khu di tích, tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.

Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích Tràng Kênh thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 4**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**2. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**3. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 08– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu văn bản truyện cười  (Ngoài SGK) | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu văn bản truyện cười  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận biết một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả;...)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được một số yếu tố hình thức, nội dung của truyện cười.  - Nêu được nội dung bao quát, ý nghĩa của văn bản.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa của văn bản.  – Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. | 5TN | 3TN  1TL | 1TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề trong đời sống cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về thực trạng, tác động, nguyên nhân và đề xuất giải pháp kiên quan đến thói quen xấu.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về một vấn đề đời sống (thói quen xấu).  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về một vấn đề đời sống.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN, 1TL** | **1TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***30*** | ***30*** | **30** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**B. ĐỀ BÀI**

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Môn: Ngữ văn 8**

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

Đọc văn bản:

Một hôm, chủ nhà bảo anh đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường. Chủ nhà ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thằng này ngốc thật, hai bên đường thiếu gì ao hồ. Khát nước thì xuống đó mà uống, tìm vào quán xá cho nó phiền phức.

- Thưa ông, độ này trời đang cạn, ao hồ ruộng nương cạn khô hết cả.

- Thế thì tao cho mày mượn cái này!

Nói rồi đưa cho anh đầy tớ cái khố tải*1*. Người này chưa hiểu ra sao, thì chủ nhà đã giải thích luôn cho biết ý tứ:

- Vận vào người, khi khát vặn ra mà uống.

Người đầy tớ liền thưa:

- Dạ, trời nóng thế này vận khố tải ngốt lắm! Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy.

- Để mày làm gì chứ?

- Dạ, vắt cổ chày*2* ra nước ạ!

(*Vắt cổ chày ra nước*, Tinh hoa văn học dân gian người Việt- Truyện cười, NXB Khoa học xã hội, 2009, tr.119-120)

Chú thích

(1) *Khố tải:* còn gọi là bao tải, bao dệt bằng sợi đay hay dứa gai, thường dùng để đựng lưong thực.

(2) *Cổ chày,* phần eo lại ở giữa cái chày, dùng để cầm nắm khi giã

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Nội dung chính của văn bản *Vắt cổ chày ra nước* là gì?

A. Giới thiệu cách thức, thời điểm, tác dụng của cổ chày là có thể vắt ra nước.

B. Kể chuyện ông chủ nhà keo kiệt, hà tiện quá mức.

C. Kể lại câu chuyện về một người ở muốn mang chày để vắt nước uống.

D. Ghi lại suy nghĩ của người viết về câu chuyện cái chày *l*à có thể vắt ra nước.

**Câu 2.** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện cổ tích

C. Truyện cười

D. Truyện truyền thuyết

**Câu 3.** Phương án nào sau đây nêu đặc điểm thể loại của văn bản trên?

A. Nội dung thường viết về các câu chuyện hoang đường...

B. Cốt truyện thường mượn các con vật để nói chuyện con người.

C. Cốt truyện thường tập trung vào những yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, nghịch lí của cuộc sống...

D. Truyện thường kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.

**Câu 4**. Câu nào sau đây là lời nhân vật người chủ trong văn bản trên?

A. Nói rồi đưa cho anh đầy tớ cái khố tải*.*

B. Người này chưa hiểu ra sao, thì chủ nhà đã giải thích luôn cho biết ý tứ.

C. Người đầy tớ liền thưa.

D. Thế thì tao cho mày mượn cái này!

**Câu 5.** Tại sao ông chủ nhà lại “*đưa cho anh đầy tớ cái khố tải”* khi anh ta về quê?

A. Vì ao hồ đều cạn hết nước, anh người ở sẽ không có nước uống.

B. Vì trời nắng, khổ tải có thể che được nắng.

C. Để anh ta khát nước thì vắt khố tải ra lấy nước mà uống cho đỡ khát.

D. Vì ông ta lo cho sức khỏe của anh người ở.

**Câu 6**. Bối cảnh của câu chuyện Vắt cổ chày ra nước là gì?

A. Một hôm, chủ nhà bảo anh đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường.

B. Giữa cánh đồng làng quê lúc ban chiều đầy nắng và gió.

C. Chủ nhà đưa cho anh đầy tớ khố tải để về quê.

D. Anh đầy tớ muốn xin tiền người chủ nhà.

**Câu 7.** Câu: “*Dạ, vắt cổ chày ra nước ạ*” có nghĩa hàm ẩn là gì?

A. Anh người ở muốn mỉa mai chủ nhà “ông là đồ keo kiệt”.

B. Để anh người ở vắt nước ở cổ chày ra uống.

C. Để anh người ở mang cho nhẹ, không bị nóng bức.

D. Anh người ở đủ khả năng vắt cổ chày vắt nước.

**Câu 8.** Thành ngữ “Vắt cổ chày ra nước” đồng nghĩa với thành ngữ nào sao đây?

A. Rán sành ra mỡ

B. Đẽo cày giữa đường

C. Được voi đòi tiên

D. Một tấc lên trời

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Câu nói “Vắt cổ chày ra nước!” của nhân vật người đầy tớ trong truyện có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?

**Câu 10**. Em rút ra những bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện trên?

**Phần II. Viết (4,0 điểm)** Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM)** | | |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1->8** | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **B** | **C** | **C** | **D** | **C** | **A** | **A** | **A** | | Mỗi ý đúng 0.5 điểm |
| **9** | Vai trò của câu nói “Vắt cổ chày ra nước!” của nhân vật người đầy tớ trong truyện:  - Giúp khắc họa chân dung lạ đời của nhân vật ông chủ nhà: một kẻ quá keo kiệt, keo kiệt đến lạ đời, có một không hai.  - Tạo tiếng cười cho câu chuyện: tác giả đã tạo ra tiếng cười dưới góc nhìn hài hước. Làm sao mà có thể vắt được cổ chày ra nước! Câu nói chứa ẩn ý của anh người ở thể hiện sự thông minh, hài hước, nhằm phê phán hiện tượng keo kiệt trong cuộc sống | 1,0 điểm |
| **10** | Bài học có thể rút ra sau khi học trong câu chuyện:  - Tiết kiệm là tốt, nhưng keo kiệt là xấu, thể hiện thói ích kỉ, tham lam nên chúng ta không nên hà tiện quá mức dẫn tới keo kiệt.  - Cần nhận thức được danh giới giữa tiết kiệm và keo kiệt vì nó rất mong manh.  - ... | 1,0 điểm |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** | **PHẦN VIẾT (4.0 ĐIỂM)** | | |
| **1. Yêu cầu chung:** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết nghị luận về một vấn đề đời sống. Bài viết phải có bố cục rõ ràng; có hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí; thể hiện quan điểm, thái độ rõ ràng của người viết; bài viết bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | |
| **2. Yêu cầu cụ thể** | | |
| *2.1. Hình thức* | Bài văn có cấu trúc 3 phần: Mở bài: Nêu được vấn đề cần bàn luận, nêu ý kiến về vấn đề cần bàn luận; Thân bài: làm rõ về vấn đề cần bàn luận trong đời sống, thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của mình về vấn đề đó; Kết bài: Khẳng định lại vấn đề. | 0,25 |
| *2.2. Nội dung* | ***Mở bài:***  + Dẫn dắt vào vấn đề  + Nêu vấn đề nghị luận: Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Đã đến lúc chúng ta phải thay đổi, mọi người từ bỏ thói quen này vì một môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. | 0,25 |
| ***Thân bài:***  **- Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi.**   + Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.  **- Thực trạng của vấn đề**: Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xã, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng  **- Hậu quả của thói quen vứt rác bừa bãi**  + + Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.  + + Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.  + Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.  + Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại: Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến độ ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.  **- Nguyên nhân của thói quen vứt rác bừa bãi**:  + + Do bản thân cá nhân người có hành vi vứt rác có lối sống cẩu thả, tùy tiện, thiếu ý thức cộng đồng, ..  + + Do nhà nước chưa có chế tài phù hợp đối với hành vi vứt rác bừa bãi; ...  **- Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**  + Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.  + Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*  *+* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.* | 2,5 |
| ***Kết bài:***  Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. | 0,25 |
| *2.3. Liên hệ, kết nối* | Biết liên hệ kết nối nghị luận | 0,25 |
| *2.4. Sáng tạo* | Văn viết có giọng điệu, diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục | 0,25 |
| *2.5. Chữ viết, chính tả, trình bày* | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
|

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**